

ngoại nữ nội » chỉ hết, phong tục tiết nghĩa hầu như chẳng còn. Xem kỹ, dân chẳng phải ngu ngoan, đền đồi không giáo hóa được ; chỉ vì người trên chẳng biết thi hành chánh sách giáo-dục mà thôi. Nếu có vị vua thánh, biết dùng kẻ hiền để chấn dân, ngăn cấm nết xấu thói tà, dạy cho biết hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, khiến dân ăn ở đều do theo đường chính nẻo ngay, thì mười năm sinh tụ, mười năm dạy dỗ học hành, làm sao lậu tục mán mừng, chẳng trở nên hoa-phong lạc-thổ. Ấy cũng là một điều không may cho nhân dân chăng. Nhơn cảm khái nhớ Trần-Quảng-Châu, làm một bài thơ cổ-phong.

Ngày xưa,
 Năm tiên cỡi dê đền thành Dương (2).
 Ngày nay,
 Thái-thú ngũ-mã ngự Hoàng-Đường. (3)
 Tiên nhân tuy bỏ đi, khang năm vẫn phong năm.
 Thái-thú từ đảo nhậm, muốn dân được an khương.
 Quảng-châu thuộc hạt mười bảy huyện.
 Núi non hiểm trở,
 Trộm cướp tung hoành.
 Phải chờ vài mươi năm sắp đặt,
 Xóm làng yên ổn,
 Cây cày làm ăn.
 Bổng đâu nước lụt gặp thiên tai,
 Ngày ấy xe ông vừa đến nơi.
 Dầm nước lội bùn đền thăm hỏi.
 Nhìn xem cảnh tượng lòng buồn ngùi.
 Lúa chín ngâm bùn đều thối nát.
 Nhân, vãi cây trái đều rụng rời.
 Nghe đồn xứ ấy nhiều báu ngọc,

-
- 2) Hoàn-vũ-ký : Ngũ-dương-thành ở Quảng-châu-phủ, Nam-hải-huyện, xưa có năm tiên-nhơn cỡi năm con dê ngũ-sắc, cắm 5 bông lúa đi đền, nhơn gọi tên Ngũ-dương-thành.
 3) Hán-Quan-nghi : Theo lễ thường dùng bốn ngựa kéo xe, chỉ có quan Thái-thú mỗi lúc đi ra, dùng thêm một ngựa, cho nên xưng Thái-thú làm ngũ-mã.

Vàng tặng sứ-thần túi đầy dóc (4).
 Mạch suối Thạch-môn cỏ dầu dầu,
 Lông thúy hạt châu, luồng than khóc.
 Trải qua mấy độ nhớ người xưa.
 Đèn thờ Đại-phu lưu gió mưa,
 Ai bảo người xưa chẳng khá thầy.
 Ông với Ngô-hầu phượng phất như.
 Biệt ly thắm thoát bao tháng ngày,
 Sĩ tập dân phong cả đổi thay.
 Nhớ ông thành thực vì sinh dân,
 Mắt xanh dài kẻ quê-mùa nầy.
 Cung dưỡng Duy-Ma viếng chùa Hương.
 Còn mong châu ngọc tặng văn-chương.
 Thắm thoát chia tay đã năm tháng,
 Nhật-nam lưu lạc chôn biên-cương.
 Giáo hóa nếu có người như ông,
 Biên đời man rợ thành hoa phong.

Thê-giới nguyên chẳng có gì gọi là kẻ-chợ và man-di, từ thánh-nhơn ra đời, mới có phân biệt. Lúc đầu hồng-hoang khai sáng, loài người ăn lông uống huyết, ù ù cạc cạc, chẳng khác gì chim muông. Đến lúc sinh tự càng ngày càng đông, những kẻ gian ngoan bèn dùng quyền thuật mà xưng hùng xưng bá, nhưng chẳng phải lấy đạo đức phục người. Chừng ấy trời sinh thánh-nhơn, chẳng nở nhìn đồng-loại tương tàn tương-sát, bèn đặt ra binh hình để trị kẻ bạo loạn, lễ nhạc để dạy kẻ gian tà ; có chính có giáo hấn hời, dựng nên thành quách cung thất, tôn miếu tề tự ; tôn ty quý tiện có trật tự phân minh, tạo nên đời văn trị. Thê là tiếng « kẻ-chợ » (Hoa) đo thánh-nhơn mà có vậy. Còn những nơi vì núi biển cách trở, thánh-vương đánh dẹp chẳng đến, lễ giáo khó thông ; dân-cư tụ tập, tự làm quân trưởng với nhau, quen tập thói quê mùa hủ lậu ; chẳng biết lễ nghĩa là gì. Chỉ biết lấy oai-lực phục nhau, thì hay sinh ra chiến tranh, mà trong việc chiến tranh, cần phải biến ảo thần kỳ mới hơn người được. Vì thế trong nước hay bàn việc võ-bị, chẳng chuộng văn-đức.

4) Triệu-Đà tặng nghìn vàng cho Hán-sứ Lục-Giá.

Ta đến Đại-việt, có Tứ-triều Nguyên-Lão Đông-Triều-Hầu đến ra mắt đầu tiên, cùng với con là Văn-chức thê-nam đều quy y thọ-giới. Người xứ này ưa dối trá, chỉ có Đông-triều-Hầu phụ tử, cùng người giao hữu rất chơn thành, chẳng khoe khoang phú quý công danh, đạm bạc thanh cao, có phong độ văn-minh kẻ chợ. Thường ân cần cầu học các môn số-học, cơ-môn độn-giáp v.v...

Ta bảo rằng : « Kẻ lão hủ này chưa bao giờ học tập các môn ấy ».

— « Nếu chưa học, làm sao ngày làm chay ở Vương-phủ, Lão-Hòa-Thượng khiến lặng gió tạnh mưa được ngay ? Nghe nói ngày Hòa-thượng tu luyện ở Hòa-sơn, từng gặp dị-nhơn truyền dạy pháp-thuật phải chăng ? » Ân cần cầu khẩn hai ba lần.

Ta bảo rằng : « Nói về phép « ngũ hành diễn độn », là một phương tiện để cứu thời. Ngẫu-nhiên, nhơn khi trời hạn hán, ta có một lần tề gió cầu mưa, rồi thiên-hạ đồn tiêng ra vậy thôi. Nay đem phép ấy truyền cho ông chẳng khó gì, nhưng phép khá truyền mà dùng phép thì tùy ở người, cần phải chuyên nhứt tinh thành, tu trì hàng năm hàng tháng, khiến phép thành do ta, mới có thể biến hóa vô cùng, tùy cơ ứng dụng. Nếu chẳng thế, thì luồng giữ phép suông, mà biến ảo đa đoan, làm sao ứng dụng cho khỏi trở ngại được. »

Nhưng ông vẫn yêu-cầu khẩn thiết chẳng thôi. Ông nói rằng : « Lão-Hòa-thượng từ-tâm chịu truyền dạy cho, đệ tử thê một lòng kiên quyết, bất luận 5 năm, 10 năm, quyết học phép cho được cảm cách ứng-nghiệm mới thôi. Nguyên xin trọn đời hy-sinh, làm việc cứu dân lợi nước ; nhứt thiết chẳng dám tổn nhơn ích kỷ, để mang tội với cao xanh vậy ».

Ta nghĩ, ông có lòng tin rất thành khẩn, bèn soạn phép « Ngũ-hành diễn độn », ghi rõ giờ khắc tề luyện, phối hợp độ số đại khái, truyền cho ông, và làm một bài tựa.

« Phàm ở đời, cái gì mà người ta có thể nghe thấy ý-thức được, gọi là thường, không thể nghe thấy ý-thức được, gọi là lạ ; lạ thì thần minh chẳng lường, lạ hơn nữa thì biến ảo chớp nhoáng, chẳng thấy múi manh, có thể đoạt quyền hóa công, chuyển cơ sinh sát, tự mình làm chủ tề vậy. Bởi vì từ lúc âm dương phán định, chia làm ngũ hành, quyền do tạo-hóa chuyển vận, nhứt định không thể dời đổi. Những bậc kỳ-nhơn vận dụng máy « hỗn nguyên nhứt khí », từ thừa hồng môg

chưa phân trời đất, đuổi âm dương, phá ngũ hành, làm cho quyền tạo hóa cũng không thể hạn chế được. Nhưng việc làm có nhiều loại, trên là trời, dưới là đất, giữa là người. Trong ấy hoặc pháp, hoặc lý, hoặc sự, hoặc vật đều chia thành môn loại. Lúc động, lúc tĩnh, lúc làm, lúc nghỉ, lúc tiền, lúc thời, nhứt thiết đều ra vào từ đó, tự nhiên ra ngoài ý tưởng của người thường. Nhưng thường đủ quyền chế ngự người, cho tạo hóa cũng không thể hạn chế được. Bởi thế có lúc « diễn », thì phơi bày ra vô cùng, có lúc « độn » thì tiêu tan về chỗ không có ; có lúc « diễn » mà « độn » thì bớt nhiều làm ít ; có lúc « độn » mà « diễn » thì hóa không làm có ; chuyển « diễn » về « độn » thì dùng sinh để sát, chuyển « độn » về « diễn » thì toàn sát để sinh. Cho nên trong « diễn » có « độn », trong « độn » có « diễn », thần minh biến ảo, chẳng khá suy lường, không phải giống như Cơ-môn vậy. Cốt yếu lấy âm-dương ngũ-hành để định phương-vị sinh, vượng, tử, tuyệt. Lấy âm-dương ngũ hành để tính ngày-giờ cô, hư, vượng, tướng. Dương phương-vị sinh vượng, đúng độ số vượng tướng, toàn diễn toàn độn, tuy khá thủ thắng, nhưng còn e sai lầm hào ly. Dương phương-vị tử tuyệt, gặp độ số cô hư, nhưng dùng diễn dùng độn, lại có thể chuyển hung thành cát. Vận dụng phép diễn độn, kỳ diệu do ở lòng ta. Nhưng lấy được cơ « Hồn-nguyên nhứt khí », chẳng phải đúng người chẳng được. Bởi thế người ta bảo « có người hay không có phép hay » là vậy đó. Nay ta phân môn biệt loại để truyền cho người, kẻ tu trì cần phải biết thận trọng ».

Nghe nói Đại-Học-Sĩ Hào-Đức-Hầu đọc bài khải « bàn thơ luận đạo » của ta, tuy rất thần phục, nhưng vẫn cho câu « Ma-ha làm thể Chơn-Như » là đúng. Thế là ông lấy « bịnh » làm « thuốc », tự cho là phải. Ta đã có nghe, nỡ nào làm thinh chẳng có một lời nói lại cho sáng tỏ. Nhơn viết một bức thư như sau :

« Trước đây, có tiếp được lai thư của Quân-Hầu, nhưng vì gần ngày mở giới-đàn, nên chỉ đáp tạ sơ lược, chưa tỏ hết niềm riêng. Nay đọc kỹ lời dạy bảo, tắc lòng khoan khoái, khác nào ngồi trong gió mát mùa xuân vậy. Xưa Lý-Đô-Uý có làm bài thơ « Thiên-vân bình-thủy » tặng thầy Dược-Sơn, hai người nhơn đó trở nên bạn thâm giao. Các giới đàn nay còn truyền làm câu chuyện tốt đẹp. Nay Quân-Hầu ngâm thơ, tặng ta câu « Bát-Nhã- phong, Ma-Ha nguyệt » và lời bàn « Thanh lương viên-minh » ; thế là Quân-Hầu chẳng kém Lý-Công ngày xưa vậy. Trong giới

si-quân-tử, cầu có một người lưu tâm đến đạo ta, chẳng những như mặt trăng trong chòm sao, chim hạc trong đàn gà, mà có thể ví như hoa sen trong lửa vậy. Há chẳng khá sánh vai với Lý-Công mà xưng « Song mỹ » hay sao. Chỉ như Hạo-Nhiên-Linh-Nhứt, chỉ nhờ thanh luật từ hoa được biết tiếng, như bọn Trường-Khanh lại làm sao dám ví với Quân-Hầu.

Nay Quân-Hầu ngồi đèn tam công, quyền coi sáu bộ, mình ở trong vòng thế lợi thanh sắc, chẳng lia ngũ dục thất tình, thế mà đạm bạc yên vui, chẳng bị giàu sang đắm đuối. Nếu chẳng phải gieo trồng linh-căn trong chỗ vô lượng nghìn muôn Phật, ôm lương-tri sẵn có mà trở lại cõi đời, thì làm sao được như thế.

Lão-tăng mong ơn hạ cớ, chẳng xét phận ngu. Thiết nghĩ trong bài thơ của Quân-Hầu, dùng chữ « Ma-Ha » để hình dung « Quảng-đại », chữ « Bát-nhã » để chỉ « trí tuệ ». Ma-Ha nguyên không định thế, Bát-nhã vốn có do lai, Nhưng ta từng nghe chữ « Bát-nhã phong », chưa thấy chữ « Ma-ha nguyệt » ; ví khiến lầy trắng Ma-ha, (Ma-ha ấy chỉ « lớn » mà nói) để đòi gió Bát-nhã, thì chữ phải mà nghĩa sai, câu được mà ý chẳng được vậy.

Phương chi, thơ thất ngôn cận thể, luật phép rất nghiêm. Ta lấy tình bề bạn đòi chữ « Bồ-đề nguyệt » để đòi chữ « Bát-nhã phong », thì cũng rất ổn đáng. Bức thư trước ta chưa nói rõ, nghĩ rằng Quân-Hầu là bậc văn-nhơn minh tuệ, chắc tự hiểu lầy. Chẳng ngờ tiếp thư trả lời, lại bảo « Ma-ha làm thế chơn-như, viên-minh ví như mặt trăng ». Lời bàn ấy phải thì phải vậy , nhưng chẳng biết Quân-Hầu cho « Chơn-Như » làm vật gì mà khá lầy Ma-ha làm thế Chơn-như ? Xin hãy hiểu lẽ ấy mới tránh khỏi lăm đường lạc nẻo, mới mong được tiền-bộ cao siêu vậy. Nếu chẳng thế, thì dầu cho lời lời đúng thế, câu câu đúng phép, cũng chỉ những lời nói suông thiên lệch mà thôi.

Lão-tăng thực lòng yêu Quân-Hầu, kính bày lời thẳng thắn ; chẳng phải ăn cắp « bọt miệng » người khác, đem làm kiền-thức của mình, rồi trông-không lầy 3 chữ « người xưa bảo » để bắt nạt. Lão-tăng đâu có cả gan dám thế. Việc lớn bốn phận của Lão-tăng là làm can thành chông giữ một tòa nước Phật, há dám chẳng hay bảo trọng, mình tự khen mình, chẳng sợ người ngoài chỉ trích hay sao. Mừng thấy Quân-Hầu hay dung người ăn nhần, chẳng hề động lòng, nên mới dám mạo muội khích nhau như thế. Xưa Hàn-Tín gặp thẳng nhỏ đất Hoài-Âm, lòn tròn chịu nhục. Tứ-Phòng

gặp ông già ở cầu Dũ-Hạ, cũng chịu nhục lượm giày. Cái nhục tuy người hèn, con gái cũng không nhịn được, thế mà họ Trương, họ Hàn chịu nhịn. Sau này thỏa chí phong vân, phụ thành vương-nghiệp, mới thấy rõ chí-khí trượng-phu. Do đó mà xem, đủ biết đời chẳng phải không kẻ anh-hùng, thiếu bậc vương-sur, chỉ tiếc chẳng gặp Tiêu-Hà, Hoàng-Thạch, (7) khiến người lỗ mãng làm càn, tiêu diệt anh-hùng mà chẳng thấy vậy.

Ngọc báu Kinh-son, Biện-Hòa mới biết. Cung cấm lưu-thủy, Tứ-Kỳ mới hay. Đời vẫn thường xó tôi gieo châu, sông sâu chìm kiếm, luồng than biết nhau chẳng dễ, mà người ngoài cõi biết nhau lại khó biết chừng nào !

Phương-chi, xưa nay cách tiếp người của tông phái ta, chỉ đồng nói tây chẳng bao giờ nói rõ vỡ lẽ, muốn cho người nghe tự mình phát minh lấy ; phát minh được cái bản-minh của mình, thì mọi lẽ đều sáng tỏ, chẳng bị một lời lẽ nào che mờ mắt mình ; bởi thế có lời rằng : « Ta không có một phép nào cho người, ta chỉ vì người chỉ đường mà thôi vậy ».

Quân-Hầu lưu tâm nghiên cứu đã lâu, học có căn-bản, thâm hiểu Thi Thư Lục Nghệ, đọc hết Nội-diễn Tam-Tạng, há chẳng biết đích xác Chơn-Như mà lại nói như thế. Than ôi có lẽ Quân-Hầu nghĩ Lão-Tăng không thể đồng bậc với cổ-nhơn, nên cố ý tự mình làm cổ-nhơn, xem Lão-tăng giả lời cách nào, để vỗ tay cười chơi cho vui vậy. Nhưng từ xưa đến nay, hễ bàn về thiên-đạo, ai cũng tùy cơ lập luận, tuy lời nói có tinh thô khéo vụng, hoặc dẫn một đôi câu thành-ngữ để lý giải, nhưng chưa ai đem câu văn trong Kinh-diễn, lập danh từ ép, dùng làm khí-cụ để lừa dối người thiên hạ bao giờ. Chẳng những trong phép phật đạo thiên mà thôi, cho đến làm thơ, làm văn, viết chữ, vẽ đồ, đều chẳng khá lấy ý kiến riêng của mình mà lập lời ngụy biện. Điều quý nhất là sáng-tác chẳng chút miễn cưỡng, lòng hiểu tay làm, tự nhiên nhập diệu. Dấu xuất thế, dấu ở thế-gian, xưa nay không có hai đạo-lý bao giờ. Nay thử đem việc thơ văn tự họa cùng việc thuyết thiên của các nhà tu hành, hợp lại để so sánh. Từ đời Tấn, Hán trở về trước chẳng bàn làm gì, chỉ nói sơ lược các danh-gia từ Đường Tống trở về sau. Như bọn Lâm-tê, Hưng-hóa, Triệu-châu, Phò-Hóa thuyết thiên, cùng với thơ Đào-Tĩnh-Tiết, văn Liễu-tử-Hậu, chữ Trương-Điền, họa Mễ-Nam-Cung, thấy đều chơn thực chất phác, nhàn

7) Tiêu-Hà tiền Hàn-Tín, Hoàng-Thạch-công dạy Trương-Lương.

nhã khoáng đạt, sinh thú lưu động, ý và hứng thắng mà đều độc-đáo, ấy là khí thể đồng nhau vậy. Bọn Động-son, Tuyết-phong, Đức-son, Vân-môn thuyết thiên, cùng với thơ của Lý-Thanh-liên, văn Tô-My-Son, chữ Nhan-Lỗ-Công, họa Cừu-Thập-Châu, thấy đều thanh cao đường hoàng, tinh và lý thắng mà đều độc-đáo, làm thần-phẩm đồng nhau vậy. Đền như bọn Đại-tuệ, Viên-ngộ, Cao-phong thuyết thiên, pháp-thức rõ ràng, mực thước đầy đủ, thì cùng với thơ Đỗ-Thiều-Lãng, văn Hàn-Xương-Lê, chữ Vương-Hữu-Quân, họa Vương-Ma-Cật, thấy đều tinh-vi uyên-bác, ý hứng tinh lý đều đến tột bậc, ấy là thể dụng điều độ đồng như nhau vậy. Khi cao vọi vọi, như ngọn sóng tung trời, lúc chạy ầm ầm, như gió mây cuốn đất, thanh u như hang lan suối trúc, phức phức hương thơm ; kinh khủng như trời lở đất long, biển nghiêng núi đổ, sấm vang chớp nhoáng đùng đùng; ấy đều là tác-phẩm tự nhiên của cô-nhơn, chẳng chút máy may ép uổng. Người nay dẫu mô phỏng phùng phất, nhất định không có đủ tinh-thần khí-lực toàn-bộ, thôi chi bằng tự ta làm cô-nhơn còn hay hơn. Gần đây, những người học nho học phật, đều từ bên ngoài đánh vào, biết đâu cô-nhơn đều từ mặt trong đánh ra, cho nên kiến-thức học vắn, mỗi việc phân minh, đều có thể tiên được. Nói đến đây, ta biết đã làm chán tai Quân-Hầu lắm rồi. Tôn có tôn-chỉ, giáo có giáo-nguyên. Nếu nói chia làm hai, thì lại lộn xộn lẫn giáo nói thiên, chỉ Ma-Ha làm Chơn-Như-Thể, rồi xáo trộn vào một câu « trời chẳng che, đất chẳng chở », muốn đòi trông con mắt người ta, nói điều người ta chẳng nói, làm việc người ta chẳng làm vậy. Chẳng chịu từ mặt trong đánh ra, chỉ chuyên từ bên ngoài đánh vào, riêng thành một lối lập luận, Lão-Tăng cũng ví như Tử-Du, Tử-Hạ đọc sách Xuân-thu, chẳng dám đề một lời phê-bình vậy. Xưa Vương-Kinh-Công hỏi Trương-văn-Định-Công rằng : « Cách Không-tứ một trăm năm có thấy Mạnh-Tử ra đời, sau thấy Mạnh-tử tuyệt nhiên không có một người nào , sao vậy » ? Văn-Định-Công giả lời: « Vì nhà nho đậm bạc, chẳng thấu lượng được ». Nhưng xem kỹ lại nhà nho có đậm bạc đâu. Tiếc Định-Công chẳng gặp bọn người như Quân-Hầu, nếu gặp, đã chẳng giả lời Kinh-Công bằng câu nói ấy. Bởi vì Quân-Hầu, thật chẳng đầy mâm, áo chẳng phết đất, ôm mình để béo nước, chuyên tác thành nhơn tài, hay khiến già yên trẻ mèn, đức rộng ơn dày, làm được những việc tuy cô-nhơn cũng chẳng khá làm, ai bảo Quân-Hầu chẳng đủ sức để kể thầy Mạnh-tử. Quân-Hầu danh vang trong ngoài, đức khắp Đại-Việt, thanh giá cao biết chừng nào. Khổ nỗi Lão-

Tăng tuy mình chẳng có gì tài giỏi, then liệt vào pháp-môn ba bốn mươi năm nay, lại chẳng chịu uốn mình khúm núm, chìm nổi theo thời, thực là một quái-vật ly kỳ trong vũ-trụ vậy. Quân-Hầu chẳng khứng dạy bảo thì thôi, lại còn khen tặng rằng : « Phụng-hoàng cửa Phật, kỳ-lân trên đời », chẳng khiến Lão-tăng then chết, hay người ngoài cười chết hay sao ! Trọng-Ni là bậc thánh-nhơn, Lão-tử còn bảo rằng : « Hãy bỏ thói quen khoe khoang trừ chí dâm dật ». Nào phải Trọng-Ni có thói khoe khoang, chí dâm dật, sao Lão-tử lại nói như thế ? Ý Lão-tử muốn mượn điều không có của Trọng-Ni, làm thang thuốc « chẳng uống », để trị bệnh thiên-hạ đời sau, những người thực hấn khoe khoang, thực hấn dâm dật, khiến sửa chữa đề gắng theo cho đúng vậy. Trọng-Ni vui chịu lời, mới biết thánh-hiền phật-tổ, đều nhờ thấy bạn khích lệ lẫn nhau, mới thành gương-mẫu nghìn xưa làm thấy đời vậy. Nay ta cũng lấy ý ấy làm nhảm tai Quân-Hầu, cúi xin rộng lòng dạy bảo. Biển trời mưa gió, Quân-Hầu vì nước vì dân, hãy giữ mình trần trọng ».

Cách Vương-Cung chừng một dặm, tức là phủ Quốc-mẫu. Lâu đài đối diện, chỉ cách một con sông. Cửa lâu cao lớn rộng rãi, suối nước bao quanh, lùm cây dâm mát; thông-ngang cầu ván, rào kín đậu tre. Trong vườn mít sây trái chín, dừa kết chùm xanh, đậu thuốc thấp cao, giàn hoa rực rỡ. Không-tước lượn bay phía dưới, hươu nai ăn ngũ bện trong. Chính giữa là phật-điện, sạch sẽ thanh u, siêu trần thoát tục, có ý vị một cõi Đào-nguyên. Tuy đương mùa hạ nắng oi, ở đây vẫn chiều giương mát lạnh. Quốc-mẫu có tính nhơn từ, ưa làm phước, thường vì người cứu nạn giải nguy; sẵn lòng hiền sinh, chim chóc làm tổ đầy vườn, thấy người chẳng sợ. Từ ngày ta đến đây, đã bốn lần đãi tiệc chay, bữa nào cũng rất đổi tinh khiết. Những khí-cụ dầu quý báu đèn dầu, ta vừa để mắt nhìn đến, tức thì đem cúng. Nghe ta sắp sửa về Tàu, chẳng được chiêm ngưỡng lâu dài, hằng nói với Quốc-sư, tỏ đáng buồn bã. Bữa nay lại dọn cỗ chay thanh soạn thỉnh ta và hai thầy tỳ-khưu tăng chúng, lại mà nói rằng : « Đệ-tử sinh trưởng phương xa. Lão-Hòa-thượng Trung-hoa Phật-tổ, cùng nhau cách trở biên vơi, bỗng một mai thấy bóng Từ-quang, được thân làm đệ-tử dưới Bửu-tọa, thực là phước tu nhiều kiếp, may mắn biết chừng nào. Chẳng ngờ Trú-tích chữa bao lâu, thoát đã giày mây trở gót, khiến trong nước không được thường mong pháp-hóa, đệ-tử chúng tôi hầu biết nương cậy vào đâu » ? Nói xong ứa lệ, ai nghe cũng mũi lòng thương cảm.

Ta an ủi rằng : « Ta, lão hủ không tài năng gì, mong được nhà vua cùng các đệ-tử quy y cung kính như thế, há nỡ vội nói việc về ; nay muốn từ biệt, chẳng những vì đệ-tử bên kia mong đợi, mà cũng vì mình còn bận nhiều nỗi, thế chẳng khá dừng vậy. Nhưng nhơn-sinh tan hợp chẳng ở chỗ hình hài. Quốc-mẫu cứ thường làm việc thiện, nhứt tâm niệm phật, chẳng chút gián đoạn, tức là thân gắn nhau mãi mãi vậy. Nhược bằng lúc niệm lúc không, dần mình theo tục lụy, thì dầu cổ Lão-tăng ở đây, hằng ngày đối diện cũng như xa cách muôn trùng, nào có ích chi ». Nghe nói, hoan hỷ vái thưa rằng : « Nghe Lão-Hòa-Thượng đàm luận bữa nay, khiến người như vén mây mù thấy rõ trời xanh. Xin viết lời dạy bảo lên giấy để lại cho đệ-tử, khiến trong chốn thảo-đường, thường lưu Pháp-chỉ, đệ-tử sẽ luôn luôn vâng theo ».

Cơm chay xong, ta từ-giã lui về, và viết « Tự-tính Di-đà-thuyết »:

« Quốc-mẫu, vì Lão-Tăng già từ lui về chùa cũ, xin một lời lưu lại, để suốt đời gìn giữ, muốn đời đời kiếp kiếp, thường được thân gần vậy.

Nhơn bảo rằng: « Đường tu-hành giản tiện, không chi bằng niệm Phật. Quý hồ, ngăn dứt mọi trần-duyên, tâm niệm sáu chữ; (8) tâm chẳng tán loạn, niệm át tinh thành, sáng niệm chiếu niệm, sao cho chẳng niệm mà niệm, niệm đến chỗ không niệm, niệm niệm chẳng ngừng, niệm thành một phiên. Tự nhiên đạo hợp thể đồng, cùng trời đồng cao, cùng đất đồng dày, cùng mặt trời mặt trăng các ngôi sao đồng sáng. Non sông cây cỏ nhơn vật quý thần đồng tiêu tức, đồng họa phước, đồng quý tiện, đồng nam nữ, đồng xa, đồng gần, đồng đi, đồng lại, đồng đối ăn một ngủ, đồng mừng giận thương vui ; đã cùng muôn vật đồng một thể, thì Di-đà vốn chẳng phải có một thể riêng biệt. Di-đà chỉ ở trong tâm lòng chẳng loạn hiện ra. Ai bảo Di-đà ở Tây-phương, Lão-tăng ở Quảng-đông, Quốc-mẫu ở Đại-Việt ? Một niệm chẳng sinh, toàn thể tự hiện vậy. Nếu hơi tán loạn một tý, Di-đà sẽ xa lìa mười vạn tám nghìn dặm, Lão-tăng cách trở bốn mươi lăm ngày đường, Quốc-mẫu ở bên kia Đại-hải, bên bờ Khước-nguyệt, lục căn lay động (9) bị mây che vậy. Bỏ lẽ ấy mà bàn tan hợp, thầy nghe đều giả mà thôi. Ví như tre xanh hoa vàng ở trong vườn trước mắt đây, chẳng tự bảo ta là tre xanh,

8) Tức 6 chữ : Nam-vô A-Di-Đà-Phật.

9) Sáu căn : Tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu căn sinh sáu thức.

là hoa vàng, lầy mắt hợp sắc, sắc-thức của ta thấy vậy ; như gió lay nước chảy trong ao sen kia, chẳng tự bảo ta là gió lay, là nước chảy, lầy tai hợp thanh (tiếng), thanh-thức của ta nghe vậy ; cho đến mũi, lưỡi, thân, ý, hương-vị, tiếp-xúc, suy-niệm, cũng đều một lẽ nương ấy (10). Ất phải, thấy sắc chẳng nhiễm, nghe tiếng chẳng chú ý, động tĩnh hai tướng, tuyệt-nhiên chẳng sinh, giữ lòng hư không, tĩnh-đỗ đều là pháp-giới.

Tự-tính Di-đà, Di-Đà đã tự tính, thì Lão-tăng có bao giờ xa lìa đâu ; bởi thế có lời bảo rằng : « Một niệm xem khắp vô lượng kiếp, không đi không lại cũng không ở » ; chỉ cốt niệm lên cái tên của ta, mười phương hư không, tự nhiên đáp ứng. Đền bậc ấy rồi, hà tất đợi Lão-tăng nhiều lời, thế giới bằng hạt bụi nầy, tự nó chẳng chia cách mây may vậy. Chỉ e chẳng có đức tin, nếu đã tin vào đó, Kinh Hoa-Nghiêm bảo rằng : « Tin là nguồn đạo, mẹ công đức, nuôi thành tất cả các phép lành », bởi thế ta tặng Quốc-mẫu pháp danh làm Hưng-Tín. Ta viết một bài kệ để làm chứng-tín khê-khoán rằng :

BÀI KỆ:

Mây bay trên trời, cát dưới đất,
 Trong nước Đại-Việt Nguyễn-Quốc-Mẫu.
 Một tiếng gọi lên một tiếng ứng,
 Tây-thiên Đông-thổ biệt không Tở.
 Chẳng thấy, Tấn-quốc-phu-nhơn Bàng-Đạo-Bà.
 Vỗ tay nào từng dùng tay múa.
 Chẳng thấy, trên lầu Hoàng-Hạc tện nghìn Phật
 Thôi-Hạo để thơ, Trương-Chuyết bỏ.
 Chẳng thể, Tam muội (11) của người ta biết đâu,
 Hai chữ trình từ dễ ví nào.
 Di-Đà, Lão-hủ chẳng đồng thời.
 Đồng thời ngồi nằm há lia nhau.
 Nếu bảo lia nhau đều thất lạc,
 Cây cung vua Sở ai tìm được ? (12)

10) Đoạn nầy nói lục căn sinh lục thức, tức nhận-căn đối với sắc mà sinh ra nhận-thức v.v...

11) Tiếng nhà Phật : tam muội có nghĩa là chánh định, cũng có nghĩa là giải-thoát.

12) Sở-Cung-Vương đi chơi, mất cây cung ô-hiệu, tôi tớ muốn đi tìm lại, Vua bảo rằng : « Thôi, vua nước Sở mất cung sẽ có người nước Sở được, chẳng tìm làm gì ».

*Hỏi là trả lời,
 Trả lời là hỏi.
 Tâm thân có một, tâm chủ chia hai,
 Đi nam về bắc, đều hiện tại đây.
 Phải biết ngày nay là ngày nào,
 Mới hay năm sau như năm trước.*

Âm-dương là lẽ chánh trời đất, vợ chồng là bước đầu nhơn-luân. Kinh Dịch dạy phò dương át âm, Kinh Lễ định phu phụ hôn nhân, cho nam đứng trước nữ; nam lo việc ngoài, nữ lo việc trong; chồng làm giếng mỗi cho vợ, vợ phải kính thuận đôi với chồng. Ấy chẳng những chia ra âm dương tôn ty có định-vị, cốt-yêu muốn nghiêm phòng quẻ-khôn, khiến chẳng đến đổi phá lẽ vượt lời, sinh ra tệ trên bực trong dẫu. Phong tục nước Đại-Việt lại trái hẳn, phụ nữ muốn đi đâu tùy ý, tự-do qua lại mua bán, cha mẹ chồng con chẳng lấy thể làm xấu hổ hiểm nghi. Bởi thế tặng lý gieo đào, chỗ nào cũng có; phong tục quá đổi đổi tệ. Tiếc chẳng có thánh-nhơn ra đời, để dạy dân biến đổi tệ phong.

Xảy có người khách thuật chuyện Chiêm-thành Trương-tiết-phụ như sau : Trương phụ tổ-tịch người Chiết-giang, khách ngụ xứ nầy đã mấy đời vậy. Từ bé tính tình nhân nhả, lớn lên gả làm vợ chàng họ Từ, thờ mẹ chồng chí hiếu. Chồng ra đi lính, nàng thường lấy trung nghĩa khuyên chồng. Sinh được một trai vừa giáp năm, thì bỗng có chiến-tranh giữa Chiêm-thành và Đại-Việt. Đánh thua trận, người chồng bị chết giữa biển. Được tin, nàng chạy tìm thầy để chôn cất. Tìm mãi chẳng thấy, kêu khóc thảm thiết đêm ngày. Bỗng sóng bờ xoi vào bãi cát, cát lở, lộ ra một thân áo, nhìn kỹ chính là áo của chồng tự tay nàng khâu; đào cát lên xem, rõ ràng là thân chồng, bèn tần liệm, đem về chôn cất. Trương-phụ thường muốn tự tận, nhưng nghĩ « Mẹ già dẫu bạc ai nuôi, con thơ măng sữa ấy ai âm bổng »; thôi thì, « lần hồi theo việc nữ-công, nuôi con thờ mẹ thay chồng đảm đương ». Trương-phụ thể thủ tiết trọn đời, bao nhiêu đũa cường bạo không thể ép được.

Than ôi ! nếu chẳng phải chánh-khí trời đất un đúc, làm sao ở nơi non biển xa xuôi, phong tục dâm đảng, lại có người tiết-nghĩa độc-lập như thế ? Tiếc không ai chép truyền việc ấy. Ta nghe chuyện, liền vội vàng nêu lên, hầu trong xứ mán, mừng, biết thế nào là cương thường đạo chánh ; và

những kẻ dâm đảng, hoặc giả nghe chuyện tự biết xấu hổ chẳng. Nhon làm một bài khải, và một bài thơ tứ-ngôn cổ-phong, hầu mong cứu vãn tệ tục.

BÀI KHẢI

Thiết nghĩ :

Chánh khí trời đất, sao đã sinh Trung-hoa, lại còn sinh ngoại-quốc,
đã phú cho nam-tử, còn chung đức ở phụ-nhơn.

Gánh nặng cương thường, sao chẳng ở đại-gia, lại ở nơi tiểu-hộ, bại
hoại ở người đầu bạc, lại cảm vững bởi tuổi thanh xuân.

Tuy rằng phú tính tùy người,

Thực bởi dày công tích đức.

Gìn giữ đá vàng lòng chẳng đổi,

Dãi dầu sương gió tiết thêm bền.

Tiết chẳng lung lay, một mình cả làm thầy, làm bô.

Việc nên toàn vẹn , nghìn thu khen trọn tiết, trọn trinh.

Đáy nước vàng chìm, hài cốt ầy ai thấu lợm.

Phòng thu roi lụy, khói hương lo việc phụng thờ.

Cân quốc đường kia, từ xưa hiếm có.

Tu-mi thử hỏi, nay được mấy người ?

Tổ tiên gốc ở Chiết-giang.

Sinh-trưởng ở nơi Chiêm-quốc.

Bà Trương tiết phụ.

Vợ gả Từ-Lang.

Con nhà bình dân.

Kết duyên tráng-sĩ.

Biển trời lộng-lộng, một mảnh gương thềm.

Bển nước mười hai, linh đình thuyền bá.

Mười bảy tuổi tơ hồng buộc gót, ân cần lo thờ mẹ trọn niềm.

Nghìn muôn trùng sóng bạc chôn xương, khẳng khái quyết tim chống
mai táng.

Gái Hạ-Lệnh (13) đành cam thủ tiết, âu cũng nhường nầy.

Vợ Kỳ-Lương (14) vội vã bồn tang, chẳng qua thế ấy.

Bời Man tặc ải ngoài gây họa.

Nền Lang quân bề thăm quyền sinh.

Vương-tôn công-tử thương ời, gặp lúc nhà tan nước vỡ.

Áo vải dãi gai chút phận, há đành tiết lỗi mình dơ.

Chín từng mây toan chấp cánh loan hoàng, chẳng được vuông tròn ước cũ.

Nơi tuyến-hạ dăm trái lòng phu tề, phải lo gánh vác việc sau.

Kẻ chẳng biết ta, luống những mĩa mai gái góa.

Ta nào đòi dạ, chỉ lo nuôi nấng con thơ.

Dưới tổ hư gìn giữ trứng non.

Đêm nguyệt lạnh ngồi ôm đàn gảy.

Cửa nhà chềch mác, chỉ e Bá-thị (15) không con.

Dòng dõi lưu truyền, may có trưởng nam kẻ tự.

Cho người chín suối, nay cũng hả lòng.

Mong kẻ bên trời, bao giờ thấy bóng.

Việc ấy ai biên vào quốc-sử ?

Tiếng thơm nên để lại nghìn đời.

Lão-Tăng,

Hồ hải ruỗi giọng.

Khuê phòng than thở.

Thư-hiên vắng vẻ, ngao du còn khuất nẻo Trường-an.

Khách-xá thân-thơ, ngậm vịnh muốn mời người thượng-quốc.

Ai là kẻ cự-khanh danh-sĩ,

Chớ tiếc lời nhả ngọc phun châu.

Hoặc đoàn cú, hoặc trường-thiên.

Tụng lòng trinh, ca tiết sáng.

Chong đèn giờ sách, vườn tùng tuyết xuống bời bời.

14) Xuân-thu, Kỳ-Lương theo Tề-Trang-Công đánh nước Cử, bị tử trận. Vợ Kỳ-Lương gôi thầy chống khóc 10 ngày rất thảm thiết, người qua đường đều sa nước mắt ; sau khi đã chôn cất, bà nhảy xuống sông Ty-thủy tự tử.

15) Đặng-Du người đời nhà Tần, tên chữ là Bá-đạo, lúc chạy giặc ngặt quá, phải bỏ con mình mà dắt con của người em. Sau làm quan đến Thượng-thư, không có con nối dòng. Người đương thời làm câu ca rằng : • Thiên đạo vô tri, Đặng-Bá-Đạo vô nhi •.

Giải giấy viết văn, án ngọc hương thơm phức phức.
 Phò vào đàn sáo, mai-hoa minh-nguyệt gieo văn.
 Diễn thành thơ ca, vi-quyết tây-sơn (16) sinh sắc.
 Thử gieo gạch vờ.
 Mong dẫn ngọc lành (17).
 Nêu tiếng tốt một bà.
 Thỏa lòng ai chín xuôi.
 Nêu Thái-sử Quốc-phong lượm lật, phải lấy danh tiết làm đầu.
 Hoặc hậu-hiến cổ-sự cảm hoài, nên gắng tâm thân trau luyện.
 Vài lời thô thiển.
 Rao truyền gần xa.

Bài thơ

Tứ-Ngôn cô-phong
 Trời cao lồng lộng,
 Bao phủ muôn hình.
 Chín châu mộng mênh,
 Nhỏ bằng hạt thóc.
 Loài người khó nhọc,
 Đào sông đắp đường.
 Dựng nên cương thường,
 Quý hơn loài vật.
 Lễ nghĩa nghiêm mật,
 Thánh hiền dạy đời.
 Văn chất bờ bờ,
 Rực rỡ sáng chói.
 Há chia bờ cõi,
 Hận biệt Hoa Di,
 Nước Chiêm-thành kia,
 Cũng trong bờ cõi.
 Hùm voi len lỏi,
 Lùm bụi làm nhà.

16) Tây-sơn tức Thú-dương-sơn. Bá-Di hái rau vi ở Tây-sơn cho trọn tiết làm tôi.

17) Phao chuyên dẫn ngọc (gieo gạch dẫn ngọc), lời nói khiêm của kẻ làm văn, mỗi lúc đưa thơ văn mời người khác đáp họa.

Nhà có chó gà,
 Rừng đầy tre nứa.
 Khốn-người ai sửa,
 Nữ-tắc ai truyền.
 Sao chồn hoang yên,
 Sinh người trinh thực.
 Chiết-giang vồn gốc,
 Sinh trưởng bên nầy.
 Tuốt xuống ngọn cây,
 Đi vào hang tối (18).
 Mù mù đường lối,
 Được tắt đêm trường.
 Chỉ có một nàng,
 Sáng lờ rực rỡ.
 Đoan trang từ thuở,
 Hiều kính làm dâu.
 Trung nghĩa khuyên nhau,
 Chàng ra đi lính.
 Chày sương vừa nện,
 Gà gáy bên tường.
 Chắp cánh oan-ương,
 Chưa vui sum hiệp.
 Vũ-thư bỗng tiếp,
 Lửa dậy biên-cương.
 Chàng ruổi lên đường,
 Việc vua dám trể.
 Phấn đấu vì nghĩa,
 Há tham phong hầu.
 Biển cả đánh nhau,
 Mũi thuyền xung đột.
 Sa-cơ một chút,
 Bụng cá chôn thây.

18) Ý nói bỏ chồn văn minh vào ở nơi man rợ, cũng như tuốt xuống cây cao, vào nơi hang tối (hạ kiểu mọc nhập vu u-cốc).

Toàn quân toi bời,
 Từ sĩ ai vớt.
 Kỹ-lương đã mất,
 Hoa-châu khóc ròng.
 Nước biển mênh mông,
 Biết đâu mò kiếm.
 Trời cao thăm thăm,
 Xót ả Tào-nga (19).
 Ngày tháng trôi qua,
 Xương vùi cát trắng,
 Bổng may tìm được,
 Tẫn-liệm đem về,
 Tổ mộ chôn kẻ,
 Trăm năm vĩnh quyết.
 Lờn thể đồng huyết,
 Thân thiếp quản chi.
 Còn chút cô-nhi,
 Phải lo dòng dõi.
 Đầu bù tóc rôi,
 Cơm cháo lẫn hời,
 Gió dập mưa vùi,
 Chim non tổ vỡ.
 Tháng ngày xây trở,
 Thác chẳng sòn lòng.
 Trách kẻ cường hùng,
 Dâm tà quen thói.
 Tiết trinh chói rọi,
 Chẳng chút đơn sai,
 Nhật-Nam cỏi ngoài.
 Vực-tinh sáng rực,
 Ở bên Trung-quốc.

19) Hiền-nữ thời Đông-Hán, cha chết đuối, nàng mới 14 tuổi, đêm ngày đi quanh bờ sông than khóc, sau cũng nhảy xuống sông tự tử, ôm thầy cha nổi lên, người đời sau lập bia bên sông để kỷ-niệm.

Hiền-đức thiếu gì.
 Khen chồn man-di,
 Cương-thường vẹn vẽ.
 Triều-đình những kẻ,
 Triều Sở mộ Tấn.
 Luồn cái tâm thân,
 Mà râu luồng hổ.
 Bắc Nam kim cổ,
 Chung mỗi cương thường.
 Nều chẳng biểu dương,
 Châu chìm ngọc nát.
 Làm một bài hát,
 Rạng tiết nghìn thu.

Khách-xá trong những ngày mưa gió, cùng các đồ đệ nhắc chuyện chùa cũ, hiện nay đại-chúng trông chờ. Bỗng nghe tin Lão-Tăng sắp sửa hoàn sơn, thết chay biểu quà, thập phương đua nhau cúng dường, thực khá gọi đệ nhứt pháp-hỷ công-đức vậy. Bào kẻ hầu ra đón tiếp nhân khuyến mộ các thí-chủ, tùy hỷ lạc cúng lương tiền. Ta bèn làm một lá sớ rằng :

Quảng-đông là nơi tụ-hợp của khách vân-thủy năm hồ bốn biển,
 Trường-thọ là nơi dừng chân của các Sa-môn tam đảo thập châu.
 Ấy Di-lặc, ấy Thích-ca, ai chẳng đình cơ trong ấy.
 Kia tăng-thiền, Kia tiên-khách, thấy đều đạo gót nơi kia.
 Quấy đầy vân-du, thánh tham bái phàm cũng tham bái.
 Mở bình phở khuyến, mai lo ăn chiều lại lo ăn.
 Lòng từ-thiện hãy bỏ thí một phen.
 Truyện bong-long nào có đỡ được đôi.
 Kẻ tu hành tuy pháp hỷ cũng no.
 Người giàu có nhờ lòng tin sẵn có.
 Múc nước sông làm rượu ngọt, luồng có tiếng đồn.
 Biên đất sỏi thành vàng thoi, chỉ nghe truyện cũ.
 Đạo Tào-Khê, dòng Lâm-tê, đối bụng làm sao mở mang.
 Cơm Ma-Cật, trà Triệu-châu, có thực mới vực được đạo.
 Cháo cơm chay lột, cả trăm nghìn thấy.

Đường xá xa xuôi, chừng hai vạn dặm.

Tơ Ngô lúa Việt, ở Trung-hoa có thí-chủ Trung-hoa.

Áo pháp mao ni, hóa ngoại-quốc nhờ kẻ hiền ngoại-quốc,

Tam không là thể.

Lưỡng túc trọn lành. (20)

Lợi kỷ trước nên lợi tha.

Tu tâm cần phải tu phước.

Túng sử tiền rừng bạc bể, chẳng qua một thân an dưỡng, nào có ích chi.

Nếu muốn lập biển đời non, cần có đông người ra tay, mới làm nên việc.

Chỗ xa kêu thì chỗ gần ứng.

Một tiếng xướng có muôn tiếng họa.

Bắt câu lúa Trịnh-châu, gạo Lư-lăng.

Bắt phân rau Hương-tích, vàng Cam-chí.

Gạch xanh ngói đỏ, mọi vật đều chuyển vào kho.

Nghựa kéo trâu xe, các thứ đều đem thuyền chở.

Sao cho đầy căng bọc-chứa.

Tha hồ tiêu dùng hàng ngày.

Trong trời đất phương nào lại chẳng có hiền tài, như sinh trưởng Trung-hoa, nơi thánh-hiền phật-tô khai thác đã lâu, lại ở chôn đò hội thành thị, có hiền-sĩ đại phu làm khuôn mẫu, có cao-nhơn thực-sĩ nung đúc lẫn nhau ; nghe rộng thấy xa, hằng ngày lấy thi thư lễ nhạc đào luyện ; đã có nho-giáo để duy trì thể đạo, lại có phật-giáo để khai hóa nhân tâm, như vậy con người dễ tiến tới bậc đức hạnh chính đại. Nhược bằng sinh ở nơi eo núi góc biển, từ xưa nho thích thánh-hiền chưa từng khai hóa đến, ít có lời hay nét tốt để làm khuôn mẫu ; tai mắt tập quán, thấy đều việc xấu nét hư ; thỉnh thoảng có một hai người muốn giữ chánh đạo, thì bao nhiêu người khác ganh ghét, theo sau mà chiết tỏa chê bai ; nếu chẳng phải kẻ có khí chất khác thường, khó nổi tự đứng vững được vậy.

Ta từ ngày đến nước nầy, thường lưu tâm dò xét trong đám sĩ-phu văn võ, như bọn Chương-Thanh, Đông-Triều, Hào-Đức, Lê-Tuyển, Cai-Bá, đều những tay cử khôi trác lạc ; nhưng mấy ông ấy đều gặp thuận cảnh, chỉ có Thiếu-Dương-Hầu, anh thứ ba của vua, ở trong hoàn-cảnh rất khó

20) Lưỡng túc là chữ trong Kinh, đủ ba điều sáng và đủ muôn nét.

khăn ; tính nết cao kỳ, chẳng chịu uốn mình theo lưu-tục ; thường bị phong ba chiết tỏa, may nhờ Quốc-vương rộng lượng sáng soi, mới được khỏi tội, nhưng ông vẫn chẳng vì thế mà đổi tiết. Ở tựa mé sông, tiêu điều mấy gian nhà cỏ ; trồng cây chơi cảnh, ngồi đất uống trà, tuyệt nhiên không có vẽ vương hầu quý phái ; chơi với bạn, giao tình thành khẩn khiêm hòa, nhưng trong bụng chẳng lăm trong đục ; đối với mấy người tùy-trượng của ta đều coi như bạn tri kỷ. Nhà rất nghèo, nhưng kiếm được đồng nào, tức thì tiêu vung hết, vui vẻ như không. Từ ngày ta đến, vắng lai thân mật tặc lòng quyền quyền chẳng phai ; mỗi lúc phụng mạng đi đâu, liền sai người thông báo ; đi về, có món gì thô-sản, dầu sơ sài cũng đem đến cho. Có lần vay Quốc-vương được 200 quan tiền, tức thì làm một tiệc chay, bày biện rất sang trọng, nửa tháng tiêu hết số tiền. Biết ta không thể lưu lại, thường thường đến chùa bạch rằng : « Đệ-tử xưa nay cô lập, có ý muốn cắt tóc xuất gia đã lâu rồi ; may gặp Lão-Hòa-thượng qua đây, được có nơi nương tựa ; nay lại bỏ ta lui gót, thôi ta chẳng còn có ý gì ở thế-gian nầy. Tuy ta có lòng mộ đạo xuất thế, nhưng phú tính ngu tối, chẳng biết lý thú trong ấy như thế nào, hằng ngày nên công phu làm sao cho có định hướng ? Cúi xin dữ lòng từ-bi, vì đệ-tử một phen chỉ giáo ; sau nầy may được chút ít hiểu biết, chẳng phụ lòng quy y ». Như thế, Thiếu-Dương-Hầu khá gọi đặc-sắc trong hàng quý phái, chẳng kém phường tần-thân đạt-sĩ ở Trung-hoa. Sau vài ngày, lại viết thư đến, cầu xin dạy bảo. Đã yêu người lại thêm khen mến bèn chỉ ta bèn viết thư giả lời, khuyên gắng sức tu tiên, và tặng cho một bài kệ như sau :

BÀI THU

Vừa tiếp lai-thư, khẩn cầu Lão-Tăng một vài lời nói để theo đó làm công-phu tu hành. Nếu chẳng phải Đại-Tướng-quân oai phong lẫm lẫm, sao hay mình ở thế-gian, lòng ngoài trần tục, suy nghĩ đến chỗ ấy. Đáng kính đáng phục.

Lão-tăng chẳng tìm được một lời nào thù đáp. Sức nhớ câu chuyện Hàn-Tín đánh nước Triệu, xây lưng ra bờ sông mà đàn trận. Xây lưng ra sông, khiến ba quân tiền được thoái chẳng được, nghĩa là hãm vào chỗ chết, sau mới có thể sống vậy. Nhược bằng trước khi giao phong với địch, trong bụng mọi người đều có một con đường sống, tiền được thời được,

thì đến lúc tên đạn tới tập, người nào cũng lo tìm đường sống để thoát thân, chẳng ai chịu liều mình để tiền. Binh Pháp như thế, người học đạo dùng công-phu cũng như thế. Trước hết cần xa lánh con đường quen thuộc chẳng sợ đường lạ nẻo xa; bắt chước việc Hàn-Tín đánh Triệu, giữ gìn từng giờ từng khắc, chớ chạy lăm đường. Nếu tìm đường sống để thoát thân, thì chẳng hay xây lưng ra sông để dần trận vậy. Nay Lão-Tăng dựng cây cờ đỏ của nhà Hán, xin Quý-công cứ gắng sức tiến lên.

BÀI KỆ

Tháng năm Nhật-Nam chơn-hỏa vương,

Đầy ao Chu-minh nẩy sen xanh.

Cây vàng lá ngọc dòng quý phái.

Lòng hướng mây rừng dốc tu hành.

Tám mặt oai phong ý danh-tướng.

Một khe nước biếc tình đạo-nhân.

Làm ngọc chẳng hát khúc thương-lãng,

Trân trọng yên ba biệt điệu thanh.

Khách có người bảo, mùa gió xuôi trở về Quảng-đông chừng vào độ nửa tháng trước sau tiết Lập-thu ; chừng ấy, gió tây-nam thổi mạnh, chạy một lèo gió xuôi chừng bốn năm ngày đêm có thể đến Hồ-môn. Nếu chờ đến sau mùa nắng, gió bắc dần dần thổi lên, nước chảy về hướng đông, sức gió nam yếu, không chống nổi dòng nước chảy mạnh về đông, lúc ấy sẽ khó giữ được ổn tiện vậy. Bởi vì có những cồn cát nằm thẳng bờ biển, chạy dài từ đông-bắc qua tây-nam ; động cao dựng đứng như vách tường, bãi thấp cũng ngang mặt nước biển ; mặt cát khô rắn như sắt, rũi thuyền chạm phải ắt tan tành ; bãi cát rộng cả trăm dặm, chiều dài thăm thẳm chẳng biết bao nhiêu mà kể, gọi là « vạn lý trường-sa », mù tít chẳng thấy cỏ cây nhà cửa ; nếu thuyền bị trái gió trái nước tạt vào, dầu không tan nát, cũng không gạo không nước, trở thành ma đói mà thôi. Quảng-ây cách Đại-Việt bảy ngày đường, chừng bảy trăm dặm. Thời Quốc-vương trước, hằng năm sai thuyền đánh cá đi dọc theo bãi cát, lượm vàng bạc khí cụ của các thuyền hư tạt vào. Mùa thu nước dòng cạn, chảy rút về hướng đông, bị một ngọn sóng đưa đi thuyền có thể trôi xa cả trăm dặm ; sức gió chẳng mạnh, sợ có hiểm họa trường-sa.

Mùng 3 tháng 6, cáo từ Quốc-vương, định đèn ngày 15 sẽ xuống Hội-an, liệu lý đường về cho kịp gió mùa lập-thu. Vương lưu lại thết chay, mỗi lúc nói đèn từ biệt, liền buồn bã nghẹn ngào nói rằng : Từ ngày Lão-Hòa-thượng đèn đây, trong nước mang ơn được tám chữ « phong điều vũ thuận, quốc thái dân an » ; vả lại, các năm trước thuyền ngoại-dương đèn buồn, một năm chừng sáu, bảy chiếc, năm nay sở thuyền lên đèn mười sáu, mười bảy chiếc, trong nước nhờ đó tiêu dùng được dư dũ ; ầy đều nhờ phước đức Hòa-thượng che chở vậy. Chưa biết lần này Đạo-giá hoàn-son, còn khứng một phen trở lại hay chẳng ? Nửa năm náo nhiệt, một phút lạnh lùng, khiến người khôn cầm giọt lụy. Đạo-giá đã không khứng lưu, cúi xin lựa trong hàng tùy tùng cho lưu lại hai người ; ngộ được cùng ta hôm sớm bàn hoàn, cũng như trông thầy mặt thấy vậy. Lão-Hòa-thượng mọi lần sai bảo, ta đều vâng theo ; nay ta sở-nguyện có bấy nhiêu, xin Hòa-thượng hãy chiếu lòng ưng thuận. Ta bảo rằng : « Quốc-vương đương thành tâm quy y cung dưỡng, nỡ nào vội dảm trái lòng. Nhưng sự về bắc của ta, thề chẳng dừng được. Rồi đây, công việc tạm xong, sẽ xin trở lại. Đèn như trong bọn tăng-chúng tùy tùng, có người đang đau, có người vì có mẹ già, hoặc vì tuổi trẻ chưa có thể xa lìa sư-trưởng ; nhưng Vương đã có lòng thành khẩn, xin về chùa thương nghị, sẽ lựa hai người cho lưu lại hầu hạ hương đăng ».

Hẹn ngày 13 đặt tiệc tiễn hành. Ta khiến người hầu đi cáo tạ cá c vị quan-tể. Trong nửa tháng, các đệ-tử tứ chúng đàn-việt, biểu lễ tặng quà tập nập, cũng như ngày khởi hành ở Việt-đông vậy. Chỉ có nhà Quốc-cậu Tá-Thái-úy, người hầu đèn cửa ba lần, đều bị vẫy lui, ôm danh thiệp trở về ; có lẽ lỗi tự bọn lính canh cửa, nhơn đưa thư cáo cho biết.

BÀI THƯ :

Tăng (僧), nghĩa là tăng làm người (曾人), chẳng tăng làm người, làm tăng sao được. Đời có kẻ bôn tẩu công danh, chẳng được toại nguyện, bèn tự xưng mình có chí cao ; xu phụ quyền thế, không được vừa lòng, bèn tự khoe mình biết giữ đạo ; mặt nạ ngạo đời, ngoài phải trong quấy, tu hành ngoài miệng, mà mình làm những việc đời người. Những phường trọc-đầu như thế, khi đời đời tục, làm hại người quân-tử, làm nhục Phật-

tỏ pháp-môn, há chẳng đáng đau xót lắm thay ! Kẻ lão-hủ này, ngày đương ở chùa cũ, mỗi lần được các bậc quan quyền yêu mến đón mời, cũng phải hai ba phen rồi sau mới đến ; chẳng qua vì xây dựng thuyền-môn, tiếp đãi vân-thúy, vạn-bắt-đắc-di tùy cơ ứng thù, nên chẳng dám khinh dễ vội vàng. Từ ngày đến Quý-quốc, vô luận vương-thân quý-thích, tướng công khanh, nhứt-luật chẳng đến yết kiến ai. Nếu có ngài nào hạ cô đến thăm, cũng chỉ khiến kẻ tùy-tòng thay mặt đáp lễ mà thôi, chính vì muốn tránh sự hiểm nghi vậy.

Trước đây, mong Quý-nhơn khiến người đem thư đến, hậu ban cho vàng lụa, xảy lúc ấy Lão-Tăng đang đau, đã từ chối một cách bất-kính, lòng rất lầy lăm áy náy, chưa kịp viết thư xin lỗi ; nhưng nghĩ Quý-nhơn sẽ sẵn lòng tha thứ ngoài vòng lễ phép, nên chẳng xoắn-vó quan tâm cho lắm. Hiện nay sắp trở về chùa, khiến người hầu đến thông cáo hành trình, ấy là một việc nhân-tình không thể thiếu sót vậy. Nhưng lúc đến Quý-phủ gặp người giữ cửa bảo rằng : Ngày nay Quốc-cậu đi việc quan vắng. Cũng không chịu giữ danh-thiệp lại. Thôi cũng có lẽ. Qua ngày sau lại đem thư qua, người giữ cửa lại từ chối rằng : Ngày nay Quốc-cậu đương hội với các quan, chẳng coi đến việc không quan hệ. Than ôi, chú tiểu ba lần đến cửa phủ, đều bị khoát lui, chẳng được đưa thư đến Các-hạ, thực tự thẹn lầy lăm than tiếc vô cùng ! Chẳng những tự than tự tiếc cho mình mà thôi, xưa Chu-công làm tướng, lễ hiền đài sĩ ; nhả cơm bôi tóc, cần cù trong buổi tắm bữa ăn, (21) bởi thế được khen làm bậc thánh-nhơn. Trộm nghe Quý-công đứng trong Triều-đình, hay trừ kẻ gian, hay phò người chánh, giao thiệp tất cả mọi người, chỉnh lý tất cả mọi việc ; cần thận từng lời nói, nghiêm minh mỗi lệnh truyền ; ngày kia lên chức thủ-tướng, thì cũng một Chu-công của bản-quốc vậy. Chẳng lẽ kẻ sĩ bốn phương, tụ tập ở cửa phủ, nhưng được tiếp hay bị đuổi, đều tự tay người lính giữ cửa cầm quyền ; khiến Quý-công ở chức-vị của Chu-công, mà chẳng được « bôi tóc nhả cơm », nòi đức tốt của Chu-công, thì lại đáng than đáng tiếc biết chừng nào ! Chẳng thể, há tên lính giữ cửa có đủ nhân-lực, khiến những kẻ được cho tiền-kiến đều là kẻ hiền, và những kẻ bị khoát lui đều người dở hay sao ? Lại chẳng thể, thì hề thầy người nào mao cao áo dài,

21) Châu-công trong một buổi tắm, ba lần bôi tóc lại để tiếp khách, trong một bữa ăn cũng ba lần nhả cơm để ra tiếp kẻ hiền sĩ.

cứ việc cúi chào mời vào, cõn thầy bọn sãi lỏm khỏm vô dụng, cứ việc xua tay đuổi lui hay sao ? Kẻ Lão-hủ nầy tuy chỉ là một người bỏ ngoài cỏi đời, nhưng từng mong Quý-công đưa thư, có câu rằng: « Đã lâu ngày ngưỡng mộ lòng từ bi độ thể của Lão-Hòa-thượng, hiện nay vì công việc ràng buộc, chưa kịp thân đến bái yết trước Bửu-tòa ; kính khiến đường-quan thay mặt, đội lễ mọn đền đưng, cúi xin mĩm cười thâu nhận. Chờ dịp khác sẽ xin đền nghe dạy dỗ v.v...» Lại nghe Quý công thường nói với các bạn thân đồng triêu rằng: « Lão-Hòa-thượng chẳng hiểm tiểu-quốc xa xuôi, Pháp-giá dời đền, đã dạy bảo cho chúng ta mọi điều kỷ cương lễ pháp, đạo đức thuyẽn-tông, ấy là phước lớn cho vua tôi nước ta vậy». Suy gẫm những lời nói trên, đều có ý hộ tri đạo ta rất sỏt sảng, quyết chẳng phải trước kính mà sau ngạo vậy. Xem đó đủ biết Quý-công bị tên lính giữ cửa che dỏi. Một bức thư của Lão-tăng chẳng đến tay Quý-công, chẳng quan hệ gì, chỉ sợ một ngày kia có những bậc cao-hiền dị-sĩ, có mưu hay chước lạ có thể giúp ích quốc-gia, cũng sẽ bị che ngăn ; những kẻ kia chẳng chịu cúi luỏn trước cửa quan, sẽ chịu khuất lụy chẳng ít vậy. Một tên lính giữ cửa biết đâu trong bách gia chư tử đều là những kẻ phi thường, và há biết rằng nhà nhỏ chẳng phải ở chỗ khăn đen áo dài, nhà thích chẳng phải ở chỗ áo tràng đầu trọc ; thể mà thiên hạ cầu nhỏ cầu thích, lại từ chỗ hình thức ấy suy cầu, làm sao tránh được sự lầm lẫn đáng tiếc vậy. Vài lời trung-cáo, biết ta dầu chẳng biết ta.

Mấy ngày thương lượng, muốn lưu lại hai người để lo việc thấp hương niệm Phật ở Giác-vương Nội-viện. Nhưng khó lựa được người xứng đáng thùy chung. Đại-ước người xứ nầy chưa thâm hiểu đạo pháp, chỉ thấy người nào đầu trọc, chẳng hỏi xanh vàng đen trắng, cứ gọi là Đại-sur, rồi thiện-nam tín nữ hòa nhau cúng bái ; rỏt cuộc vì tham tài hiếu sắc, thay dỏi lòng tu ; tìm cho được người giữ đạo vững bền thực rất hiếm có ; vả lại, trong bọn tăng chúng tùy-trượng phần đông bắt phục thùy-thỏ, có người vì có cha mẹ già không thể yếm lưu hải-ngoại ; chỉ có Hậu-Đường Khánh-Ngu và Tri-Khách Thiên-Vũ hai người ấy có thể về sau, bền quyết định lưu họ ở lại.

Ngày 13, Quốc-vương cũng chưa có ý tiền đưa. Lại trở qua cáo từ, và nói việc lưu hai người ấy ở lại, Vương rất lấy làm mừng. Đến ngày 15, bày tiệc cúng lớn và diễn kịch. Sáng sớm khiến Nội-Giám rước ta vào cung, bày đồ lễ tặng, thắp hương, mặc áo lễ, lạy đứng nói rằng : « Mông Lão-nhân chẳng tiếc từ-bi, dạy bảo mọi việc trị chánh dân-tinh, tu thân lễ pháp. Tự thẹn nước nghèo đất hẹp, chẳng đủ ngưỡng đáp hồng-ân trong muôn một. Chỉ có lễ mọn một cái bát và một cái gậy bằng vàng, xin kính dâng trước án, cũng ví như ta thường hầu hạ hai bên vậy. Bản ý muốn lưu Lão-nhơn ở lại thêm vài tháng, chờ hết nắng qua mùa mát, sẽ bắt thuyền đưa Lão-nhân về. Nay đã quyết định ngày 28 khởi hành, chẳng dám nài ép. Ta sẽ suất lãnh Vương-thân Quốc-thích, văn võ quần thần cả nước, đồng ra chực ở cửa bể, để tiễn đưa Liên-giá, khiến Trung-hoa nghe tiếng, biết nước chúng tôi tôn trọng Lão-Hòa-Thượng như thế, ngộ thỏa tấc lòng vậy thôi ».

Tiệc chay xong, từ giả lui về. Qua ngày sau, Công chúa dọn tiệc chay tiễn hành. Trong tiệc có diễn kịch, Quốc-vương dắt bọn tiểu-hầu (nữ-ca-vũ) đến ; dọn lại bàn tiệc, nhường bọn tiểu-hầu của Vương hát trước. Trong cuộc hát, chủ nhơn đặt một cái trống lớn (trống chầu) bên sân khấu, thỉnh thoảng điểm hai ba tiếng trống, cũng một ý nghĩa như gõ nhịp thuở xưa vậy. Ngày ấy Vương rất cao hứng, tự đánh trống điểm nhịp cho bọn hát ; thanh điệu lạ lùng, bộ tịch đường lối cũng khác, người trong tiệc ngồi xem rất thú vị, riêng ta cảm thấy buồn buồn. Vương ra về trước. Ta cũng xin cáo lui. Công-chúa khấn khoản cầm lại rằng : « Lão-Hòa-Thượng còn ở đây hai ba ngày, há nỡ chẳng ngồi tròn một hai giờ, cho thỏa tấc lòng quyền luyện. Lại hát thêm vài màn. Ta lại cáo từ. Công-chúa làm lễ, cầu xin để lời dạy-bảo. Cấm được trở lại chùa, ta viết bài thư trao công chúa.

Bài thư

« Hiền-vương, em bà, thỉnh Lão-tăng đến Quý-quốc, quy y cung phụng lòng vì đạo đức thực đã rất mực tinh thành. Ngờ đâu Hiền-Công-chúa, thân ở trong vòng giàu sang, đã thụ Bồ-tát-giới, lại cầu xin để lời khai hóa, khá gọi có tín-tâm tốt bậc vậy. Nhưng cần biết hai chữ « Tín tâm » quý ở một chữ « Vô ». Vì có, đã « hữu-tín » thì « hữu bất-tín », còn « vô-tín » thì gì vô-bất-tín » (nghĩa là không khi nào chẳng tin). Ví khiên, nương một vật « mà khởi lòng tin, chưa chắc lòng tin ban đầu khởi có ngày thoái lui. Trái

lại, chơn tâm như ở chỗ không, thì chẳng còn chỗ nào để thoát. Cho nên Đức Tỉnh-Danh (22) bảo rằng : « Chẳng tin một phép nào, ấy gọi lòng-tin thực » Gắn đây, bọn Sa-môn mặc áo cà-sa ở các chùa chiền, toàn thị có mắt không trông hể thấy ai đèn thấp hương lễ bái, có chút ít tiền bạc bỏ thí, tức thì bảo người ấy có tín-tâm ; chẳng biết rằng tâm có thể chuyển dời muôn vật, nhưng muôn vật chẳng khá chuyển dời tâm ; vì tôn chỉ chẳng bị ngoại-vật chuyển dời, mới có thể xử cảnh sang chẳng khoe, xử cảnh giàu chẳng ngạo, ở chỗ náo-nhiệt vẫn yên tĩnh, ở chỗ đậm-đà vẫn nhứt-nhưng, mắt chẳng giận được cũng chẳng mừng vậy ; cũng như Công-chúa nay há không căn-tính nam-tử, đâu có phải vì có chị của Quốc-vương, vợ của Phò-mã, bèn coi người là nữ-lưu. Đại-phàm làm người có thân hình, sợ nhất là si tình duyên ái, tập nhiễm thói quen ; ấy gọi là tính « thủy » (nước), tính « thủy » tức đàn-bà vậy. Nếu như tình chẳng si, ái chẳng duyên, chẳng hề say đắm thính sắc thói quen ; lại hay suy lòng ấy ra đến người khác, mở lớn tín-tâm cho nhau, làm tròn việc bản-phận, ấy là giải-thoát, giải-thoát tức đàn-ông vậy. Há khá lầy quần thoa son phấn mà phân biệt, nếu thế thì Điều-đạt (23) chẳng sinh hãm địa-ngục, mà Long-nữ (24) không thể tu thành chánh-giác vậy. Kinh Kim-cang nói rằng : Nếu lầy sắc thấy ta, lầy âm thanh cầu ta, ấy là kẻ làm tà-đạo, chẳng bao giờ thấy Như-Lai. Ấy là đại-hoạn của thế-gian chúng sinh vậy. Vì thanh sắc thiên tà phải trầm溺 trong vòng luân hồi sinh tử, chỉ do một niềm si ái, chẳng hay lia bỏ, ngày thường mộng寐, bị si ái buộc ràng, quanh quẩn trong vòng, cho đến ngày già, ngày chết ; lúc nhắm mắt qua đời, tùy theo si-ái cảnh quen, mà biến hiện trong chôn mê duyên ; bồng cảnh ấy hóa làm sấm chớp nước lửa, dạ-soa la-sát, núi dao rừng kiếm, cho đến mãnh-hổ sài-lang, độc-xà ác-thú đều bu lại cắn xé ; hoảng hốt sợ hãi, muốn chạy không đường, mới ăn-năn hồi tiếc từ trước sinh chỉ cái niềm si-ái ấy ; nhưng đã quen mất nết, ăn-năn cũng đã muộn rồi. Nếu muốn thoát ly cái khổ ấy, ắt phải trong lúc mình đương trẻ mạnh, khí huyết chưa suy, sớm đem mỗi tình quyền duyên hằng ngày, dẹp bỏ ra một bên,

22) Tức đức Duy-ma-Khiết, tỉnh, nghĩa là thanh-tịnh không dơ bẩn, danh, nghĩa là thanh-danh viên bả (tiếng tâm xa đốn).

23) Có lẽ tức Điều-ngự Trượng-phu, chỉ con trai, đàn ông mà nói.

24) Văn-thù-Sư-lợi nói rằng : « Con gái của Sa-Kiệt-La Long-vương, mới tám tuổi, có trí tuệ lợi căn, thông hiểu các phép, phát Bồ đề tâm ». Thời ấy Long-nữ dâng ngọc châu lên Thê-Tôn, hột-nhiên biến làm nm-nữ, qua nam-phương, ngồi Bửu-liên-hoa, thành Chánh-giác.

chẳng chút hệ lụy ; chỉ tin tưởng « tâm » ấy vô sinh vô diệt, quyết định thành phật, tự nhiên có khoái lạc, tùy mình hưởng thụ, hơn trăm nghìn vạn bội cảnh khoái lạc hiện-tiến ; khiến cây cỏ đều hóa thành điện ngọc lầu quỳnh chẳng lay gì làm lạ ; cũng chớ bảo như thê đã thành phật, đã biến hóa thần thông vậy. Than ôi, người đời tự lòng mê muội, chẳng hướng trên bản-tĩnh tìm đường nhân quả báo ứng, làm sao khỏi mê luyến bởi cảnh quen thuộc tình-si ? Nay thử lấy gốc cỏ mà bàn, gốc cỏ là một vật rất khinh hèn, dưới thêm bên đường, chỗ nào cũng có ; từ thiên-tử vương-hầu sĩ đại-phu, gồm cả hậu-phi Công-chúa cho đến thứ-dân giàu nghèo, không người nào không có cỏ ấy ; chỉ e chẳng khứng xem bằng cỏ rác, nếu xem được vờ lẽ, thì có kẻ xem cảnh vui tam-giới như cỏ rác ấy, có kẻ bỏ trăm năm phú quý phồn hoa như cỏ rác ấy, có kẻ bỏ lâu đài phượng-trượng, hầu vợ đầy đàn như cỏ rác ấy, có kẻ bỏ nhứt thân tứ đại (25) ngũ uẩn (26) như cỏ rác ấy, có kẻ bỏ hang vàng Quách-gia (27), núi đồng Đặng-thị như cỏ rác ấy. Chỉ cần hay lập tâm chuyển muôn vật, xem có như không, chẳng si ái những thứ cỏ rác dễ thời nát ngoài cõi tâm, chăm chăm lo sinh tử đại-sur, đem những thứ như cỏ rác vứt đi, để thành tựu cái an cư bất hoại của tự-mình, rồi tha hồ tùy mình thụ dụng ; ấy gọi là « trên một cảnh cỏ, hiện thành điện ngọc lầu quỳnh » vậy. Ấy chẳng phải tự nhiên mà được, cũng chẳng phải nhờ ai mà được, chỉ đem bình nhật tình si dục ái vứt hết, còn lại chỉ có « tự tâm bản lai » « thanh tịnh bản lai », thì đầy đủ hết thảy phật-quả bồ-đề đều ở trong tâm ấy hiện ra vậy. Cho nên bảo « Chẳng tin một phép nào, ấy gọi lòng tin thực ». Công chúa cứ thề tu niệm, ấy là đệ-tử hiền thuận của ta vậy ».

Ngày 18, Vương đi thuyền ra cửa biển trước, cỡi cây dao bằng vàng thường đeo, khiến Nội-Giám đưa tặng ta để dùng làm giới-đạo. Nội-Giám đạo-đạt ý Quốc-vương sở-dĩ tặng cây dao nầy, muốn được ta tự tay thường

25. Phật-gia gọi tứ đại là địa, thủy, hỏa, phong. Trong mình người, thịt da xương tủy trở về đất, huyết-dịch nước-miêng, tiểu-tiến v.v... trở về nước, khí nóng về hỏa, chuyển-động về phong.
26. Phật-gia gọi sắc, thụ, tưởng-hành, thức là ngũ uẩn. Uẩn nghĩa là tích-tập (chưa hợp), chúng sinh do sắc, thụ, tưởng, hành, thức, năm phép ấy tích tập mà thành thân.
27. Quách-gia không hiểu chỉ người nào, có lẽ Thạch-gia Kim-cốc, tức là hang vàng của Thạch-Sùng đời nhà Tần.

ngày lau chùi cho sáng loáng, để cắt đứt phiền não vậy. Các quan văn võ đều theo hầu Vương-giá, đón chực đường trước để tiễn đưa. Cửa biển là cửa ngõ của Vương-đô, Thuận-hóa, để đi thông qua các phủ khác. Vì đất nước Đại-Việt chỉ là một dải núi dọc theo mé biển, các đèo ập đều tựa núi day mặt ra biển, núi cao sông hiểm, cây rừng rậm rạp, nhiều tên trộm hùm beo, các phủ không có đường lối thông nhau, mỗi phủ đều do một cửa biển đi vào; muốn đi từ phủ này qua phủ khác tất do đường biển, thuyền đi biển khó đi gần bờ vì sóng lớn ; gặp gió xuôi đi chừng một ngày, nếu ngược gió không chừng mười ngày, nửa tháng mới có thể đi thông từ cửa này qua cửa khác. Tàu ngoại-quốc thường vào khoảng tháng 5 chạy đến Hội-an, Hội-an thuộc phủ Thăng-hoa, từ Thuận-hóa vào Hội-an đường bộ tất do Ngã-lãnh (đèo Hải-Vân). Sách Dư-ký bảo rằng : « Khoảng tháng 2 tháng 3, hoa ngải nở, trời ra biển, cá ăn hoa ầy hóa rồng », tức hoa ngải ở núi này vậy. Núi cao nắng gắt, trèo qua rất khó, nên đi thuyền theo đường biển tiện hơn.

Đến ngày 28, chừng canh 3, Cai-bá, Giám-quan bắt Hồng-tuyển và thuyền Điền-xá (thuyền đánh cá) mỗi thứ 8 chiếc để chở chuyên hành-lý. Rạng sáng, giới-từ tứ-chúng tập-nập, quân lính cầm đao thương dàn ra hai hàng, người đi xem đông như kiến cỏ, chen nhau từ cửa chùa thẳng đến bờ sông. Lúc ta lên thuyền, tứ-chúng lạy đưa tung bụi mờ mịt. Thanh-la khởi lệnh, mở neo buông thuyền ; dân chúng vẫy nước mắt thành mưa, có kẻ kêu khóc vang trời động đất ; thuyền đi giữa dòng, người đi đưa, đi dọc sông thẳng hai bên bờ, đến nút đường mới đứng lại khóc nức nở lây mắt nhìn theo ; ta cũng ngùi ngùi rơi lụy, cảm thương chúng chẳng được theo ta cùng về.

Đầu thuyền ngồi một vị quan, đuôi thuyền đứng một người cầm lái, giữa thuyền sáu mươi bốn quân-nhơn đứng chèo ; giữa khoang thuyền có bốn cọc-nặng sơn son, trên bắc ngang một cây gỗ, một người lính ngồi gò mõ làm nhịp cho những người đứng chèo ; thuyền cạy qua tả là qua tả, bát qua hữu là qua hữu, miệng hò-lo, chân dậm ván, đều răm rắp theo nhịp mõ chẳng chút đơn sai, mới nghe qua thực chẳng hiểu dịp gì lạ vậy. Thuyền dài mà hẹp, như hình long-chu, mũi cất cao, đuôi thuyền sơn đỏ, giữa không thấy để bếp nầu, thắp nghi, bao nhiêu người sẽ ăn uống vào đâu ? Riêng ta đem theo đồ ăn và nước trà để dùng, quân lính đều ở trần trùng-trục, dưới nắng cháy như thiêu, chỉ có trừ một vỏ nước lạnh, khát thì lấy gáo

múc uống, bụng đói trông trơn, mà sức chèo chẳng giảm, sự khó nhọc vẫn đáng thương thay ; nhưng cũng khá nghiệm thầy thân xác không nên an dưỡng quá chừng, sinh ra biếng lười ; đến lúc có sự khó nhọc, lại chẳng chịu nổi vậy..

Thuyền ra đến sông lớn, sắp thành từng hàng, quân lính rần sức chèo đi mau như tên bắn ; trông lên hai bờ, chẳng phân biệt rõ hình ngựa với trâu.

Gần đứng bóng, đến chùa Hà-Trung. Man mác xa trông, đây là một vũng eo của biển cả, ba đào chẳng gọn, phẳng lặng như tờ, một vũng cạn bùn lầy, cỏ rêu xanh xát, nơi ẩn núp của tôm tép cá cua. Thẳng bờ có đóng cừ, mọc đầy những cây dương nước ; một gian chòi cỏ, nơi nướng nấu của những kẻ làm nghề lưới chài. Chùa cất trên một đám đất bằng, nước bao quanh ba mặt ; ngoài cửa chừng trăm bước là nơi bùn lầy ; đắp đất làm đê, thẳng đê trồng dương liễu ; gió hiu hiu thổi, lau lách phất phơ, cá lội cua bò, ốc hào lễn-nghễn ; người đi đường quanh co đùa giỡn, nhắm nhìn phong cảnh, hứng thú xiết bao ! Chợt thấy một cây tùng xanh rợp bóng, một cổ-thụ đã mấy trăm năm ! Các chùa nước Đại-Việt, chùa nào cũng trồng đầy những thứ tạp-mộc, cau dừa xoài mít v.v..., còn cây tùng chỉ thấy đây là một. Xuyên bóng tùng đi vào, chùa không có vòng tường ngoài. Một ao vuông trước điện, nước ao lên xuống ăn rập với nước lên nước ròng ngoài sông, vì gần biển đất thấp, lẽ cò-nhiên như vậy. Trong ao cá gáy đỏ vô số, mấy người tùy tùng bẻ bánh tai-voi quăng xuống, từng bầy nhảy lên đớp ; lội qua lội lại, tự-nhiên chẳng sợ người. Luồng rau giàn bầu, bốn hoa bụi cúc, rải-rác ở các nơi đất trồng dưới gốc tùng. Sau điện có những cây tùng lớn mấy ôm, ngọn queo cành cổ, rậm rạp lỵ kỳ, thực là những thiên-niên cổ-thụ ; trên đọt tùng sấm uất, lá xoắn thành từng nắm tròn ; theo lời Truyện-ký bảo đọt tùng xoắn thành nắm tròn, đào dưới gốc có củ phục-linh và hồ-phách ; nhưng ta chẳng dám nói « Thuyết » ấy ra, sợ làm hại đến cây quý. Cai-bá, Giám-tự rước ta vào trong điện đề cúng chay. Giám-tự nguyên cũng là một thụ-giới đệ-tử.

Cơm chay xong, trở ra thuyền, kéo neo đi nữa. Đoái nhìn chùa son điện ngọc, lấp-lánh trong bờ biển rừng tùng. Nước mây man-mác, trập-trùng bóng dương, phưởng phất chồn Bồng-lai Lang-uyên. Nhon có ba bài thơ vịnh chùa Hà-trung.

Bài thứ 1

Che khuất ngàn dương nẻo Cửa-không,
 Chuông vàng buông tiếng gió bên sông.
 Giậu tre lồi cò xông hơi biếc,
 Gành đá lầu mây ngã bóng hồng.
 Cá đỏ chờ mỗi lên mặt nước,
 Chim xanh huyết gió xuống giàn bông.
 Miếu đèn vua chúa nơi u-tịch,
 Muôn thuở linh-quang chiều biển đông.

Bài thứ 2

Sắc nước màu non lọt vẽ thu,
 Xanh xanh mây đỉnh đồi Nam-hổ.
 Gạo vàng đất Bụt lăn-tăn nở,
 Mây biếc non Bồng lớp-lớp phỏ.
 Trúc múa nghìn cây sương nặng trĩu,
 Trùng reo bốn mặt sóng vang ù.
 Tìm đâu bạn cũ chùa xưa nhỉ,
 Trăng sáng bên cầu hội họp nhau.

Bài thứ 3

Gà ai xao xác gáy bên thôn,
 Một nóc chùa mây dựng giữa cồn.
 Thanh-thảo đau lòng người viễn-lữ,
 Bạch-vân êm giấc sãi thiền-môn.
 Xa dòng núi biếc, dòng sông chảy,
 Lặng tiếng chim kêu, tiếng mõ đồn.
 Dưới gốc tùng xanh thông thả chán,
 Buồng thuyền ngâm vịnh buổi hoàng-hôn.

Chiều đèn cửa biển, dừng thuyền. Vương đã khiến người làm cơm chờ sẵn. Còn cách chỗ Vương tạm trú chừng một dặm, đêm tối chưa có thể gặp, chỉ khiến người thông tin mà thôi. Sáng bữa sau xin chèo thuyền đèn ra mắt. Vương cắt một thủy-các ở giữa dòng, bốn mặt chiến-hạm bao quanh, giữa chùa một cửa đi vào. Thấy mặt, Vương rất vui-mừng nói :

« Nỗi mừng ngày nay tức là nỗi buồn ngày mai; ngày nay gặp gỡ, ngày mai trời biển hai phương, muốn gặp Từ-nhan, chưa biết ngày nào được gặp. Chỉ mong, hằng khiến Tỳ-Tăng độ hải, ngõ hầu như thầy Đạo-dung. Hoặc giả, chùa cũ công việc viên mãn rồi, chẳng nài xông pha, Từ-hàng lại trở qua một phen, ấy là trông mong sự bất-ngờ vậy. Ta cũng ở ngôi vài ba năm nữa, chờ Thê-tử trưởng thành, có thể trông coi việc nước, chừng ấy sẽ chọn người phụ bật hiển lương, rồi truyền ngôi cho Thê-tử. Ta sẽ cạo đầu làm sãi vậy. Việc lớn chung-cục của ta, đã mong nhờ Lão-Hòa-Thượng chỉ rõ, biết rằng kiếp trước là Tăng-nhơn nước Đại-minh, ngẫu-nhiên lạc bước đến đây; há khứng trọn đời đắm đuối trong vòng thanh sắc phú quý mà mờ quên nguồn gốc của mình hay sao ». Lưu luyện thành khẩn, hẹn ngày mai lại thiết tiệc tiền hành tại chùa Vĩnh-hoa ở núi Khuê-phong, ở đây, nhìn suốt biển cả, có thể nhìn theo đưa bướm về vậy.

Chiều tối, lấy ra một cái gối-mát, một viên đá nam-châm Tây-vực và các món tinh xảo khác tặng biếu.

Qua ngày sau, võng giá chực sẵn, bắt đầu lên đường bộ. Cai-bá dẫn một tiểu-đội làm hướng đạo. Bóng mai mờ tỏ, đi lên một gò cao. Đi được một đôi, sương mù buổi sáng chưa tan, người đứng cách nhau chừng vài thước, chỉ nghe ồn ào tiếng nói; trong tia sáng mặt trời, có lúc chỉ thấy nón đội không thấy nửa người phía dưới, lại có lúc chỉ thấy chân di-động, không thấy nửa người phía trên. Đường cát có nhiều cỏ gai giày muông. Đất ruộng phần nhiều trồng khoai. Dân làng có người đương bới khoai và dắt bò cho ăn giấy khoai; khoai có củ rất lớn, đường kính độ 3,4 tấc, vì đất cát mềm trồng khoai rất hợp vậy. Đền chân núi, phu lính nghỉ xả hơi để trèo đèo. Theo đường quanh co đi lên, đường đèo làm tùy theo chỗ đất chỗ đá, ở triển núi dốc có trồng lan-can để phòng nguy hiểm, đều quét dọn sạch sẽ. Bộc-phu lau mồ hôi thở hào hển. Trong rừng cây đã nghe tiếng chuông trông rất gần, nhưng đi quanh mất hàng giờ mới đến. Chùa Vĩnh-hòa cất trên chóp núi, tuy không mây trắng lè nhưng cũng kiên cố chỉnh tề, khuôn khổ chùa ở núi chỉ phải làm như vậy. Các quan mời vào, bày trà xong, các ông đạo ra sơn-môn mời mọc. Thửa đất bằng phần chừng vài mươi mẫu, cây cối xanh tốt, có thể ngồi nghỉ mát dưới bóng cây. Lúc ấy vừa đúng ngọ, khí trời trong sáng; buông mắt trông ra, trời nước mênh mông, muôn khoảnh ba đào như núi bạc non vàng, rất đáng kinh hãi,

nhưng biết đâu ở đây còn cách biển mấy dặm vậy. Người xưa bảo : « Lên núi Thái-Họa thấy sông Hoàng-hà đánh thẳng vào chân núi », chắc cũng như thế này. Vì núi Thái-Họa cao nên thấy xa như gần, bây giờ đây vì biển lớn thấy xa, nếu đến gần lại thấy khác vậy. Ta tức cảnh làm 4 bài thơ :

Bài thứ 1

Võng xe mười dặm đến cao-phong,
 Hang núi nghe chuyển mấy tiếng chuông.
 Xa thấy người đi ngoài dặm khói.
 Chợt nghe trái rụng giữa sân tông.
 Chìm hồng tiu-tít mưa chùa cổ,
 Rỗng bạc chồn vờn sóng biển đông.
 Buông mắt kiển-khôn kêu một tiếng,
 Đầu non chồng gậy ngó mênh mông.

Bài thứ 2

Từng mây yên hội mở chiêu-đề,
 Lìa nước xa nhà dạ tái-tê.
 Hoa nở đầu non thấy đạo mát.
 Khánh vang rừng thẳm hạc bay về.
 Lối quanh lần bước theo phương thảo,
 Cảnh lạ thừa nhân ngắm thúy-vi.
 Bên chôn hương đài ngồi nghỉ mệt,
 Chiều rêu ngát-ngưỡng, tóc ly-phi.

Bài thứ 3

Đỉnh xưa khắc chữ « Vĩnh-hòa-niên » (29).
 Bên mé biển xanh, mở cửa chiến.
 Mặt đất mù sa non dọn sóng,
 Lưng trời mây bủa nóc như thuyền.
 Tre xanh nghìn xóm màu thu rạng,

29) Đông-Hán Thuận-đề niên-hiệu (C.N. 345). Thời Ngũ-Đại Mân Vương-Diên Quân niên-hiệu (C.N. 935).

*Khe đá một bầu bóng nhật xuyên.
Ham ngắm dáng chiều bên đỉnh núi,
Phiên-tăng lễ bái thỉnh khô-thiền (30).*

Bài thứ 4

*Non xanh muôn lớp đạo chơi rong,
Rừng suối liên-miên nẻo chẳng cùng.
Nhà cỏ nửa rèm mưa lún phún.
Thúy vi bốn mặt khói mông-lung.
Biển khơi man mác vừng mây bủa,
Gió núi lao xao ngọn cỏ rung.
Thắng cảnh ngày nay ghi mấy nét,
Đăng lâm biết có dịp nào không.*

Khuê-phong nằm giở ra bờ biển, thành thử ngó phía nào cũng thấy biển ; phía tay phải một dải núi xanh tức Ngãi-lãnh, theo đường núi từ đông-bắc đi vào đền cửa Hội-an ; thuyền sẽ đi đường tắt. Mây hòn núi đều cao chắt ngất, những viên đá tron như hình búi-tóc (búi tóc) nằm rải rác ở chân núi, hơi giống Thất-tĩnh nham ở Quảng-dông. Giám-quan chỉ tay bảo rằng : « Đây là núi Tam-thai, ngôi chùa trong ấy tức là đạo-trường của Quả-Hoàng Quốc-sur. Núi ấy có nhiều nham động như cửa ngõ, như cửa sổ, làm đường hang, làm nhà, làm phòng, như hình vung nổi, như hình chuồng câu, v.v... thấy đều linh lung khoáng đảng ; nằm ngồi được, ngồi gầy đàn, ngâm thơ được. Mỗi lúc nổi lên, có tiếng vang đáp họa. Ngày mai Lão-Hòa-Thượng chắc sẽ qua đó chơi ». Ta đương nghĩ Khuê-phong tuy đẹp nhưng không có nham động u thúy, để dạo chơi cho vui. Nghe Giám-quan nói, giận không thể buông thuyền đi đền tức thì.

Dùng cơm chay xong, lại ra dạo chơi một vòng, lúc trở về, trời đã xế chiều, muốn đến từ tạ Quốc-vương và cáo việc khai thuyền ; xảy có Vương-huynh và các quan xách cơm chay đến mời ăn, nói chuyện phiếm, lúc tan tiệc đã canh hai, nhơn mỗi một bèn đi nằm nghỉ.

30) Kô-thiền nghĩa là kô tọa tham thiền, quên hết mọi sự.

Sáng mai, Vương cùng các quan lui thuyền dạo chơi Hà-trung, phải chờ người trở về để giả từ ; vả lại tắc lòng lưu luyến, như uống rượu ngọt đương ngằm ngằm say, nỡ nào bỏ đi dứt khoát. Ngày ấy thông thả, hơn làm thêm 4 bài thơ, tả cảnh sáng đi từ Tô-hổ đến cửa biển.

Bài thứ 1

Thuyền hồng khởi phát buổi ban mai.
 Gõ nhịp đưa chèo lướt gió bay.
 Chiếc bóng tha-hương trắng bằng lăng,
 Mỏi tình cô-quốc nước voi đầy.
 Rắn vàng muôn đợt toe mồi sóng,
 Mây biếc nghìn trùng khuất rặng cây.
 Nội cỏ xa nhìn trong nắng sớm,
 Kìa ai khéo vẽ cảnh chùa mây!

Bài thứ 2

Êm trời buông mái lướt như bay.
 Thoát đã thuyền qua chôn điều-dài.
 Ngựa hý trên ngàn tìm thú bắn,
 Người phò bên bên giục đồ quay.
 Non xanh chào đón đeo sương nặng,
 Chim trắng bồi hồi sợ gió lay.
 Man mác biển trời như dải-lụa,
 Cách rừng mưa nhỏ bụi lay phay.

Bài thứ 3

Chiêng trông khua vang bên bãi cát,
 Lừa chải nhấp nhớt giữa lòng sông.
 Mù sa cách bên người mờ mịt,
 Khói tỏa mặt hồ thuyền lướt xông.
 Tiếng địch phương nào nghe não-nuột,
 Bóng thu ban sáng tỏa mông-lung.
 Chuông vàng thức tỉnh người trong mộng,
 Châu-phô là đây có phải không ?

Bài thứ 4

Lách lách buông thuyền quanh mé núi,
 Một đường khói tỏa, bấy thâm u.
 Kinh-châu chở nặng tình phương-thảo,
 Vân-thủy pha màu áo hiệu-thu.
 Bên bên kìa ai thơ-thẩn đứng,
 Giữa sông xem cá nhớn như đua.
 Sương sa nguyệt lặn chim kêu sáng,
 Lão-khách buồm xuôi kịp gió mùa.

Đền nửa đêm mới nghe Vương về đền thủy-các. Rạng sáng Quốc-sur lại yết-kiến, nghe ta sắp sửa qua từ giả Quốc-vương, bèn nói với ta rằng : « Vương rất nặng tình, nay nếu Lão-nhơn qua yết-kiến, thế nào người cũng cầm lại chưa cho đi, như thế phải trì trễ hành trình. Chi bằng cứ thâu thập buông thuyền đi ngay, rồi làm thư khiến người hầu đem đền cáo biệt cũng đủ rồi. Tôi nay đền ra mắt Vương, rồi theo đường bộ đi trước vào Hội-an để sắp đặt chờ đón Lão-Hòa-thượng ». Ta giả lời rằng : « phải ». Nhơn khiến Quốc-sur đi trước. Tứ chúng từ Thuận-hóa đưa chân vào, đều an ủi khiến về. Truyền các thuyền quan-quân, quyết định đêm nay đền canh hai khai thuyền. Làm một bài trường-ca lưu biệt và một bức thư khiến kẻ hầu đem đền từ tạ Quốc-vương.

Bài thư

« Quốc-vương cùng Lão-tăng, xa cách thiên-sơn vạn thủy, nếu chẳng phải kiếp xưa có hẹn, làm sao có cuộc tao phùng đặc biệt như ngày nay.

Thấy trò một đoàn hơn 50 người, đền quý quốc suốt 6 tháng nay, no hưởng của thiên-trù cúng-dưỡng ; suốt ngày ngấm non cao, hứng gió mát, ngâm thơ vẽ cảnh, luận cổ đàm kim, hưởng vô-lượng-phước tiêu dao tự tại. Lẽ nào chẳng đem lòng quyền luyện, lại nỡ vội từ giả lui về cho đành!

Ngặt vì, chùa củ bị phá hư sáu bảy chỗ, xây cất chưa xong; tăng chúng theo học bốn năm trăm, công phu chưa trọn ; thêm vào đó, còn cúng lễ bao nhiêu công việc, đều trông chờ một mình Lão-tăng. Bất-đắc-dĩ định đền ngày 29 tháng 6 sẽ trở thuyền. Đã cáo từ Quốc-vương từ ngày mừng

3, Vương thành khẩn cảm lại, cúng dường các thứ bình bát, y trưng, trầm hương, hoàng lạp, cỏ lạ hoa thơm ; trời phật hoan hỷ, kẻ đạo người phạm đều tán dương phước điển của nhà vua, so với tấm thường có khác vậy. Tự thẹn lười vẩn lời dài, chẳng biết xưng tạ theo thường-tĩnh sáu-ngũ. Lão-tăng chỉ đòi Tam-Bảo chấp tay tụng niệm, cầu cho quốc thái dân an mà thôi. Tuy vẫn danh phận thầy trò, cần gì đầu-đầu việc nhỏ mọn, nhưng cũng khó nổi dứt khoát vẫy tay ra đi. Lục soát hành nang chẳng có vật gì đáng giá để lưu-biệt ; suy đi nghĩ lại, chỉ có văn thơ khá dễ biểu dương đạo đức ; bèn làm một bài thất-ngôn trường-ca, và lấy đá Thọ-sơn làm một cái triện vuông, khắc 10 chữ: « Tích nhật Trung-hoa tăng, kim triều Nam-quốc-Chúa » chỉ nghĩa Quốc vương không quên gốc tích kiếp trước và đề cầu chúc Vương-nghiệp như núi gò bền vững ; chút gọi là vật mọn lông hồng, đặt ở đầu bàn, gọi một trận cười cho vui vậy ».

Kéo neo vì gần đến giờ, muốn trở lại giả từ một phen nữa ; chín e, một là quây nhiễu, hai là lại phiền thêm đưa đón xa xuôi, vì thế lại thôi, chỉ khiến người cảm mây hàng nầy thay mặt.

Thôi Lão-tăng xin đi. Gió thu vừa thổi, âm lạnh một mình. Cúi xin, trân trọng giữ gìn đạo-thể, lâu dài làm chúa hải-bang.

Nay kính.

Bài thơ thất-ngôn trường-ca lưu tặng

Chùa cũ chia tay từ thuở nọ,
Kẻ nam người bắc biệt tấm hao.
Vương ra thế-gian ta giữ đạo,
Linh-quang một điểm chiều thông nhau.
Muôn dặm trùng trùng cách đại-dương,
Lão-Tăng bỗng tiếp thư Quốc-Vương.
Sắp lên Kinh-bắc bỗng sinh bệnh,
Sắp đi, lại chẳng biết đâu lường.
Ta đến chính đương mùa hoa nở,
Dưới hoa gặp nhau mừng hơn hờ.
Mây phượng cảm hùm mặt nở nang.
Chính ngôi Nam-chúa chẳng khoe khoang.
Đón chào Hòa-thương cười vui vẻ,

Trong điện Ngân-an đặt bồ-đoàn.
Giúp nghìn tăng-nhơn đủ y-bát,
Giới điệp cho dùng bửu ấn kiềm.
Chăm lo việc phật không biết mệt,
Tiếng hay sắc đẹp chẳng mê đam.
Trong cung lúc rảnh lần tràng hạt,
Chẳng làm Quốc-Vương làm Bồ-tát.
Nửa đêm nghe chuông dậy tụng kinh,
Cung dưỡng Lão-tăng lo chạy lạt.
Tự đem quyền thuộc và thần dân.
Kiến cầu phật-pháp hiền gia-trân.
Nghĩ ta đức mỏng càng tự-thẹn.
Ăn tình khăng-khít ngày thêm thân.
Hương-hải đoàn viên vừa nửa năm.
Nhớ nhung chùa củ muốn về thăm.
Nhìn nhau chẳng nở phô ly-biệt.
Gió mùa đã thổi thuyền khôn cảm.
Hỏi ta tái ngộ chừng ngày nào ?
Muốn nói, chẳng nói lòng ngán-ngao.
Tạm lưu hai sãi ở hầu hạ,
Hôm sớm cũng như thấy mặt nhau.
Vương và quyền-thuộc thành phật-tử.
Chùa chiến chung ở làm tăng lữ.
Thần quang tả hữu chiều thông nhau.
Muốn dậm trùng dương há cách trở.
Từ nay hai ngã chia sầm thương.
Tạm thời chia tay lại gặp gỡ.
Mấy phen từ giả lại lưu-liên.
Dứt khoát tình thâm ôi chẳng nở !
Chia tay cỡi tặng kim-giới-đao.
Lấy gì đền đáp, lòng nao-nao.
Trường-ca một bài chẳng nên câu.
Trước song mai trúc, gió ào ào.
Đêm nào dưới nguyệt nhớ nhung nhau.
Lại ngồi một mình viết thao-thao.

Ngày 26, sau giờ Ngọ, có người từ hành-dinh Quốc-vương trở về, báo việc chuẩn-bị khai thuyền ; Bỗng gió tây bắc vụt thổi, cát bay cây đổ, mưa như xối, trên đường người đi, vượt mặt không kịp. Đoàn thuyền đều cột neo thẳng bờ, ta đi một chiếc thuyền lớn dùng làm nơi hội khách, và làm chỗ nằm ngồi cho các tăng-chúng theo hầu. Ta sợ nóng cho cột hồng-thuyền ra bên ngoài. Nhon vì dây neo không chắc, thuyền bị sóng đánh trôi, quân giữ thuyền thiếu sức không chống vào được, quân trên bờ phải nhảy xuống nước bốn năm mươi người để kéo phụ, nhưng gió to mưa lớn, sóng quá dữ dội, không sao kéo nổi ; thuyền bị gió thổi trôi ra giữa dòng, gặp nơi có cồn cát, nước hơi cạn mới đứng yên được. Mọi người đều hoảng sợ, ta biết sức gió chỉ đến thế, dầu có trôi cũng không sao, bởi thế ngồi nhìn yên lặng phó mặc sóng tạt mưa dầm.

Mưa tạnh, thuyền đã neo vững, có người bàn nên đi đường bộ chắc chuyện hơn, cũng có người bàn nên đi theo thuyền Điền-xá (thuyền đánh cá) rất ổn tiện. Bàn cãi phân vân, các quan đều mỉm cười, lặng thinh nhìn ta chờ quyết định. Ta bảo « Các người nói đều không đúng. Từ lúc khởi hành, ta đã trù tính kỹ-lưỡng, quyết định đi hồng thuyền thẳng đến cửa Hội-an, nay há nhơn một trận mưa gió xoàng mà thay đổi chương trình hay sao. Nếu đi đường bộ với năm sáu mươi người hộ tòng, vòng lộng ngựa xe, phu đài hai ba trăm, khổ dân biết mấy. Vả lại trời nắng đường dài, đèo cao núi hiểm, hiện đã có mấy người bị bệnh, há không đáng lo hay sao. Còn nếu đi thuyền Điền-xá, chỉ nặng nề chậm chạp thêm mất ngày giờ. Hoặc sợ mưa gió đến như ngày nay, nhưng mưa gió không phải mỗi ngày đều có, nếu có chẳng nữa, cũng vào khoảng giờ mùi, giờ thân, quyết đêm nay trời chắc tạnh ráo. Chúng ta chiều nay, chờ gió xuôi, chừng canh hai khai thuyền đi đường biển, sáng ngày đã đến cửa Hội-an, chừng giờ Ngọ sẽ đến chùa Tam-thai. Lúc ấy chỉ sợ không có mưa gió như ngày nay, nếu có càng thêm một phần cảnh sắc vậy. Các ông thôi chớ bàn cãi, ta chỉ nghĩ theo chương trình đã định, không thay đổi làm gì ». Các quan đều chấp tay cười rằng : « Quả nhiên Lão-Hòa-Thượng kiên-thức rất đúng ». Chờ đến lúc ra biển, mới biết đi hồng thuyền rất tiện-nghỉ. Nhưng trong bọn cũng có người đòi hành-lý qua thuyền điền-xá. Giây lát lo cộ bị lương thực, trừ nước ngọt để cung cấp quân-nhon.

Ăn cơm chiều xong, có nhiều thuyền chèo lại tòng tiền, các quý-thần đều nói rằng : « Chuyện nầy hợp mặt, chẳng biết ngày nào sẽ gặp lại ». « Từ dung ». Nói đoạn, bói hỏi quyền luyến, gạt lụy chia tay.

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

QUYỂN IV

trái đối hoa núi, xanh đỏ sum sê. Xa trông cách bờ, cột buồm như rừng tên xúm xít, hồi ra mới biết đó là đoàn thuyền chở lương, đậu chờ gió tại cửa Hội-an vậy.

Tám thuyền đều đèn, tạm đình ở cửa biển. Bãi cát phẳng như tấm gương, xa trông mát mắt. Trên bãi đầy vỏ sò vỏ ốc, cảnh trí rất xinh. Lại khiến giăng bong lên để nằm ngồi nghỉ ngơi, mới biết Hồng thuyền rất tiện lợi vô cùng, có thể lầy sức chèo lướt sóng, dẫu sóng dốc cũng phẳng tới rất êm.

Chuyến thuyền ra mũi cát, một chốc đã đến chỗ thuyền lương đậu, neo lại. Hai bên bờ, nhà cửa đông đúc, người đi đường xôn xao, kẻ gánh người gồng, người ta đã đi chợ sáng. Một chiếc Hồng thuyền đậu trước ở đó, quan trấn-thủ Hội-An đèn yếm-kiên, cung đồn bữa cơm sáng rất thơm tất. Mới biết dọc đường có người lo cung đồn cơm nước đứng theo ngày giờ đã định, chẳng chút sai chệch. Chúng ta khỏi lo thiếu đồ nấu nướng, nhưng thương hại quân lính khó nhọc, cũng nhân đó, thầy lệnh vua cứng rắn như sắt, chẳng ai dám đơn sai. Quay lại bảo kẻ tùy-tùng rằng : « Đức tu mỏng kém, làm sao đương nổi cúng dưỡng thể ấy cho khỏi chiết phúc ».

Giới-gử tập họp ở đó và tứ chúng thiện nam tín nữ đều đem cau trái hoa quả đồ ăn đến dâng lễ.

Cơm nước xong, trông đồng lại nổi lệnh. Các quân-nhân đương thối cơm trên bờ, có kẻ đương ăn, có kẻ chưa ăn, cũng có kẻ đương nấu hoặc đương vò gạo, đều dẹp lại, vội vàng chạy đến mở dây thuyền. Mổ đánh giữa giòng, các thuyền khi đi hàng dọc, khi sắp hàng ngang, khi đi thẳng một hàng, khi chia thành hai dãy; ba quân miệng hò khoan, chân dậm ván, thầy đều đứng nhịp, rập ràng.

Gió thổi hiu hiu, nước xanh lơ lơ, rừng tre thâm thâm, bãi cát sáng ngời ; đã vui mừng gió thuận buồm xuôi, lại hớn hờ gần ngày về nước, tấc lòng khoan khoái, biết lầy chi cần. Thừa hứng làm bài thơ tả cảnh : « đêm thu vượt biển, sáng đến Hội-An ».

Bài thứ 1

*Thu về Hải-quốc, nhớ hương quan,
Đêm vắng buông thuyền dạ chứa chan.*

Thơ tứ nẩy sanh trong hiện cảnh,
 Tiếng người nghe nói giữa không-gian.
 Sao thưa lác đác gieo lòng biển,
 Đèn chớp xa xa sáng đỉnh ngàn.
 Cửa Hội-An đâu ? Còn dọ hỏi,
 Thuyền Hồng đã đèn Lục-Hoa-Loan.

Bài thứ 2

Núi đồ chằm nghiêng dón đồng tuyết,
 Còn ngờ tiếng sấm dậy từng không.
 Đầu thuyền khoác áo ra ngồi ngó,
 Tiếng nước dường như dưới đất thông.
 Sóng xóa ngọn cây lờ lửa chớp,
 Nguyệt ta eo núi nép thân rồng.
 Người Phiên tổng cúng ngoài đồng nội,
 Nhà cỏ Trần-quan cách bạc sông.

Bài thứ 3

Lụm cụm già nua ruổi khách trình
 Yên ba đi giữa biển mông-mênh.
 Sườn non gió lạnh, vượn kêu gập,
 Bãi cát sóng xao, mây kéo quanh.
 Sơ lược người cười ta ngạo mạn,
 Nổi chìm ta chẳng chuộng hư danh.
 Cửa tùng ví phỏng nay về đền,
 Dưới nguyệt xem hoa chán thích tình.

Bỗng chốc đã trông thấy núi Tam-Thai trước mắt. Nghìn đời quanh co, đều bằng đất, chỉ có gò núi đá Tam-Thai đứng cao chắt ngất, hai hòn lớn day mặt ra nước, còn một hòn hơi nhỏ hơn. Nhìn xa, hình núi sông sẽ, lại gần, trông lên, có nhiều cây lớn hai ba vòng ôm, mọc từ trong hốc đá. Đi quanh theo mé núi, thấy đá có viên mọc đứng thẳng lên, có viên chúc ngược thông xuống. Có chỗ sâu lõm vào thành hang, lại có chỗ đứng dựng như bức vách, nhưng chẳng thấy chùa ở đâu, mới trông qua thấy thô lỗ, tưởng chẳng có gì kỳ thú vậy. Chúng tôi đi cách núi còn chừng nửa dặm, thấy một thầy sãi đứng nhìn chăm chỉ, rồi chạy vội chui vào kẻ đá sau núi

đi mất. Trước núi có một cái gò, trước gò trèo lên chừng trăm bước có một ngôi chùa cổ ; sãi trông chùa đánh chuông trống, mặc áo tràng ra rước vào lễ Phật. Mời ngồi, thết trà, cung đôn tươm tăt. Nghĩ sao nhanh chóng thế ! Mới biết, vừa rồi thấy tăng đứng trông chừng rồi chạy lui, cốt để thông báo cho nhà chùa chuẩn-bị trước vậy. Nhà chùa muồn dọn chay, ta bảo hãy chờ sau khi lên núi về sẽ hay.

Ta chõng gậy ra cửa. Núi ở phía vai trái chùa. Quanh núi đều cát trắng mịn, gò cao đồng thấp, gió thổi mặt cát gợn thành thủy-ba. Vách đá nứt nẻ từng đường, từng lớp, xem như lượn sóng. Mặt trời dọi vào rêu đá, nơi đỏ nơi đen. Trông ra bốn phía núi cao chắt ngắt, chẳng có lối leo lên. Bỗng thấy trong hai vách đá có một đường hẻm, có những viên đá trắng như ghê ngồi, trên đỉnh núi thường có nước rỉ xuống, nghỉ mát ở dưới như ngồi trông đường hầm. Gió mát lạnh lùng, khiến người gỏi đá nằm chơi thiu thiu buồn ngủ. Trèo lên hết hẻm đá, một vùng rộng rãi bằng phẳng, cây cối um tùm. Một ngôi đền cắt tựa vách đá không cao lắm nhưng kiên-cồ có thể chịu đựng lâu dài. Đền do Quốc-Sur Hóa-Vương (?) xây dựng vậy. Ra trước đền, một lối đi qua phía hữu, đến cuối đường bẻ qua phía tả, có hai bờ đá rất cao, cây cối dây leo chằng chịt. Cửa động tối mò, bước vào từng bậc thêm thấy sáng dần. Vào hết bậc thêm, thấy mặt trời sáng trưng, từ khe hở trên động dọi xuống ; động tròn lại bằng phẳng, có thể chứa hàng nghìn người ; phía trên có mấy khe hở, cành lá giao bóng trập trùng ; khi vượn leo bò ở trên, cúi xuống dòm người, nạt đuôi cũng không chạy. Tăng-nhân ở đó bảo rằng : « Người ít, chúng nó đông từng bầy, cho nên khinh lờn chẳng sợ vậy ». Có một dây song già từ trên hẻm đá thông xuống tận đất, hình tròn bằng miệng chén, dài cả trăm thước, thẳng như dây cung, Đông-Dương-Di (người Nhật-Bản) từng giả nghìn vàng đòi mua, nhưng không bán. Ta sinh bình du-lịch khe động rất nhiều, thấy động nầy sạch sẽ đẹp hơn hết. Tiếc vì bờ-trí thần phật, tướng mạo ác tục, làm giảm giá động rất nhiều. Uống trà chưa xong, nghe ớn lạnh, liễn tìm cửa động đi ra ; trải xem núi hang vài chỗ phong cảnh hẳn như lời người đã nói lúc còn ở Khuê-Phong. Đền sườn núi có hai viên đá dựng đứng như trụ cửa. Đứng trong cửa trông ra, mênh mông biển cả, gió lùa vào quá mạnh, đứng giữa cửa muồn xiêu cả người. Quanh co chuyển qua tay phải, nơi an-trú của tăng-ni ; lối quanh u-tịch, phơi phơi hoa rơi, chỉ có bấy ong núi vù vù đua nhau cướp nhụy. Am-Chủ mời ngồi, uống một chung

trà, lại đi. Phía tả thềm điện, một lối hẹp quanh co đi xuống, ấy là đường đi gánh nước ; đường dài chừng trăm bước, bắc một cây tre lớn làm tay vịn lan-can ; xuống hết đường, đền gò đá dưới chân gò có hai giếng nước róc rách chảy ngầm ; thông gàu giầy mức nước lên, nước trong veo mát lạnh, uống vào lạnh ghê cả răng. Trèo lên, đi rẽ qua phía hữu, lại có một động rất cao, có một cửa đá, nhìn vào trong mờ mờ có ánh sáng ; người đi theo bảo, đi vào trong, mái động có khe ngách mở sáng như cửa sổ vậy. Lúc ấy đương ngồi trên thạch bàn, sức nhớ nửa năm nay nằm núp ở chùa Thiên-Lâm, chỉ thấy lơ-nhờ những năm mở đồng mã ; nay được một phen du ngoạn, thực đã rửa sạch cả tai mắt trông bấy lâu nay. Chỉ tiếc tòa núi đẹp thế này mà chủ-nhân không gia công đẽo gọt ; khiến chỗ nào cũng gai góc dơ dáy, dun dề âu sầu ; ví biết sẵn sóc sửa sang, thì phiến đá góc cây, đều phát ra sinh-thú tốt đẹp vậy. Nhon than sơn-thủy sinh ra trên đời, cũng có chỗ may, chỗ không may ; ở Trung-Hoa một gò đá, một giếng khe, cũng lâu các đình đài, đua chiêm phong-cảnh ; rồi một phen trải qua cao-sĩ, văn-nhân để vịnh, bèn trở nên danh-thắng nghìn xưa. Còn ở nơi xó tối hang cùng, tuy đá tốt núi xinh cũng chôn vùi trông gai cỏ ; may ra chỉ làm nơi ca ngâm cho bọn tiểu mục, nơi ăn nằm cho đàn trâu dê. Rồi một mai chẳng may bị bọn tục tử chú ý, bỏ-trí què mùa, điểm trang dơ dáy, làm cho thần núi thất kinh, khách qua đường ái ngại, thì lại đáng tiếc biết chừng nào.

Cuộc du-lãm hôm nay, không có thơ không được, ít ra cũng phải vì non động ghi danh. Biết đâu nghìn năm sau, nơi rừng bụi hoang-vu, chẳng trở nên phồn hoa đô ập ; ve than dề khóc, chẳng đòi ra xướng hát đờn ca ; thì danh của núi này, từ ta gây dựng, phải có một vài bài thơ để phẩm đề.

Có kẻ bảo, nếu muốn đi xuống, có thể đi theo thang « trăm trượng », đường sau núi để về chùa. Ta bảo. « Thôi thôi, hãy lưu liên vài ngày, để xem khắp phong-cảnh núi này, cần chi phải vội vàng như thế ».

Xuống đền Viện, ăn chay xong, liền thấy võng Quốc-sư, đi theo đường bộ mới đến. Thất kinh : « Sao thuyền đến chóng thế ! Lão Hòa-thượng hãy ở đây du-ng ngoạn vài ngày. Ăn cơm trưa xong, tôi sẽ đi trước vào Hội-An, dặn Cai-Bá lo dọn dẹp sắp đặt ; vài hôm sau, Tôn-Giá sẽ vào cũng được ».

Đương nghĩ để tên núi làm « Hải-Dũng-Phong », tên động làm « Hoa-Nghiêm-Động ». Làm một bài ca, rồi mài đá khắc vào. Giám-quan nghe vậy, bèn thưa rằng « Quốc-Vương khiến ngày nay phải đưa Hòa-thượng đến Hội-An, nếu trễ, chúng tôi sợ có lỗi trái lệnh. Vả lại quân-nhân hàng nghìn, chỗ nầy không kiếm đâu ra lương-thực. Xin Hòa-Thượng về thuyền, ngày khác rảnh rang sẽ trở lại. » Ta tiếc sơn-thủy thắng-du, tạo vật ghét ghen gì bấy ! Kê lên thuyền, mở neo chưa bao lâu, mặt trời đã về tối. Thuyền do sông nhánh đi đường tắt, nước ròng cạn, bị thuyền lương ngáng đường, quân-nhân nhảy xuống bùn lầy, kéo đẩy không nhúc nhích. Nội-Giám giận đánh lung tung, quân-nhân nỗ lực vác thuyền đẩy đi. Qua canh hai, đến bờ Hội-an. Vẫn nằm lại trong thuyền, làm một bài trường-ca « Chơi núi Tam-Thai », và hai bài thơ thất ngôn.

BÀI TRƯỜNG-CA, Chơi núi Tam-Thai.

Rày ngọn gió tây-nam đã thổi,
 Ruổi Hồng-thuyền ra lời Hà-Trung.
 Đa tình chi bấy Chúa-công,
 Bồi hồi chưa nở dứt lòng phân ly.
 Bên cửa biển sơn kỳ thủy tú.
 Cùng dạo xem cảnh thú Khuê-phong.
 Thuyền về chỉ nẻo Việt-đông,
 Nhìn theo đưa mắt muôn trùng xa xa.
 Trên chóp núi « Vinh-hòa » sơn-tự,
 Cây xanh um, mây từ phía bao.
 Một đoàn quân lính xôn xao,
 Vững dù rực rỡ, thương đao sáng lòa.
 Lướt gai góc xông pha cùng tiền,
 Hết bờ dài lại đến rừng sâu.
 Biển khơi xanh ngắt một màu,
 Xa xa nghe tiếng chuông đâu vang rền.
 Lăn bước một, bước lên chậm rãi,
 Dầu nhọc nhằn cũng phải gắng công,
 Đỉnh non buông mắt xa rộng,
 Nước trời man mác hồng-mông một vùng.

Thề hung hiểm xui lòng run sợ,
Sóng âm vang nhường lỗ núi sông.
Khói đôi điểm điểm từng không,
Sắc trời đã thấy sáng trong dần dần.
Chỉ đường bảo : « Đi lần theo đó »,
Đền Tam-Thai ấy chỗ Bồng-lai,
Thoắt nghe hằng đợi sáng ngày,
Mở thuyền vượt sóng lướt bay tức thì.
Chèo chém sóng khác chỉ rỗng múa,
Bọn giao thừa nép ngủ lặng yên.
Một đêm suốt sáng băng miền,
Non cao thoắt thấy nhân tiên ba ngôi.
Làn sóng biển đập xoi chân núi,
Đá lở loang cây cối toi bời.
Gậy thiền lần bước dạo chơi,
Đường đi cát nóng mặt trời giữa trưa.
Vào sơn-tự rau dưa tiếp đãi,
Trên bữu-tòa hoa giải phù-dung.
Mờ mờ vách đá rêu phong,
Vẽ xanh phi-túy, vẽ hồng đơn-sa.
Đi lần đền sơn pha hai đỉnh,
Ngửa mặt nhìn thấy ánh thiếu-quang.
Vạch cây luôn đá trông sang,
Cây chằng-chịt mọc, đá ngang-ngổn nằm.
Núi Thái-Họa nghìn tằm cao vút,
Cửa Hàm-Quan trét một viên bùn.
Sơn-đồng vách bảo ôn tồn,
Rằng đây mười bảy động môn rành rành.
Có một động thiên thành mát mẽ,
Trong nắng hè nhường thể ba đông.
Cứ theo đường tắt cong cong,
Đi ra sau điện quanh vòng đền nơi.
Gần đền cửa có hai vách đá,
Bước ngập ngừng trong dạ âu lo.
Mới vô trông thấy tôi mò,

Nhường như sơn quỳ theo dò dẫu chân,
 Gai góc vướng áo quần lồi lại,
 Lá bàng khô trở ngại gót chân.
 Lom khom chân bước tới dần,
 Tầng trên như có hé vầng kim-ô.
 Ai khéo trở tròn vo một lỗ,
 Sáng như gương trên đó trông không.
 Trần hang dòm suốt thiên thông,
 Nhụ-toan lóng lánh như lồng đèn treo.
 Đá lớn nhỏ cheo leo thẳng cửa,
 Lớn tày đình, nhỏ tựa trứng gà.
 Thiên-công khéo tạo một tòa,
 Một tòa không-động văn-hoa rõ ràng.
 Nơi rộng hẹp có hàng có lối,
 Thấp lại cao, dứt nổi khôn cùng.
 Cửa hang một gòc mây-sông,
 Dài ba trăm thước như rồng có vây.
 Ngồi sờ mó liền tay chẳng ngán,
 Ngồi đã lâu bỗng ớn lạnh lưng.
 Tìm nơi động khẩu ruổi giông,
 Ra ngoài du lãm một vòng thử coi.
 Đưa mắt ngó núi đối chồm chớ,
 Khấp nơi nơi rợn rờ linh lung.
 Lên cao nhìn xuống quanh vùng,
 Một giòng suối ngọt đùng đùng chảy tuôn.
 Một tảng đá cũng nguồn hứng thú,
 Một cành cây cũng đủ ngâm nga.
 Tiếc thay thẳng-cảnh sinh ra,
 Không may chẳng gặp văn-gia phẩm-đề.
 Nhiều gai góc bốn bề quái-thạch,
 Điểm tô, thêm quê kịch những loài.
 Than ôi ! thẳng tích nhường này,
 Tiếc thay không có tay người sửa sang.
 Nếu trong chôn phủ phùng đô-thị,

Có Tam-thai hùng-vĩ danh sơn,
 Thiều chi tài-tử văn-nhơn,
 Rượu tiên vui chuốc, thơ thần ca ngâm.
 Kia chẳng thấy Sơn-âm Nghiên-thủ,
 Hội Dương-Công (1) vui thú quần hiền.
 Đèn nay danh tiếng còn truyền,
 Không sơn há để dễ phiền kêu đêm.
 Nay ta đặt Hoa-Nghiên tên động,
 Đoàn-trường-thiên Hải-Dũng bi minh.
 Tạc ghi nhơn sự sơn linh,
 Tháng ngày mãi mãi để dành về sau.
 Mộc-Loan-Tử đồng du cư-sĩ,
 Thạch Hán-Ông lưu ký đôi lời,
 Nam-Bang để tiếng muôn đời.

BÀI THƠ VĨNH TAM-THAI

Bài thứ 1

Nam-Minh một vũng dựng phan mây,
 Chật ngất từng không khí biển xây.
 Quét sạch mưa mù lên bờu điện,
 Tỏa ra ánh sáng chiều linh-dài,
 Hoa rừng đưa khách đường thông một,
 Khe núi chia dòng nước rẽ hai.
 Sơn-quý đuổi nhau rỗng nếp bóng,
 Khói mây cửa động nửa phen gài.

Bài thứ 2

Sấm vang gió thét sóng ào ào,
 Đàn vượn bên khe thót nhảy cao
 Mắt ngắm biển khơi xanh thăm thẳm,

1) Dương-Hữu đời nhà Tần, lúc làm Tổng-Trần Trương-Dương, thường lên chơi núi Nghiên-sơn, sau chết, dân dựng bia trên núi kỷ-niệm, ai thấy bia cũng chảy nước mắt, thời ấy xưng làm Trụy-Lệ-bi.

*Chân giày dẫm cát trắng phao phao.
Cỏ-đang nghìn trượng xuyên hang đá,
Bích-như muôn tua rù động-đào.
Cát nóng giữa trướng ngồi nghỉ mệt,
Hơi thu bỗng đã lạnh nao nao.*

Sáng bữa sau (tức mồng 2 tháng 7), đình trú ở chùa Di-Đà. Nhà chùa chật hẹp, không đủ chỗ chứa đông người, phải phân tán ở Quan-Âm-Đường và các nơi khác. Nghĩ ở tạm ít ngày, sẽ lên tàu về nước; chẳng cần làm thêm nhà cửa, sợ phiền khổ quần dân. Nhưng Cai-Bá chẳng dám làm trái lệnh Quốc-Vương, rạng ngày đã thầy tre gỗ tập nập, buổi sáng khởi công, chiều đã làm xong tám chín gian liêu-xá, chính giữa dựng một gian nhà rộng để tiếp khách. Vì Hội-An là một mã-đầu lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước; thẳng bờ sông, một con đường dài ba bốn dặm, gọi là Đại-Đường-Cái, hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thầy đều người Phúc-Kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiền-triều (nhà Minh). Phần đông phụ-nữ coi việc mua bán. Những khách trú ở đây hay cưới vợ bán-xứ cho tiện việc thương-mãi. Cuối đường là cầu Nhật-Bản, tức Cẩm-Phô ; cách bờ bên kia tức Trà-Nhiều, nơi đình bạc của các tàu ngoại quốc. Nhân dân đông đúc, cá tôm rau quả tập hợp mua bán suốt ngày. Thuộc Bắc hay các món hàng khác, tìm mua ở Thuận-Hóa không có thì người ta vào mua ở đây. Đại ước Hội-An đông nam bắc ba mặt gần biển, chỉ có phía tây đường núi liên tiếp, thông Tây-Việt và Đông-Kinh. Vì thế cách phía tây chừng mười dặm có đặt một nha trần-thổ như Vương-phủ để phòng ngự lân bang. Khách trú đông đảo, sống thì làm ăn, đến lúc lâm chung, bỏ-vơ lữ-thần, nắm xương đành gửi quê người. Ta nghe nói rất lay lăm động lòng, bảo Quốc-sur nói với khách Phúc-Kiến, thủ xương mộ quyền, lập một nơi nghĩa-địa để quy tụ di-hải của những người quá-vãng. Ta Nhân làm một bài Dẫn như sau.

Trộm nghe :

Khánh sinh điều-tử, bè bạn thường tình,
Đắp diêm xương tàn, lòng người phước đức.

Vì thầy di-hải bộc lộ,
Thương thay lữ-thần bỏ vợ.

Xa quê hương biết cậy nhờ ai,
 Không giúp đỡ làm sao nên việc.
 Nay nước Đại-Việt phủ Hội-An ấy,
 Ngủ hổ tứ hải, trạm qua lại của thuyền bè.
 Bách Việt bát Mân, nơi tập hợp khách buôn bán.
 Thiều chi kẻ Đào-Chu (1) trí phú,
 Há không ai Bào-Thúc (3) chia vàng.
 Thương ôi ngòi rãnh chôn xương,
 Phó mặc trâu dê đậm đập.
 Có kẻ quê miền Giang-Tả, làm sao trở lại Thái-hàng.
 Có người sanh quán Hồ-Nam, khó nổi quay về Hoành-Nhạc.
 Quanh năm trôi nổi, những là nước mắt tuôn rơi,
 Một phút nguy vong, thôi đã tay chân rời rã.
 Đã không kẻ họ hàng thân-thích,
 Lại ở nơi trời biển xa xuôi.
 Oán chắt trời thu, bơ vơ phách quê.
 Mộng về cô quận, lấp lóe lửa trời.
 Thi-hài bộc lộ ở hoang giao,
 Tin tức ai đưa về cô-lý.
 Lợi danh theo mãi, thân thể hao mòn.
 Hải cốt ai chôn, tớ thấy xa lánh.
 Ai ngở nửa đường bỏ xác,
 Thương ôi xứ lạ cô hồn.
 Biết đâu tìm hỏi tấm hơi, phương trời nhận lạc.
 Luồng những mong chờ tin-tức, buồn cũ bướm mơ.
 Nhớ ngày nào khằng khái bi ca, buông dòng nước chảy.
 Nay xứ lạ chu toàn đắp diêm, nhờ khách qua đường.
 Gạo cơm giúp bạn ngặt nghèo, gương tốt Phạm-Hy-Văn còn đó (4).
 Bỏ cỏ viếng người quá vắng, thói hay Từ-Nhự-Từ nên theo. (5)
 Giúp đỡ nhau hạt gạo đồng tiền,
 Ơn đức ấy ngâm vánh kết cỏ.

2) Tức Phạm-Lãi, năm lần làm giàu, năm lần tán của.

3) Bào-Thúc chia vàng cho bạn là Quân-Trọng.

4) Tức Phạm-Trọng-Yêm, làm tướng đời Tống.

5) Hiên-sĩ đời nhà Hán.

Muôn lập nghĩa trang một sở,
 Phải nhờ thiện-sĩ thập phương.
 Kề ít người nhiều,
 Công đức vô lượng.
 Dám ví hạc về hoa-biểu. (6)
 Xin cho trâu ngũ Giới-son (7).
 Treo kiềm Diên-Lãng. (8),
 Chôn cằm Tử-Kính. (9)
 Chớ từ hợp lực,
 Bỏ cáo đồng tâm.

Viết bài Dẫn trao cho người thủ-xưởng để mộ quyền, Quốc-sư đọc xong, đính lễ thưa rằng : « Chùa Di-Đà nầy ở nơi xung yếu, khách vân-thủy thập phương qua lại đều nghỉ nơi nầy; nay vì lâu năm gió mưa đổ nát, tôi muốn tu bổ lại một phen, cúi xin Lão-Hòa-Thượng giúp cho một lời làm tiền dẫn. Lão-Hòa-thượng thường lấy bút mực làm việc Phật, chút tình bọc bạch, xin từ-bi nhậm lời ». Ta Nhơn làm một bài sớ đề khuyến mộ tu-bổ chùa Di-Đà như sau :

Duy-tâm tinh-đỗ, tuy rằng khắp xứ hiện thành,
 Tự tính Di-Đà, há dễ mọi điều đầy đủ.
 Vô-vi ắt nhờ hữu-vi mới tỏ,
 Chơn-đề phải nương thê-đề mới thành.
 Luyện đá vá trời, khen ngợi Nữ-Oa tài giỏi.
 Đem vàng cúng Phật, suy tôn Trưởng-già thần thông.
 Kỳ công toàn cậy sức người làm,
 Thiện sự há khoan tay ngồi ngó.
 Nay nhân Phật-tự,
 Dựng tự Đường-triều.

- 6) Đinh-Lệnh-Oai học đạo ở Lệnh-Hư-Son, sau hóa làm chim hạc, đậu ở hoa-biểu mà kêu.
- 7) Đào-Khẩn dời nhà Tần, lúc gần đi chôn mẹ, thầy một Lão-nhơn chỉ bảo trước gò núi nơi có con trâu đương nằm ngủ, ở đó có một huyết mã rất tốt.
- 8) Quý-Trát người nước Ngô, đi sứ ngang qua nước Từ-quân thầy có cây gươm bán có ý muốn nhưng không nói ra. Lúc Quý-Trát đi sứ về, Từ-quân đã chết, bèn treo gươm trước mộ để tặng. Diên-Lãng là phong-ấp của Quý-Trát.
- 9) Túc Lô-Túc, nghe bạn là Châu-Do chết, bèn chôn đàn không gảy nữa.

Chùa ở Hội-An, thông nẻo tám châu ba quận.
 Tầng đền Đại-Việt, trên đường nước lại mây qua.
 Cửa tiếp-dẫn mở ra,
 Nơi an-thiền ở đó.
 Phía đông trông ra biển, minh-hà liền Bột-hải thần-lâu,
 Mười dặm cách phía nam, hoa thảo nhuốm Chiêm-thành xuân sắc.
 Pha trà đồi Ngãi-sơn ngồi uống, tha hồ Cao-sĩ ngâm nga.
 Hái sen quanh Sa-chiều dạo chơi, mặc sức danh hiền hội họp.
 Hải hồ ngừng bước,
 Phàm thánh ở chung.
 Đạo trường mở tự ngày nào,
 Nhơn quả còn lưu hiện tại.
 Tuy linh đài không biến hoại,
 Nhưng ngày tháng có đôi dòi.
 Thời xưa đồ, thời nay xây, mặt Phật đương còn mặt người khác.
 Ba ngày mưa, năm ngày gió, nhà tu xiêu đổ nhà trai hư.
 Tượng Kim-Cương bùn đất ồ hoen, khó lấy tay không chống đỡ.
 Cột Di-Lặc gỗ cây mục nát, dễ đem lời nói tô bồi.
 Khói lạnh hương tàn, rêu cỏ mọc đầy trù-thất.
 Đông qua hạ lại, nắng mưa dầu dãi pháp-thân.
 Tai nghe cũng đã thương tâm,
 Mắt thấy dễ không động niệm.
 Nay có Quả-Quốc-Sur phát nguyện tu-bồ,
 Muốn cùng hảo-tâm-Hán hiệp lực đồng tâm.
 Chớ bảo Tây-phương mười vạn dặm, ngánh mặt làm lơ.
 Tuy rằng khô-hải không bền bờ, quay đầu vượt khỏi.
 Quan quyền dân giả, hãy mau nhờ bè pháp đưa qua.
 Tín nữ thiện nam, chớ chờ đền cùng đường trở lại.
 Có sẵn tín tâm là cực lạc,
 Kịp thời quyền cúng ây cơ duyên.
 Sao cho đại-diện sơn-môn, lạc thành mau chóng.
 Tất cả tăng-phòng trù-thất, mới mẽ sửa sang.
 Biết một cây làm chẳng nên non,
 Xin góp gió chung nhau làm bão.
 Lòng lành vô lượng, vàng từ Trương-thủy tuôn ra.

Công-đức biết bao, của tợ phong lôi đem đến.

Trang nghiêm đã từng biết rõ,

Phước thiện chẳng cần nói nhiều.

Đền đây chưa bao nhiêu ngày, có những tăng nhân chưa kịp thụ giới trong ngày đăng đàn ở Thuận-Hóa, suốt ngày đèn lễ. Tàu buôn vì có thâu tiền hàng chưa thanh khoản, nên chưa kéo neo ra cửa. Ta phải tâu xin Quốc-vương phê giấy, phạm quan quân ai còn thiếu tiền của Tàu buôn, bắt buộc phải thanh toán kịp kỳ hạn. Nhất định đèn ngày mồng 10, dời thuyền ra đảo Tiêm Bích La, dự-bị củi nước ; qua ngày 15, 16 sẽ lên thuyền chờ xuôi cho kịp giới.

Tăng tục luôn luôn đèn xin truyền giới, hơn nghĩ còn mười ngày nữa mới khai thuyền, bọn chúng đã thành tâm khẩn cầu, tiếc chi khó nhọc hai ba ngày, không thành tựu cho vẹn toàn công đức ; bèn truyền rao xa gần, hẹn đèn ngày mồng 7 truyền giới.

Đền ngày kỳ hẹn, tứ chúng giới-tử hơn 300 người, đều thụ giới hoàn tất. Khiến Quốc-sư và Hậu-đường cấp phát điệp-văn cho họ, mặt khác tâu trình Quốc-vương xin dùng ấn để đóng kiểm điệp-văn.

Khí trời đã sang thu, nhưng càng nắng gắt. Các tăng-chúng tùy trường nổi nhau ngã nắng, phát hỏa-ban, thang thuốc chỉ cũng không lành, chỉ ăn dưa hấu uống nước lạnh là khỏi.

Phía hữu chùa, có miếu Quan-Phu-Tử, thờ tự rất huy hoàng ; đây cũng là Hội-quán Phúc-kiến, viên Hội-chủ xin một bài chúc-văn để đọc khi có cúng tế, bèn cầm bút viết cho một bài thơ sau :

Chúc văn

Nền thánh nên thần,

Hay văn hay vũ.

Đọc sách thông đại-nghĩa, mắt từng xem một bộ kinh lân.

Báo quốc tỏ tình trung, lòng ôm giận ba phần chân vạc.

Lòng chỉ có Hán, Thọ-Đình-Hầu há chịu tước Tào-Man.

Mắt đã không Ngô, Kinh-Châu-Hội xem thường mưu Tử-Kinh.

Thâu đêm cảm đuốc,

Treo ân từ vàng.

Nhứt sinh giữ vẹn lòng trung,

Muôn thuở vẽ vang hiển thánh.

Anh hùng từ xưa, xưng vương xưng đế, chưa ai xưng Phu-Tử bao giờ.

Hào kiệt thiên-hạ, khen thẳng khen ngay, được khen tiếng thánh hiển
mấy kẻ.

Cao nhân liệt sĩ, nghĩa-khí ngạo vương hầu, nhưng thầy tượng Mỹ-
Diêm-Công, thầy đều thờ lạy.

Hiếu-tử nghĩa-phu, tôn thờ trong một xứ, nay sùng bái khắp thiên-hạ,
đâu cũng cảm-thông.

Xứ xứ phụng thờ,

Năm năm tề tự.

Chúng tôi,

Gặp ngày Thánh-đản, ngày mười ba tháng năm, năm nay.

Dâng lễ diện tiền, hơn hai trăm sáu mươi đồng-chí.

Tôn-thần thượng hưởng,

Thánh đức phò trì.

Phục nguyện :

Sông trong biển lặng, mọi người đều hưởng phúc thái- bình.

Nhà đủ người no, trăm họ thầy mang ơn bảo hộ.

Cẩn cáo.

Ngày 13 tháng 7, thuyền rời đậu chỗ khác, đem những vật hạng nặng chở trước, nhưng phải chờ đến ngày 15 mới ra đảo Tiêm-Bích-La, chừng ngày 20 mới lên thuyền để chờ gió. Vương khiến Phiên quan Thông-lại Đạo và sãi Thiết-phạm đưa ta về nước. Ngày 19 sáng sớm, Giám-quan chinh-bị 40 chiếc thuyền Điền-xá (thuyền đánh cá), chở ta bằng Hồng-thuyền. Sau giờ ngọ, mở neo, lúc ấy ta tuy mừng đã gần về nước. Nhưng nghe tin gió, thì nước đã quá kỳ, chưa chắc đi được. Lo không nói ra, sợ điểm xấu. Đến cửa biển đậu lại, chờ con nước đem đi ra cửa. Canh ba, mọi thuyền đều khởi hành, rạng sáng đến Tiêm-Bích-La. Trên tàu định chia làm 12 « mã-ly » (chia từng ô để nằm), tuy chật hẹp nhưng vì hồi hương, nên cũng không quan tâm lắm. Vương sai người hỏi thăm, mọi thứ cần dùng, xem chẳng thiếu món gì, nhưng còn trở gió, nếu

trì trễ lâu ngày, cản trở thêm gạo nước, hơn viết giấy giao cho công-sai trở về báo-cáo. Hai ngày sau, đã thấy chở đến 40 gánh vừa gạo trắng, vừa gạo đỏ. Ta rất lấy làm lạ lòng về sự tiếp tế mau chóng. Có người biết thừa rằng : « Trong ấy có đường voi đi, một lối đường tắt để thông hành khi có việc cần kíp, có thể một ngày đi đến Thuận-Hóa ; có lệnh truyền đến, các thuyền lương đậu trong cửa biển, lập tức chi phát, cho nên mau chóng như vậy ».

Nội-Giám Cai-Bá cáo từ lui về. Thuyền cũng chỉnh-bị, lấy thêm nước, chờ có gió là kéo buồm. Các tăng-chúng tùy trượng, lúc ở trong chùa Di-Đà, không một người nào chẳng lên ban phát nóng. Chỉ có ta chưa chi, tưởng chừng tránh khỏi ; ngờ đâu lên thuyền được ba ngày, đã phát nóng phát lạnh.

Mấy ngày liền đều thời gió đông bắc, hơi mưa mù mịt, trông chẳng thấy núi. Những người lão luyện ở đây bảo rằng : trời đã « làm xuân ». Khi hậu nước Đại-Việt, lấy thu đông làm xuân hạ, trong mùa thu đông thường khi mưa dầm liên miên mây mù tứ phía, các khe nước đầy dẫy, đường vắng người đi. Những lúc ấy thứ gì cũng lên giá. Một bó củi 10 đồng tiền, nấu chẳng chín nổi cơm. Bởi thế người ở đây đều lo dự phòng mọi thứ, gọi là « Làm xuân ». Lúc ấy thì, trăm núi mịt mờ, mênh mông biển cả, thuyền chẳng dám rời bến đi xa.

Chứng bệnh vì gió mưa thêm nặng, còn một chút hơi ngoi ngóp, nằm xếp nếp trong thuyền. Khiến sãi Thiệt-Phạm chèo thuyền trở lại Hội-An đón thầy thuốc, luôn tiện báo cho nhà vua biết việc thuyền đương trở gió.

Đến ngày 27, quá ngo, trời hơi tạnh, suốt đêm trời có sao, sáng ngày sa mù. Sáng bữa sau, tức tốc khai thuyền. Thuyền chủ vẫn lo gió không được thuận, phàn nàn bảo rằng : « thầy sãi sai đi chưa về, Lão-Hòa-Thượng đương đau, không có thầy thuốc thì sao » ?

Lòng về nóng như lửa đốt, bèn đốt đuốc thắp hương, day về hướng tây-nam quỳ lạy, đọc chú cầu gió. Chiều lại, gió tây-nam bắt đầu thổi, sãi Thiệt-Phạm cũng đã về đến.

Qua ngày 30, đánh thanh-la nhỏ neo. Mấy mươi chiếc diên-cô, (thuyền đánh cá) cột dây dắt thuyền ra cửa. Gió thổi thẳng buồm, đương khao khát trở về, lòng vui xiết kể.

Đêm ấy, Mộc-Loan chiêm bao thấy một người mình mặc áo cầu, đai mao rất phong nhã, đương trong mộng, kinh ngạc làm sao chồn nẩy có được người phong-nhã như thế kia ! Người ấy bảo Mộc-Loan rằng : « người từng đọc sách Giới-Tử, tự nhiên biết ta. Còn về Lão-Hòa-Thượng, giúp nhau chẳng khó gì nhưng ta có lời báo trước cho biết ». Nói đoạn, người ấy cỡi chiếc thất-lưng bằng da giao cho Mộc-Loan và bảo rằng : « người vì ta trao lại vật nầy cho Lão-Hòa-Thượng, nhân-duyên sau nầy đều ở trong ấy ». Tỉnh dậy, còn nhớ rành rành tất cả, thuật lại với ta. Chẳng hiểu ý gì, nhưng lúc ấy thuyền đang đi mau, chẳng để ý bàn giải.

Gió nam thổi dịu dần, thuyền chạy vát tới vát lui, chẳng tiền được bao nhiêu. Bỗng chốc mưa lớn, gió bắc thổi mạnh, thế không chạy tới được, cả thuyền đều lo ngại vì quãng đường Trường-Sa (Bãi dài). Ta khoác y vào niệm chú. Hồi lâu, phía đông-nam một trận gió bão nổi lên, đêm tối mây mù, ngửa bàn tay chẳng thấy. Mọi người đều sáng hồn, mừng-tượng trông thấy rồng bay múa hai bên thuyền, ước chừng một canh, rồng bay đi. Khoảng đường gió bắc thổi đi này giờ, trong giây phút đã thấy thuyền trở lại chỗ cũ. Sau cơn mưa, màu trời sắc biển sáng suốt gần xa ; đèn đây lòng về đã nguôi lạnh hết vậy.

Sáng ngày, mây tạnh trời quang, xa xa trông thấy ngấn núi, cách chừng vài mươi dặm, vẫn thấy đảo Tiềm Bích-La. Theo gió xuôi vào sơn-cảng, người trong thuyền đánh trống tạ thần, đều giơ tay lên trán nói rằng : « Thực là sông sót ».

Luôn mấy ngày gió to sóng lớn, các thuyền nhỏ ở mé biển đều kéo lên bãi cát. Ta lúc ấy tuy nóng lạnh và đau bụng hơi bớt, nhưng ăn uống không được, vả lại bị sóng nhồi mấy ngày, thân hình gầy gò, chỉ còn xương tàn một nắm mà thôi. Mộc-Loan bảo với người hầu tên Diệc-Nhĩ rằng : « Nay trời biển như thế, coi mỗi thuyền không chạy được. Nghe nói trên núi nầy có am thờ Quan-âm, sao không mời Lão-Nhân lên bộ, cho huyết mạch được lưu thông, may ra có thể ăn uống được. Vừa rồi nghe người ta nói, đèn ngày mồng 6, chắc có gió lớn. Người xứ biển am tường sóng gió, không thể không tin. Há nỡ để Lão-Nhân trong lúc đương đau, cứ nằm chịu sóng nhồi như vậy » ? Diệc-Nhĩ không nói rõ với ta. Y lên bờ đạo xem, rồi đem hai chiếc thuyền nhỏ đèn giục ta lên bộ. Lúc ấy, sóng gió dần dần nổi lên rất lớn.

Quan-Âm-Đường cách xa vài dặm, không thể đi đến. Ghé vào một ngôi nhà tranh nghỉ tạm; cửa nhà rất thấp, đi vào phải khom lưng tránh khỏi đụng đầu. Kiểu nhà gần biển, sợ gió thốc, nên đều làm thấp như thế. Vừa ngồi yên, sóng gió nổi lên ùng ùng. Đèn đêm sóng gió lại càng dữ dội, cát bay đá chuyển, nhà lá đều đổ xiêu. Sóng đánh vào núi nghe âm ầm, kinh hồn lạc phách. Ta may được mảnh đất gỏi thân, nghĩ mấy người đương ở trên thuyền, gặp lúc hiểm nghèo, sông thác chỉ cách nhau sợi tóc, đêm nay sẽ lo sợ biết chừng nào. Nhưng đêm tôi sóng to, biết làm sao được. Suốt đêm trần trọc, nằm ngủ không yên. Sáng ngày, có người ở thuyền chạy lên, reo mừng « sông sót ». Tình trạng đêm qua như thế nào, thôi khỏi phải nói.

Qua một ngày, khí trời quang tạnh, ta gắng chống gậy đi ra ; hỏi thăm người bản-xứ, mới biết đây là núi Cú-Lũ (six), nơi Cát-Hồng xin bỏ làm quan Lệnh ; tuy nay đơn-sa không còn, nhưng hình thế rất tốt, chắc địa-mạch vẫn còn thiêng vậy. Mấy hòn đảo bao quanh như vành ghe, ở giữa một vùng đất bằng phẳng ; phía đông khuyết, có hai hòn núi, hai bên đối nhau như cửa ải, làm cửa cho tàu thuyền ra vào. Trục tiếp dưới hòn núi chính (chủ phong), có miếu Bàn-Đầu-Công ; phía tả miếu chừng một trăm bước, có một suối đá, nước trong và ngọt, người trong thôn ra đó múc uống. Đàn Ông đàn bà đến suối tắm rửa suốt ngày, không khi nào hờ. Sách Tục-Ký chép rằng : « Dân ưa tắm », thực quả đúng chẳng sai. Dưới chân núi, một bãi cát bằng phẳng hình bán-nguyệt. Có rải rác chừng non trăm chiếc nhà gianh. Trừ những người già cả và trẻ con, có chừng 300 tráng-dinh, dân nội-tịch, sanh nhai bằng hai nghề đánh cá và hái củi. Cá mắm bảy mùi hôi, nhà nào cũng vậy. Núi toàn đá, cây cối rậm rạp, hoa quả khắp núi, làm đồ ăn cho chim chuột và mục-đồng. Ngôi miếu cũng khá rộng lớn, thần rất thiêng. Thuyền bè qua lại đều lên cầu cúng. Ta khiến Cai-Xã mở khóa cửa, người theo-hầu thấp hương ; xem thần-tượng, đọc phong-hàm, mới biết miếu thờ Hán-Phục-Ba Tướng-quân, người trong nước tôn xưng thủy-hiệu làm Bàn-đầu-Công vậy. Kéo màn xem thần-tượng, thấy rất nho nhã phong lưu. Mộc-Loan thất kinh nói rằng : « người trong mộng tôi thấy đêm trước, giống hệt tượng này vậy ». Mới nhớ ra, « Giới-Tử-Thư » (10) là sách của Phục-Ba làm. Ngài coi đây da đưa cho, là lấy nghĩa « Bội

10) Mã-Viên có làm Giới-Tử-Thư để dạy con.

vi » (11). Thần báo mộng rõ ràng, cho biết nhơn duyên còn nên hoãn lại, năm nay chắc chẳng được về vậy. Có một tấm bảng phân treo ở vách tường, trên có khắc một bài thơ thất-ngôn của Từ-Phu-Viễn, chữ bị bụi mờ, chùi ra còn đọc được. Bài thơ rất hay. Ta cũng bắt chước làm một bài viết lên vách như sau.

BÀI THƠ

Sóng xao cuộn cuộn, đá nham nham,
Hán-Tướng đền thờ đỉnh núi lam.
Giới hạn từ xưa non rẽ cỏ,
Bắc Nam nay thấy biển giăng buồm.
Gắm trong thần mộng câu « tam phục »,
Báo trước ngày về thư một hòm.
Nghìn thuở oai linh lưu tượng cũ,
Trời thu bóng xế nước An-nam.

Một chiếc tàu hiệu « Mã-Tào (tàu ngựa) ra biển chạy trước thuyền ta mấy ngày, bữa nay cũng lui trở lại. Tàu ấy có tiếng chạy hay nhứt trên biển, bạn thuyền cũng tinh-nhuệ, đèn nay đã ba lần ra chạy, đều phải trở lui; bởi vậy mọi người đều quyết ý « áp đông ». Áp-đông là một danh-từ dùng chỉ sự đình lưu qua mùa đông của các tàu buôn vậy. Thiệt-Phạm ra báo cho biết Vương chưa trở về. Bồi hồi ta ngồi trên bàn thạch làm mười bài thơ « Cú-Lũ trở gió » như sau.

Bài thứ 1

Đã đi còn trở lại,
Sương gió động lòng quê.
Niềm vẫn lo thân phận,
Duyên còn vướng sơn khê.
Đảo hoang không vướng hủ,

11) Hàn-Phi-Tử, thiên Quan-hạnh : « Tây-Môn-Báu, tánh cấp, thường bội vi dĩ tự hoãn » (Người Tây-Môn-Báu có tính nóng, thường đeo dây da để hoãn tính lại). Nay chiêm bao thấy thần cởi dây da cho, ý thần bảo còn phải hoãn lại, chưa về được.

Gò cũ có chim về.
 Gió bắc liên ngày thổi,
 Trước rừng mưa dầm dề.

Bài thứ 2

Năm đã thu hầu nửa,
 An-nam mới « làm xuân ».
 Sóng mòi vang suốt sáng,
 Mưa gió luôn cả tuần.
 Khói núi un xanh biếc,
 Nước khe chảy trắng ngần.
 Dư-đồ-ký có chép :
 « Ưa tắm tục phương-dân ».

Bài thứ 3

Điện-cô mây chực chiếc,
 Dây buộc kéo đưa tàu.
 Chiêng trống tiếng vang dội,
 Tây-Nam gió gấp chầu.
 Trở về cảng « Cú-Lũ »,
 Hời đền am Bân-đầu.
 Muốn cỡi sức thần thánh,
 Dương bướm về Quảng-Châu.

Bài thứ 4

Lưu-luyền ý thuyền chũ,
 Chạm trể bởi sương sa.
 Nhơn tình nhường ấy đó,
 Thời-tiết thề kia a !
 Gió dịu thuyền khôn tiên,
 Nước xoay chèo khó qua.
 Quê nhà lưỡng mộng nhớ,
 Về trể riêng gì ta.

Bài thứ 5

Cõi bờ đời Hán mở,
Huyện-lệnh Cát-Hồng qua.
Tu luyện vắng Tiên-lại,
Đền thiêng thờ Phục-Ba.
Núi gò đầy mưa gió,
Phường phất chuyện đơn-sa.
Chỉ thấy đoàn ngư mục,
Tơi nón đạo yên hà.

Bài thứ 6

Mình ôm lại say sóng,
Vào nhà lưng uốn cong.
Trời thu dương bão lớn,
Mái cỏ bị gió tung.
Đền xóm leo heo ngọn,
Chim rừng ướt xù lông.
Lênh đênh giữa dòng nước,
Thương mây gã tùy tòng.

Bài thứ 7

Sắc thu gượng dậy ngắm,
Chồng gậy tới bờ khe.
Sầm vang, sóng dưới núi,
Cát nhaoáng trắng bên đê.
Hoa trái quan cầm hái,
Vượn kêu đói thâm thê.
Chiều hôm bướm trở cánh,
Con vợ mừng cá về.

Bài thứ 8

Sinh nhai nghề chài lưới,
Vật thực sẵn cá cua.
Không lúa lo kiếm gạo,
Có tiền ra chợ mua.

Chiều màn nức mùi mấm,
 Cây cỏ nhuộm màu thu.
 Nam-Việt nay lưu trệ,
 Ngày dài biệt về đâu.

Bài thứ 9

Trăng thu dọi nhà cô,
 Gió biển thổi rừng sâu.
 Quê nhà mây nước khuất,
 Đắt khách gió mưa sầu.
 Rùa biển nhào sóng gợn.
 Chuột đồng đứng núi kêu,
 Giật mình trong cơn lạnh,
 Bóng trúc ngã dầu dầu.

Bài thứ 10

Tặng ta rau một bó,
 Nhìn nhau mỉm miệng cười.
 Rau dâu xứ biển có ?
 Thăm viếng cảm ơn người.
 Tàu biển còn lưu trú,
 Sứ Phiên chữa đền nơi.
 Dưới trên không bè bạn,
 Lòng quê luồng bồi hồi.

Ngày ấy Thiết-Phạm đã đem thuyền đèn rước. Chiều lại trở về Hội-An, Vương khiến Nội-Giám đưa thư đến, muốn phái Hồng-thuyền rước ta trở ra Thuận-Hóa để cung dưỡng. Ngặt vì trong mình đương đau, không chịu nổi đồ giang nhọc nhằn. Bèn trở lại chùa Di-Đà, tu bỏ nhà cửa để an trú đồ đệ. Ta sẽ kiếm thuốc thang điều-dưỡng, vui tình văn mặc, tiêu-khiển cho qua tháng ngày. Thông thả sẽ trở ra Thuận-Hóa, để yết kiến Quốc-Vương. Chẳng ngờ Vương nghe ta chưa về được, mừng rỡ nói rằng: « Ta khẩn khoản cảm Lão Hòa-Thượng ở lại chẳng được. Nay nhờ thần-gió vì ta ngăn lại, há chẳng phải vì nhân duyên túc thế, nên trời cổ lưu Hòa-Thượng lại nước ta đó sao ? » Vương giục Quốc-Sur vào đón, nhưng vì

trời mưa lụt chưa đi được, bèn khiến triệt phương-trượng ở chùa Thiên Lâm, sửa soạn lại chùa Thiên-Mụ, sai người vào thỉnh ; kẻ tiếp được tin ta đương bệnh, chưa có thể ra được ; bèn khiến người đưa thư và nhơn-sâm vào cho. Ta thâm cảm tâm lòng quyền uyển của Quốc-Vương, làm một bức thư, khiến người đem ra đáp tạ.

BÀI THƠ

« Trước đây Lão-Tăng vạn bất đắc dĩ muốn trở về chùa cũ, điều đó Vương cũng đã thông cảm cho.

Lúc ấy Vương khẩn khoản bảo rằng : « Lão-tăng chẳng định lưu được hai ba năm. Cũng nên rán ở chừng một năm, cho ta được thỏa chút lòng cung dưỡng ».

Lão-tăng nghĩ mình phước mỏng, buộc phải đau lòng từ biệt ; Vương thông lãnh văn võ bá quan, tiễn chân ra đến cửa biển, lên viếng cảnh Khuê-Phong, rồi cho thuyền đưa vào Hội-An, đến đảo Tiêm-Bích-La. Đến lúc Lão-tăng lên tàu, tiết thu đã muộn. Thuyền-chủ và đồng bạn đều bảo rằng gió bắc thổi mạnh, chẳng khá buông buồm. Lão-tăng niệm chú cầu gió nam. Qua ngày sau, gió tây-nam thổi lên, trông đánh chèo hồi, dương buồm ra biển, đi được hai ngày đêm, gió bắc lại thổi lên, thuyền không đi được. Lão-tăng lại cầu gió. Chiều lại gió nam thổi thẳng buồm. Thuyền đương đi rất mau, bỗng gió bắc nổi dậy, mưa như trút vò, rần múa rồng bay, trời long đất lở, cơ-hổ giữa bãi dài muôn dặm, chẳng khỏi bụng cá chôn thây. Ta chỉ ngồi lặng thinh niệm chú. Trong lúc hoang mang bó tay chờ chết, bỗng một trận gió đông-nam đưa thuyền trở lại đảo Tiêm-Bích-La. Nghĩ bụng trời cũng có ý khi nghèo trọng giàu, chẳng thể, sao thổi gió ngược làm gì, cho Lão-Tăng đi chẳng được đi, mà Quốc-Vương lại được toại nguyện « một năm cung dưỡng ».

Quốc-Vương nghe Lão-Tăng chưa đi được, mừng rỡ nói rằng : « Trời chịu lòng ước nguyện của ta vậy. » Bèn lập tức khiến Nội-quan phát Hồng-thuyền đón ta về Hội-An.

Lão-Tăng muốn ra triều-kiến ngay, nhưng vì sóng gió dỗi đập hơn 20 ngày nay, hiện nay đương đầu nhức, bụng đau, phát nóng phát lạnh.

Các tăng-chúng tùy tùng cũng đều đau cả. Lão-Tăng đương phàn nàn vì đau chưa ra yết-kiến được. Thề mà chưa đầy nửa tháng., Vương lại đưa thư hỏi thăm và mỗi lần đều biếu cho hơn-sâm. Lão-tăng thực thâm cảm, rất lây làm áy náy. Lòng ân cần của Vương tỏ ra thấy rõ chí tình. Nhưng luôn luôn phiền lụy Quốc-Vương, Lão-Tăng cũng chẳng biết lấy lời nào cảm tạ ; chỉ biết khăn vải mây trời trắng biển, xin soi sáng cho « Thiên-Túng Đạo-Nhơn » của ta.

Ngày gặp gỡ chẳng xa, sẽ còn nhiều chuyện thưa gửi. Trời thu mưa gió, chẳng nói dông dài.

Mưa dầm luôn mấy ngày., nước sông tràn ngập. Đâu thuyền ngay trước cửa chùa. Khí-hậu dần dần trở nên mát mẽ. Có người hầu từ Thuận Hóa trở về, thuật chuyện khi yết-kiến, Quốc-Vương tỏ ý thân thiết mừng rỡ, hỏi thăm Lão-Hòa-Thượng ăn ngủ như thế nào ? Được biết Lão-Hòa-Thượng đương đau, Vương bảo rằng : « Nếu thề tùy Lão Hòa-Thượng phương tiện, hãy nghỉ ngơi điều-dưỡng, ngày nào muốn ra Thuận-Hóa, Ta sẽ sức bắt phu ngựa tiếp đón. Nhưng chớ mãi lưu luyến Hội-An, ta trông Hòa-thượng như nhà nông trông được mùa vậy. Nay đường xa cách trở, nhứt thiết cung dưỡng, không làm sao cho chu đáo được, lòng ta áy náy chẳng yên. Xin gửi vào một cây vải Hoa-Lang (Pháp-quốc) và các thứ tơ đoạn, để Lão-Hòa-Thượng may thêm áo mùa đông ; còn các tăng chúng, đều may cho mỗi người một bộ áo vải quỳên » Quốc Vương lại sai một viên Nội-Giám theo vào hầu hạ.

Băng-nhãn Văn-chức Thề-Nam, Vương-huynh Lệ-Tuyên-Hầu và Thiệu-Dương-Hầu, nghe tin ta trở lại, đều mừng rỡ khiến người đem thư vào mời. Ta làm thư hồi đáp.

THƯ GỬI CHO VĂN-CHỨC THỀ-NAM

Lão-Tăng vốn là một người có tính quyết liệt, nhưng giờ đây, ở đi hai ngã, chẳng được tự-do theo ý muốn của mình.

Mùa thu trước mong Quốc-Vương thành khăn cho mời, tự bảo dưới chân đã dứt mối chỉ hồng, chẳng còn bị ràng buộc, bèn nhảy tót ra núi, lên tàu thẳng đên Đại-Việt.

Từ ngày đèn quý-quốc, mộng vương-thần nhiều người quy y, cũng muốn cùng quý-công được bàn hoãn sớm tối.

Nhưng ở nơi chùa cũ có một cái câu móc « đại chúng » nó cứ móc mãi lòng ta, chẳng về chẳng được. Ở đây, Quốc-Vương muốn lấy quả neo neo ta lại, cũng neo chẳng được, ta chỉ muốn về chùa cũ mà thôi. Ngờ đâu Long-thiên ngoài biển, muốn hợp theo ý Quốc-Vương, chẳng dùng móc, chẳng dùng neo, chỉ dùng mấy trận bắc-phong thổi ta trở lại.

Muốn đi đi chẳng được, muốn ở ở chẳng yên, khôn tới khôn lui, bối hối đạo lộ. Gắn đây bị sóng gió dôi dập, phải lui lại dưỡng bệnh ở Hội-An, khác nào con chuột già chui vào sừng trâu, quay mình chẳng được ; co chân duỗi chân, nếu chẳng bị câu móc chùa cũ kéo lui, thì lại bị quả neo quý-quốc tri lại. Mấy ngày nay lại bị thổ-dân kéo đến quây nhiễu. Thêm vào đó, trong ngoài ma quỷ, phá phách lung tung, làm ta phải mất công để phòng ngăn chống. Tìm đâu thầy giải-cứu Bồ-Tát, đầu Phật Dược-Sur trở lại, cũng chẳng chữa lành bệnh ta.

Xảy vừa có người Tàu biểu cho một ít rau cải Nhật-Bản, ăn được vài bát cháo loãng, nghe trong bụng khoan khoái ít nhiều ; nhơn nghĩ làm một vài bài thơ, tiêu sầu khiển hứng ; nhưng nghĩ quanh nghĩ quẩn, nghĩ mãi chẳng được một câu. Ngẫu nhiên ra ngoài, ngồi xôm trên ván cầu nửa ngày mới nghĩ được một bài bát cú ; trở về phòng nằm ngủ, lầy chần trùn đầu, nằm trên gôi nghĩ mẩn mò mãi, được thêm ý tứ một bài nữa ; làm luôn mấy bài, tính viết ra trình Quý-Công ; ngộ hấu trong bữa ăn gia đình, cùng với Cụ-Cồ, làm món quà cho các Ngài vỗ tay cười chơi cho vui.

Nay ta lại tiếp trước thư của Quý-Công, bởi vậy chẳng chờ làm xong thơ, vội vàng viết mấy hàng này gửi ra hậu bối.

Tuy tán tỵ việc thường, chẳng cần bận nghĩ. Ta chỉ nghĩ, sau lúc chia tay, chẳng biết Quý-Công, ngoài giờ thăm viếng Cụ-Cồ, có từ tạ hết tục-vụ để lặng ngồi đọc sách hay chẳng ? Trong lúc tuổi trẻ, một tấc quang-âm là một tấc vàng ; thế mà nhiều người coi vàng ấy như phấn-thổ, phung phí một cách rất đáng tiếc. Như Lão-Tăng đây, lúc tuổi trẻ cũng ham đọc sách, nhưng chỉ vì nhiều bệnh, nên học thư học kiếm, môn nào cũng không thành. Sau theo Hoàng-Diện Lão-Tử (Lão-Tử mặt vàng : Phật), học theo lời chẳng cần văn-tự, trải ba bốn mươi năm nay, gọi là có chút ít trí-thức ;

thường khi mở đàn chủ tiệc, có mấy trăm đại-chúng la liệt trước tòa ; nhưng tự xét kiến-vấn hẹp hòi, vẫn lấy việc chẳng từng đọc sách làm hổ thẹn. Thường nghĩ, nếu lúc nấy cho mình được như lúc mới 21, 22 tuổi, ra công học hỏi thêm mười năm nữa, đến lúc 33, 34 tuổi mới ra đời truyền đạo Phật-Tổ, chẳng là được thêm một phen sáng sủa hơn hay sao. Trong trời đất không ai đã già còn trẻ lại, chẳng qua chỉ mơ ước hảo huyền vậy thôi. Việc đời mười phần đã bỏ đi hết tám chín, ăn năn cũng chẳng kịp nào. Nay mừng Quý-Công sinh trưởng trong gia-đình lễ-nghĩa, trên có Cụ-Cổ là bậc đại-thần đương triều, tả hữu có thầy hay bạn giỏi vừa giúp ; chẳng qua mười năm mài kiếm, đã hay ra biển chém rồng, còn gì sung sướng hơn nữa. Chỉ sợ lãng-phí thì-giờ, nên lấy lời hồi hận của Lão-tăng, làm roi quất bóng ngựa Truy-phong vậy.

Quá yêu Quý-Công, hạ bút nói thẳng, lỗi lầm xúc phạm, xin rộng lòng tha thứ cho.

Bài thơ phúc Lệ-Truyền-Hầu, anh thứ hai của Quốc-Vương.

Gấp gấp muốn về, vội vàng từ biệt ; trong lúc bồi rồi công việc, được anh em Hiền-Vương tiễn đưa một đôi rất xa.

Vào đảo Tiêm-Bích-La, đã lên tàu vượt biển ; chỉ vì gió nam chẳng tiện, buộc lòng phải trở lộn lui.

Lại được Hiền-Hầu khiến người đem thư thăm hỏi, mới biết trong khoảng tháng tám, Hiền-Hầu được gia quan thăng lộc, chẳng xiết vui mừng. Một bậc lang-miêu nguyên-huân, chẳng bỏ roi kẻ già nua ngoài cục, ấy là chỗ hơn người của Hiền-Hầu vậy. Tưởng tượng : trung-thu giai tiết, trong lúc Hiền-Hầu được dâng rượu, chắc có xướng bài « Thụ vinh hoa phú quý trường xuân ». Lão-Tăng nên chống gậy vượt núi ra nói với Hiền-Hầu rằng : « Người học đạo tại gia chẳng bị công danh phú quý¹ mai một, nếu ở trong phú quý biết dùng công-phu, cũng sẽ đi đến kết-quả tốt đẹp. Lời xưa bảo rằng : « Xứ xứ lục dương kham hệ mã, gia gia hữu lộ đáo Trường-an », (Nơi nào cũng có cây dương để buộc ngựa, nhà nào cũng có

đường đi đền Trường-An) là vậy đó». Chúng ta sẽ cùng nhau nói chuyện mười ngày cho thỏa thích, một là để mừng Hiền-Hầu, hai là để mở lòng, ba là vì học đạo, một dịp được làm ba việc tốt, còn gì vui hơn.

Nhưng nay Lão-Tăng còn yêm lưu ở chùa Di-Đà, vì bị sóng gió đối đập mây bủa trên tàu, vừa thổ vừa tả, gân cốt rã rời, chỉ còn mấy đoạn xương cứng chưa gãy mà thôi. Hằng ngày đương chống chọi với ma bệnh, cũng tưởng mượn bệnh để qua loa cho rồi việc, ngờ đâu bệnh chẳng thành bệnh, việc chẳng thành việc, ngờ ngờ ngắt ngắt, nghĩ cũng buồn cười.

Nay được ngài hỏi đến, xin cho thư thả ít ngày, hết bệnh sẽ ra hầu. Trong bụng còn bao nhiêu chuyện muốn nói, thư chẳng hết lời, xin chờ ngày gặp mặt.

Thư gửi Thiếu-Dương-Hầu, vương-huynh thứ ba.

Đại-Si Đạo-thê không được yên. Lão-Tăng cũng đương đau, không thể bay đến hầu thăm, trong lòng rất lầy làm ân hận. Người ngoài cuộc chẳng có gì hệ lụy, chỉ thiên giai tri kỷ, đạo nghĩa ưa nhau, chưa được hầu thăm trước giường, làm sao khỏi ngùi ngùi tắc dạ.

Vừa tiếp lai-thư, mừng rỡ khôn xiết. Vâng lời dạy rằng : « Tinh đời âm lạnh, biến đổi chẳng thường ». Xưa nay đều than như vậy, nhưng biết đâu cả thể-giới chỉ có một chữ lạnh, làm gì có chữ âm, điều đó Hiền-Hầu đã biết rõ, khá phát một trận cười dài.

Trong ngày Thọ-Đãn, Lão-Tăng lú lẫn, không ra chúc mừng, thật có lỗi rất lớn.

Gần đây, khách-song vừa ốm dậy, chăm mực vẽ được một bức « Thương tùng điệp chương » (cây tùng xanh trong rừng núi), để từ một câu : « Chỉ tại thứ sơn trung, vân thâm bất tri xứ » (chỉ ở trong núi ấy, mây kín biết nơi nào), xin gửi dâng để hình dung dáng điệu cổ kính của Hiền-Hầu ; tuy chẳng tả hết cao-hoài, cũng chút tỏ bản sắc của Lão-Tăng vậy. Chẳng biết có xứng đáng với tinh cao đức tốt hay chẳng. Lão thảo đôi lời, ý riêng khôn tỏ.

Ngày nọ ốm dậy, đương ngồi ở nhà cỏ, có khách ghé qua hỏi rằng : « Mùa xuân sinh, mùa hạ lớn, mùa thu thu liễm, mùa đông tàn tạ, ấy là khí hậu chánh của bốn mùa. Chỉ có nước Đại-Việt trái hẳn, thu đông mưa gió, muôn vật tốt tươi, đến xuân hạ lại khô héo hết, tại có sao vậy » ? Ta trả lời rằng : « trời đất rất lớn, khó lầy danh-từ để chỉ rõ, đại-ước chỉ một khí xoay vần chẳng nghỉ, chẳng có thu đông riêng biệt, cũng chẳng có khí-hậu chánh với bất chánh khác nhau ; chẳng qua tự người ta gượng lập danh-từ, theo thói quen để gọi vậy thôi. Do một khí chia ra làm âm dương, định theo phương-vị thì đông nam thuộc dương, tây bắc thuộc âm ; tây-bắc là núi, đông-nam là biển ; núi thuộc dương sinh ra âm-phương, biển thuộc âm sinh ra dương-vị, ấy là âm-dương sinh ra phương-vị, đắp đổi làm « thể, dụng » lẫn nhau vậy. Chúng ta thấy rằng sô lẽ (cơ) là gốc của sô chẵn (ngẫu), sô chẵn do sô lẽ sinh ra ; độc dương chẳng sanh, cô âm chẳng trưởng, đông nam dương-vị, nhiều nước, làm dương-chất mà âm-dụng. Do đó mà phân tách, thì nước cũng là âm dụng mà dương chất. Nước mặn ban đêm phát ra ngời sáng, ấy là một chứng-nghiệm. Nước Việt ở về cực-nam, chung quanh bao bọc bởi biển, thuận-âm làm dụng mà hàm có chất dương ; đến thu đông là mùa cùng âm, đất mỏng nước nhiều chất dương bị xao động không giàu chặt được phải phát tiết ra, rồi xông bốc lên thượng tầng, khí âm sa xuống làm mưa móc tưới nhuận muôn vật ; dương-phương đất ẩm, muôn vật nhờ vậy mà phát sanh. Còn ở tây bắc-phương đất dày, trong mùa thu đông, dương-khí giàu nếp, khí âm ngưng ở thượng tầng, không giao thông được với khí-dương, sa xuống làm sương tuyết, làm cho muôn vật bị tàn tạ. Ấy là điều dễ biết, có thể nói được. Đến như Tạo-vật mật mờ, không đầu không cuối, có điều chỉ lầy thần trí mà lý-hội, không thể lầy lời nói mà giải rõ được. Điều đó, kẻ cư-sĩ này chẳng sao biết được ». Khách nghe nói vâng lời lui ra.

Nhơn khí-hậu bất đồng như thể, nên người bản chất bắc-phương đến đây hay sinh bệnh, thêm vào điều dưỡng không đúng phương-pháp, bệnh dễ sinh nặng. Trước đây mấy ngày, được tin người hầu tên Cỗ-Nhai người Giang-bắc, vừa qua đời ở Thuận-hóa. Nay chủ-nhơn Điểm-Ba-Đường, người Sơn-Tả, cũng vừa viên-tịch ở Hội-an. Vẫn biết sống thác do mệnh trời, nhưng người ta cũng có quyền di-chuyển. Sự đau yếu chết chóc, phần nhiều cũng do bắc nam bất phục thủy thổ mà ra.

Ngày tổng chung Diêm-Ba-Đường chủ-nhơn, Phiên-trần phái mây
trăm quân-nhơn phục dịch, đao thương cò phurôn bày la liệt thẳng đường,
tất cả dân-chúng Hội-An đều đến đưa đám. Ta châm lửa làm lễ đắp mả.

Đại phàm những kẻ tu hành chưa sáng tỏ « bát thức » (12), trong khi ngoại bệnh, đau đớn rên la, tỏ ra trạng thái không chịu nổi. Ta viết mấy lời sau đây, để an ủi Điểm-Ba-Đường trong lúc đương đau :

« Khoan nói, trên đời muôn việc đều giả, cho đến tâm thân của chúng ta cũng chỉ giả hợp mà sinh ra. Có sinh thì có lão, hừng-hổ trải qua gió mưa sáng tối, rét nóng đổi thay ; mừng giận không thường, ăn uống lỗi độ ; trăm lo dồn dập, tứ đại (13) khó hòa ; hơi xúc phát một chút là trăm bệnh đều sinh, theo sau lại có một cái chết đi đến, làm sao khỏi chân tay rụng rời cho được. Lão-Đàm nói rằng : « Ta có cái lo lớn, vì ta có cái thân ». Cổ-thánh tiên-hiễn, sở dĩ coi cái thân làm cái lo lớn, vì biết rằng người ta bị ngũ dục (14) kéo lôi, thất tình ràng buộc ; đã sa vào khổ-hải, nghìn đời muôn kiếp không thể thoát ly. « lở một bước trăm năm ôm hận, quay đầu về chín suối làm ma », đau đớn biết chừng nào. Chỉ có một đường giải thoát, ấy là đường minh đạo. Đức Không-tử nói rằng: « Buổi mai nghe đạo, chiều chết cũng được vậy ». Nếu chẳng minh đạo, thì dầu ở thiên-cung vui vẻ, rốt cuộc cũng chỉ bị thiêu đốt bởi muôn nghìn khổ não mà thôi. Bởi thế đức Đại-giác chẳng màng Kim-Luân vương-vị, vui sướng giàu sang, đương đêm vượt thành, vào học đạo ở núi tuyết. Nay ví khiến đem địa-vị Đại-Giác cho ta, được trở lại xuất thế độ sanh, chịu nhân thiên tứ chúng cung dưỡng ; thì phước điển tam giới, ta chỉ xem như nơi dơ uế, nhắm mắt bịt mũi, chạy tránh đi không kịp, há lại chịu dần thân vào đó làm gì. Vì có thân là có khổ, chỉ có một cái thân đã chịu khổ không rồi, lại còn đa mang thêm khổ lụy khác làm gì nữa. Chẳng những lúc già nua lâm cảm là khổ, lúc thơ ấu không biết chi cũng đã khổ lắm rồi ; chẳng những bị bệnh hoạn đau đớn là khổ, dầu vô bệnh mà đa dục cũng đã khổ rồi ; chẳng những

12) Tức Nhan-thức, nhĩ-thức, tỷ-thức, thiệt-thức, thân-thức, ý-thức, mật-na-thức (thức này lấy tư-lượng làm tự tính) và A-Lại-Na-Thức (tức tàng-thức, thức này nhiếp tàng hạt giống. Người ta luân hồi tam giới lục đạo, thức này làm chủ nghiệp-báo ; lúc gần chết, thức này tức lìa ra khỏi xác).

13) Xem phụ-chú số 25, quyển III.

14) Phật-gia gọi sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục, làm ngũ dục.
Còn Đạo-gia gọi dục thứ năm (xúc dục) làm tâm-dục ái-tăng (yêu ghét).

đền lúc chết mới có cái khổ biệt ly đau đớn, lúc chưa chết bị điên đảo thác loạn cũng đã khổ rồi. Chẳng những nghèo hèn nhỏ mọn, không nơi nương nhờ là khổ, cho đến giàu sang kiêu ngạo, khinh bạc phóng túng để cầu vui, cũng đều khổ cả. Than ôi, người đời si mê, nếu biết vui là mầm khổ, tức khắc biết cảnh giới cực khổ là con đường để cho ta phát tâm cầu đạo vậy. Những người không lo giải thoát, cam tâm trong cái thú khổ ấy, khác nào con bọ-hung, nằm trong đồng phân, tự cho là suốt đời hưởng thụ không cùng ; trong đồng phân ấy vui thú biết bao, mặc ai đá ngựa xô nghiêng, bọ-hung vẫn khư khư ôm phân. Nghiệt chương tham luyến, chẳng ai cứu khổ điềm mê, những loài ấy bắt tất nói đến làm gì. Còn như chúng ta đây, cắt đứt tình yêu, lìa bỏ thân-thích, xa trần lánh tục, học đạo tham thiền thì phải cần nghiên-cứu lẽ sinh tử cho rõ ràng mới được. Chẳng thế thì mang y cầm bát cũng chỉ vô ích mà thôi. Có kẻ bảo, nổi gót theo thầy, chuyên cầu học đạo; chẳng ngờ càng cầu càng xa, đạo chẳng thấu rõ; năm lại tháng qua, rồi dần dần già đến, bệnh đến, khổ não xúm đến, cho đến lúc đường cùng chiếu xè, khôn tới khôn lui, chẳng biết kẻ làm thầy người sẽ liệu cách nào để đem đường chỉ lối ? Thương ôi, đạo chẳng xa người, chỉ người tự xa đạo mà thôi. Ta với người sớm cùng Phật dạy, tôi ôm Phật nằm ; ấm lạnh đói no, chẳng từng lìa Phật nửa bước, nằm ngồi đi lại, thầy đều có Phật ở chung. Chẳng qua vì gần hóa quên, giáp mặt như xa nghìn dặm. Khác nào người thường thể-gian hằng ngày đeo đuổi đường danh nẻo lợi, xây lưng sắp mặt, chẳng lo tìm hướng sáng trở về ; cho đến khi thân ốm tuổi già, mới chợt thấy mọi việc chẳng vui, đường nào cũng khổ ; muốn cầu giải thoát, bó tay chẳng biết làm sao. Nếu kẻ học đạo chân chánh, thì chẳng lấy vui làm vui, lấy khổ làm khổ ; « già » là ông thầy dẫn đường chỉ nẻo cho chúng ta, « đau » là thuốc hay, « chết » là rượu ngọt. Nếu chẳng già thì ai chịu nguôi lòng, chẳng đau thì ai chịu lui bước, mà chẳng chết thì ai chịu tu hành. Như Lão-Tăng mấy năm gần đây, ôm chứng đau bụng, không ngày nào không tương đối với cảnh bệnh cảnh già. Đã không tránh khỏi, thì trong cảnh già bệnh, mặc cho năm tháng tiêu mòn, ta cứ an tâm để chờ chết vậy. Nay tuy chưa chết, nhưng thiên-hạ chẳng có người không chết bao giờ. Ví khiến có người không chết, cũng chẳng qua « xa trông núi có sắc, gần lắng nước không tăm », vậy thôi. Huống chi gần đây ta đi trên tàu biển, bị sóng đối gió đập, phát hàn phát nhiệt, vừa thổ vừa tả ; đến lúc đau quá không thể làm sao được, ta bèn lạnh lùng nhìn đời,

kiểm điểm lại cuộc đời của ta từ đầu: Quang cảnh 30 năm trước, lúc mới ra đời, không còn một tý sinh-khí, chỉ là một vị Hòa-thượng chết, té ra chết rồi khó được sống lại. Kể đó 10 năm, hơi có ý sống, làm nên vị Hòa-thượng sống, chẳng ngờ sống rồi lại khó được chết. Lại 10 năm gần đây, nghe có chút tẩm hơi động đậy, lại trở nên một vị Hòa-Thượng chẳng sống chẳng chết, ôm cái đẫy da, chạy đông chạy tây, quần bao đất lở trời long, qua một ngày hay một ngày, gặp việc nào làm việc ấy. Nếu ngày nay được chết cứ chết, chẳng chết lại chờ đến ngày mai, nếu năm nay chẳng chết chờ đến năm sau, năm sau cũng chẳng chết thì tháng tháng năm năm lại cứ trôi qua như vậy. Tuy vậy, chẳng thấy chết đến, vẫn thấy cái già đến làm bầu bạn, cái bệnh đến đòi thuốc thang; một đôi lúc được chút tự tại tiêu dao, lại chẳng tránh khỏi thái cực sinh bi. Lại còn một bọn ngu dốt làm quái làm ma, bói lông tìm vết, bày đặt bao nhiêu chuyện thị thị phi phi; những chuyện thị phi ấy chẳng phải có rõ ràng, chỉ từ trong bóng tối, quây cho sóng động mồi xao; vì lòng ghen ghét, bày chuyện đặt điều, làm cho người ta không chịu nổi đề khoái ý riêng của mình. Nhưng ta vẫn chẳng núng chẳng nao, rồi mọi việc đều vô ảnh vô tông, trôi xuôi theo dòng nước chảy. Ta lại nhờ mọi thử thách ấy làm cho ý-chí càng tinh, hành nguyện càng vững; càng mài càng chẳng mòn, càng nhuộm càng chẳng đen, ấy cho biết bọn quỷ-sứ làm bậy ấy, chẳng phải ganh ghét tranh đua; chúng nó là thấy nghiêm bạn tốt của chúng ta vậy.

Mỗi lúc chờ cái chết đến, chết vẫn chẳng đến; thừa dịp cái thân của ta chưa chết, ta hãy cho cái tâm chết trước; khiến cái chẳng chết ấy chết trước, tự khắc biết chết mà chẳng chết vậy. Điểm-Ba-Đường-Chủ nếu chẳng cho lời ta là sai, hãy nên lấy tam muội (15) của ta đã dùng, mở mắt nhìn cho kỹ, nếu ở trong Điểm-Ba-Đường làm được chủ, thì ở đâu lại chẳng khá làm chủ; chẳng những lão bệnh đến, cho cái chết đến ngay trước mặt, cũng vất hết đều coi như không; bao nhiêu sanh lão bệnh tử gọi là khổ ấy, cũng đều trở nên đại-giải-thoát-trường cho ta vậy. Thâu hiểu đến chỗ đó, thì mọi cảnh tiêu dao, toàn thân khoái lạc; chẳng những không khổ, lại còn được vui; Điểm-Ba-Đường Chủ-nhơn sẽ vỗ tay cười hả hả vậy.

15) Tam-muội cũng gọi là tam-ma-địa, nghĩa là chính-định, tịch-mịch, không tà loạn.

Qua ít ngày có ai-tín Chương-Thanh Tả-Xu-Mật đưa đến... Chương Thanh là một vị đại-thần rường cột nước Đại-Việt, giữ chức Cơ-mật, luôn bên triều vua, lão-thành luyện đạt, trung-hậu, trầm nghị, có dũng-lực hơn người. Trong lúc Chiêm-Thành gây hấn, ông phụng mạng cầm quân đánh dẹp, thắng luôn mấy trận, chém tướng bắt vua Chiêm-Thành, mở thêm đất đai cho nước nhà hơn vài nghìn dặm ; làm cho quân xà-quỳ Hắc-man (mọi đen quỳ rắn), nghe danh ông đều vỡ mật. Quân ông đi đến đâu, một mảy của dân, cũng không đụng chạm, nên rất được lòng dân. Sau khi đã ca khúc khải-hoàn, bọn chúng đến nay vẫn còn mền đức. Ông có 5 con trai đều làm quan tại triều. Quốc-Vương sắp bổ nhiệm ông làm Trần-Thổ Đại-tướng-quân để coi việc biên phòng. Năm nay ông 63 tuổi, bỗng một hôm không đau mà chết. Quốc-Vương thương xót sa nước mắt, bỏ cơm không ăn. Gần xa mọi người nghe tin thấy đều đau xót. Từ ngày ta mới đến, cùng nhau qua lại rất thân. Sau ông quy y làm Bồ-Tát-Giới đệ-tử. Tin buồn đưa đến, ta rất lay lăm thương tiếc vô cùng, bèn khiến Tự-phó sắm lễ nghi đem qua phúng điệu. Ta làm một bài thơ và một bài tựa đề ai-vãn, và viết thư an ủi 5 công-tử.

BÀI TỰA

Trộm nghĩ,

Trượng-phu lập công-danh với nước nhà, dầu đến khi nhắm mắt về thân, sinh-khí vẫn còn mãi mãi.

Anh-hùng ra chinh chiến ngoài biên-ải, chờ đến lúc gia-phong tặng thụy, công-luận mới thấy rành rành.

Sông đội ơn vua, tiếng tăm lừng lẫy.

Thác còn kỷ-niệm, hương khói phụng thờ.

Thú điển-viên chưa rú áo lui về.,

Ngày chung-cực đã nấp hòm sớm đây.

Công-nghiệp thật đáng ca đáng vịnh,

Nhơn-tài gồm hay võ hay văn.

Nay kính,

Đại-tướng-quân Chương-Thanh Nguyễn-Công,

Tôi giúp bên triều,

Công cao một nước.

Sinh trưởng chôn phân mao Cú-Lũ, công-danh nổi gót Phục-Ba (16).
 Hiền-ngang ra đầu bút nhung-hiền, chí-khí noi gương Định-Viễn (17).
 Dưới mắt không tám nghìn đệ-tử,
 Trong bụng có trăm vạn giáp binh.
 Hăm hồ huơ roi, chẳng đợi nghe gà vùng múa tít (18).
 Nghênh ngang vào tiệc, rắp toan mò rận nói ba-hoa (19).
 Dốc một lòng tỏ-quốc đến ơn,
 Gặp phải lúc biên-cương nhiều việc.
 Dựng cờ mở phủ,
 Cầm búa lên đàn.
 Bắt vua Chiêm-Thành, Ô-Man không dám làm phản.
 Chém tướng Chơn-Lạp, Nam-Thùy từ ấy khỏi lo.
 Đẹp giặc một giây,
 Đẩy mình can đảm.
 Trái nguy hiểm chẳng nài công khó nhọc,
 Ra chiến-trường cũng vẫn thú phong-lưu.
 Rửa giáp đầu gành, chung hưởng ân-cao cùng tướng sĩ,
 Phất cờ ngoài ải, mừng xem lộ-bỏ khắp trong ngoài.
 Cầm thơ chẳng thiếu mặt hiền hào, tướng quân vốn có khách bạn.
 Trụ thạch hần nên trang phụ bật, chúa thánh há không tôi hiền.
 Theo Xích-tùng toan nổi gót tiên-gia (20).
 Tựa đại-thụ há giấu mình đại-tướng. (21)
 Trên đảo thần tiên đang họp
 Nhơn gian vui thú còn nhiều.
 Bổng tướng tinh sa xuống tây-phương.
 Khiến hạc-ảnh trở về hoa-biểu (22).

-
- 16) Mã-Viên đời Đông-Hán được phong làm Phục-Ba tướng quân.
 17) Ban-Siêu đời Đông-Hán Minh-đề, được phong làm Định-Viễn-Hầu.
 18) Tô-Địch đời nhà Tần lập chí muốn khôi phục Trung-nguyên, mỗi lúc nghe gà gáy dậy tập múa gươm.
 19) Vương-Mạnh ra mắt vua Tần, tay mò rận mà bàn việc thiên hạ, vua Tần dùng Mạnh làm thừa tướng.
 20) Trương-Lương từ quan theo Xích-Tùng-Tử, tịch cốc tu tiên.
 21) Phùng-Dị đời Hán-Quang-Vũ, tính chẳng hay khoe khoang, mỗi lúc đánh giặc hơn, các tướng luận công, ông chỉ đứng nép dưới gốc cây, người ta gọi ông làm Đại-thụ tướng quân.
 22) Xem phụ-chú số 6.

Bia trụ-lệ Ngãi-sơn còn đó, nào người đai rộng áo dài (23).

Tượng truyền-thần Thảo-Xá còn đây, nhớ kẻ quạt lông khăn xéo (24).

Người dầu mắt tiếng tăm còn để,

Công đã cao tài-nghệ ai bì.

Cháu con hưởng lộc muôn đời, may được đài-mây nôi gót.

Sắc mạng ban ơn chín bệ, càng thêm suối-bạc vẽ vang.

Lão-tăng,

Chút phận bèo mây, muốn đọc thơ liệt-sĩ về già, mà hùng-tâm chẳng dứt.

Chưa vào bờ cõi, chợt nghe tiếng man-di vỡ mặt, mà hào hứng muốn bay.

Ngọc sáng tuy chưa được xem,

Thơ sơ đã có hơi biết.

Khúc Ba-Lý (25) lời quê chấp nôi, bày tỏ tác lòng.

Ca khái-hoàn vẫn cũ tiếp theo, tuyên dương dưới trướng.

Dám bảo dùi-Mao sắc bén.

Trộm nhờ giáp tượng vẽ vang.

Lời một nhà chưa tỏ hết bình sinh,

Truyện trăm tướng xin viết thêm vài đoạn.

Dở câu dở chữ, chẳng nên ngọc tốt vàng tinh.

Càng thầy càng kỳ, tự có rồng thêu cộp chạm.

Ấu ca khí tiết,

Mô tả anh-hùng.

Chia lũy văn-đàn, ai dám xưng làm kinh định.

Dâng công linh-các, ta nên theo thứ an dinh,

Chớ hiểm trên giấy luận binh,

Chút tỏ bên sông múa giáo, mà thôi vậy.

BÀI THƠ AI-VĂN

Nay vừa thành hội, hiển-triết giảng sanh. Thân-Phủ giảng thấu (26).
Phó Duyệt sanh thánh (27). Tinh quang chiếu ảnh, nhật nguyệt trùng luân.

23) Xem phụ-chú số 1.

24) Di-tượng của Không-Minh, luân cân vũ phiên.

25) Ba-Nhon Hạ-Lý là bài ca khúc rất dở, ấy là lời nói khiêm, tự cho văn mình không được hay.

26) Kinh-Thi có câu « Duy Nhạc giảng thần, sinh Phủ cập Thân ». Doãn Cát-Phủ và Thân-Bá là hiển tướng của nhà Châu.

27) Phó-Duyệt, hiển thần giúp vua Thành-Thang.

(28). Kia nước hải-tân, đức vua chói sáng. Dùng người xứng đáng, hội hợp quần anh. Mạnh mẽ can thành. Đường hoàng hầu bá. Dùng người hiền giả, giúp con cháu sau. Nước cũ cây cao, ngọn ngành tươi tốt. Bồn triều rường cột, có Ông Chương-Thanh. Vượt sóng chém kinh. Miếu đường thù-hiến. Trâu Ngô chẳng suyễn, lúa mạch hai bông. Ba mùa được thông, chó đêm chẳng sủa. Ra tay giúp chúa, một cột chống trời. Văn-đức trị đời, binh cách chẳng chuông. Mán mường ngu suân, dám phạm bên-thủy. Nổi giận tức thì, đem quân tiền đánh. Dựng cờ phát lệnh, nhạc ngựa rinh rang. Thắng toan sẵn sàng, quân thù mất vía. Đánh tan thành lũy, đột trận tung hoành. Nghĩa kỳ phát lên, muôn dân đón rước. Theo về như nước, yên ở làm ăn. Diệt kẻ gian manh, cứu dân trăm họ. Thắng trận cờ đỏ, báo về Vương-Kinh. Danh toại công thành, quốc-vương ban thưởng... Đời đời cửa tướng, phú quý công danh. Thương bậc lão-thành, sao trời nở phụ. Cột nghiêng kéo đỏ, vua tiếc quan thương. Dân khóc đầy đường, quân sầu khắp trại. Minh sanh thờ lạy ; bia đá ghi công. Ân huệ ghi lòng, cảm thương xiết nổi. Mờ mờ chín suối, Quân-hầu ngậm cười. Tứ-phòng xa chơi ; Lý-Bí quy ân. Khuông phò quốc vận, soi gương Hàn Bành. Đường triều trăm anh, ông sao như vậy ? Đồng-phương ân-sĩ, Lão-Tứ Châu-Khanh, thoát xác lìa hình, công danh chẳng mộ. Hành tàng kim cổ, chẳng khuyết chẳng đầy. Trường-canh sáng ngời, linh-quang một điểm. Vịnh-ca truy niệm, thần nghe hòa-bình.

BỨC THƯ AN ỦI XU-MẬT CHƯƠNG-THANH CÔNG-TỬ :

Trở gió tại đảo Cú-Lũ, chưa được hoàn sơn ; trong lúc đương đau nằm tại chùa Di-Đà, bỗng được tin Chương-Thanh Xu-Mật-Công đã tạ thế. Xu-Mật-Công là một đệ tử quy y rất xứng ý của lão-tăng... Vừa được tin, Lão-tăng liền chấp tay niệm Phật, nhưng trong lòng chẳng mấy may thương tiếc xót xa. Vì có sao vậy ? Trong nước Đại-Việt quân dân, đàn ông đàn bà ai chẳng biết Chương-Thanh Thái-Ông, là một người chánh trực lập thân, trung-lương giúp nước, phò nguy cứu nạn, vui đạo ưa lành ; nay đương hóa thân tòa sen, thượng-sanh thượng-phẩm, ta rất mừng cho người chẳng xiết, có gì phải bị thương.

Nhưng trong phút chốc bỏ vợ lìa con, bỏ năm vị Hiền-Công và tôi tớ trong cả phủ, sao cho khỏi kêu la than khóc, theo bóng trông trời, suy nghĩ không biết vì đâu. Rồi oán trách báo ứng đạo trời, sao quá lắm lỗi. Hoặc giả lời dạy của Phật thánh, đều chẳng đủ tin ? Thường nghe Phật bảo rằng : « Thiện ác báo ứng, như bóng theo hình ». Thánh bảo rằng : « Làm lành được phước, làm dữ chịu họa ». Lẽ thường như thế, sao việc xảy đến lại chẳng thế, thật khó hiểu quá. Còn có thể tin theo lẽ chánh, khiến người chẳng thay lòng được chăng ? Nói thế, vì chẳng biết Kiếp-hỏa minh mông, đại thiên thế-giới đều hủy hoại, chỉ có linh-quang, của thánh hiền Phật-tổ. đến nay còn chiếu sáng bền-mê. Như Thái-Ông là một tay lương-dũng của quốc-gia, một vị can thành của đạo Phật ; dựng công trông đức, nối trước mở sau, linh quang của người vẫn còn mãi chẳng bao giờ lu ám vậy. Người sống bảy mươi, từ xưa vẫn hiếm. Thái Ông năm nay 63 tuổi, đã đến lúc Tây-phương châu Phật ; công nghiệp ở thiên-hạ, tiếng tăm phước thiện ở thiên-hạ, sau này các hiền công-tử vin rổng cõi cộp, danh tiếng lẫy lừng ở thiên-hạ, người người đều xưng tụng mến yêu ; thế là Thái-Ông chết mà chẳng chết, đạo trời báo thưởng người lành, phân minh biệt chừng nào. Lời Phật thánh dạy đời, lúc nào cũng đáng tin đáng cậy. Bởi thế Lão-tăng vui mừng chẳng xiết, chẳng lấy làm thương tiếc chút nào. Đại phạm người đời thương tiếc, vì tự xét có chỗ thiếu sót đáng tiếc đáng thương mà ra. Cầu chúc các Hiền-Công trọn đời chẳng quên đạo của cha mình, chẳng những trọn đại hiếu với Thái-Ông, lại còn làm đại thiện đời với thiên-hạ, đời đời như thế, đời đời sẽ trở nên bất tử vậy.

Nói đến đây, bệnh của Lão-tăng cũng biến đi đâu mất. Mừng Thái-Ông được chết trong lúc đáng sống. Còn lão-tăng lại được sống trong lúc đáng chết. Cứ theo quan điểm ấy, thì dù xa cách Thái-Ông mười vạn tám nghìn dặm, cũng chẳng hề một tơ hào xen cách nhau vậy.

Thái-Ông nay ở nơi nào ? Nếu chẳng thầy đầu non Quần-Ngọc, sẽ gặp nhau dưới bóng nguyệt Dao-Đài. Nay xin khiến Phó-Chùa đem nén hương bát nước, bày ca-văn, điện tề trước Linh-sàng Thái-Ông.

Và kính khuyên

Các Hiền-Công nên bớt bi ai, cùng nhau an-ủi.

Chút tình đầu đầu, nói chẳng hết lời.

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

QUYỂN V

CÓ người khách Phúc-kien đem biếu một giỏ đường, từng bánh tròn hình mặt nguyệt, gọi là đường hoa-nhạ (nhựa hoa), sắc trong trắng, ăn vào miệng ngọt thanh hơn đường mía. Hỏi thăm, người ấy bảo rằng ở Chiêm-Thành và Giãn-Phồ-Trại (Nam-vang), và suốt giải Đông-dương có một thứ cây gọi là cây Thốt-nốt, nhỏ hơn loài cây, lớn hơn loài cỏ, có từng đốt thưa, thân giống cây cau, lá tựa lá qùy, hơi lớn hơn, khá dùng làm chiếu. Vào khoảng tháng ba, tháng tư, từ trong gốc lá, nở hoa trắng từng buồng mười bông như bông lúa, lòng-thông như buồng cau. Chích trên buồng có một thứ sữa trắng chảy ra ; buộc ống tre vào, hứng một đêm sẽ đầy, đem về ngào ra thành đường. Chỉ trong mùa hoa mới có nhựa, hết mùa thì khô ráo, cũng như đàn bà chỉ có sữa trong lúc đương nuôi con mà thôi. Trong các xứ ấy, cây thốt-nốt mọc đầy đồng khắp núi, chẳng có ai trồng. Cho biết trong trời đất thầy nghe chẳng khắp, vật gì cũng có ; ví-dụ có nơi nắng âm suốt năm, chim-sẽ ép dầu, cây sinh ra rượu cũng là việc thường vậy. Người bản-xứ thầy quen cho làm thường, du-khách lại không lưu tâm ghi chép việc kỳ lạ, vì thế sự vật bị mai một chẳng được-truyền xa.

Quốc-vương lại thường nói, trong núi nước Cao-miên có một giống người đuôi dài 3,4 thước, bộ cười tiếng nói giống hết như người; nêu

chọc giận sẽ cắn người ăn thịt, nên chẳng ai dám gần, ấy cũng là một giống dữ vậy.

Mình đau chưa khỏi, đêm bắt đầu dài, mưa gió suốt tuần, quê người chiếc bóng; chạnh nhớ sinh bình thi-hữu, kẻ nam người bắc, xướng họa cùng ai. Làm thành thư-hoài-thơ 6 bài, gởi các tri-ký.

Bài thứ 1

Đau dậy ngồi nghe sóng vỗ gành.
Thu sang, đẩy dấy thủy-triều sanh.
Ai về Bạch-Xã tìm Chi-Độn, (1)
Ta ngắm thanh-vân nhớ Từ-Kinh (2).
Dầu vết tìm đâu quê quán cũ.
Mây râu đổi khác bạn bè kinh.
Bầy lâu phòng sách không mơ mộng,
Mưa gió đêm nay lại nặng tình.

Bài thứ 2

Đất khách chưa về nhớ cổ-lâu.
Mơ màng còn tưởng Việt-vương-Châu,
Tiếng tre rừng vắng rì-rào gió,
Sắc núi cây già ám-đạm thu.
Người muốn ngâm thơ vào tiểu-viện,
Ta nay ôm nguyệt xuống cô-chu.
Phù-dung hoa nở Trầm-hương-phổ,
Buồn bã năm năm kết bạn bầu.

Bài thứ 3

Thềm vắng đêm trường bóng quạnh hiu,
Xa vơi bạn cũ thấy nào đâu,

1) Bạch-xã tức là Thơ-xã. Chi-Độn là cao-tăng đời nhà Tấn, rất thông thái-thái, thường cùng bạn Tạ-An, Vương-Hy-Chi kết bạn.

2) Từ-Kinh là ai (?)

Độc thư chạnh nhớ Lâm-Cao-Sĩ (4).
 Vĩnh phú càng thương Sở-Đại-phu (5).
 Gió giục động tiên chim vút dậy,
 Thu sinh giềng cổ rề kêu sầu.
 Nước Nam người đẹp thường ly biệt,
 Ai kẻ ôm cầm đạo Ngũ-Hồ.

Bài thứ 4

Xuân vừa qua đó đã sang thu,
 Veo-vút tây phong thổi biển sầu.
 Non muốn dứt tình mây ở lại,
 Cát còn tro mắt nước về đâu.
 Người đau khó chịu hoa vào mắt,
 Nhớ bạn đương khi nguyệt đứng đầu.
 Phói-phói mù sa ai nện vãi ?
 Một con chim đậu giữa rừng sầu.

Bài thứ 5

Xa vơi ngoài cõi vắng âm-hao,
 Núi cũ lâu nay cách bạn bầu,
 Muôn dặm Đông-lâm mây mượn-tượng.
 Ba canh Nam-Việt nguyệt đeo sầu.
 Gặp nhau chẳng muốn bàn văn-tự,
 Làm khách bao giờ hết ân-ưu.
 Tiếng hát vì đâu nghe khăng-khái ?
 Nửa vì hiu quạnh, nửa vì đau.

Bài thứ 6

Lá lượt lưa thưa dọi bóng hà,
 Bạc đầu thu-tứ vẫn thiên-nha.
 Đường dài ai kẻ chung làm khách,
 Rượu chuốc nơi đâu chẳng nhớ nhà.

- 4) Ân-sĩ đời nhà Tống, học giỏi thơ hay, ưa trồng mai nuôi hạc, nhân gọi là « mai thê hạc tử ».
 5) Khuất-Nguyên, tôn-thất nước Sở, làm những bài phú ly-tao rất hay.

*Mây nổi đảo xa màu cỏ loạn,
 Còi reo xứ lạ bóng dương tà.
 Sang xuân đi-gió tua tin sớm,
 Chớ khiến buồn về buổi rụng hoa.*

Một hôm khi trời trong sáng, chứng đau bụng hơi êm, một mình thơ-thần chống gậy dạo chơi dưới hành lang; bỗng gặp một việc rất xúc cảm trong lòng, bèn đặt một câu đối và viết ra để răn chúng. Cuối tuần tháng chín, đau vừa dậy, buồn bã, đương đêm tản bộ một mình, tứ bề lặng lẽ. Đi qua một trại nọ, cửa tre nửa khép, thấy hai người ngồi đối diện dưới đèn, đều cúi đầu chăm chỉ may áo, ngó bộ vôi vàng như sợ may không kịp vậy. Nhìn quanh các trại khác, thấy trại nào cũng đều đã ngủ say. Nhon liên-miên suy nghĩ, mấy người thợ may kia, làm việc để kiếm cơm áo hàng ngày cho vợ con cha mẹ; chỉ vì sinh kế của người khác, thế mà họ còn biết siêng năng chịu khó như vậy. Trái lại các người tu hành học đạo, toàn-thị làm công-phu cho việc lớn sông thác của mình, sao họ chẳng biết lo, dám yên tâm nằm ngủ ngon lành như vậy ! Ta nphon cảm tưởng, buột miệng đặt một câu đối rằng: (Người thợ may, mắt chẳng lia chỉ, tay chẳng ngừng kim, thâu đêm suốt sáng làm công-phu ; hữu dụng suốt ngày, thực nên thẹn chột kẻ tu-đạo. Kẻ tu-đạo, thân ở một nơi, tâm ở một ngã, hết mưa sang nắng qua ngày tháng; không nên một việc, há không cười ngất người thợ may).

Than ôi, kẻ tu hành học đạo chẳng thành, đều bởi dụng tâm hỗn tạp chẳng chuyên theo đạo vậy. Nếu chuyên tâm học đạo một ngày học chẳng hết, học thêm một ngày; một năm học chẳng rồi, học thêm năm nữa, sao cho rõ đạo thành công mới thôi; như thế, chẳng chờ thấy bạn khuyên bảo, đạo học cũng ngày càng tinh tiến vậy. Khổ nỗi, kẻ kia vốn chẳng phải thực tâm cầu học, chẳng qua mượn bốn chữ « xuất gia học đạo », làm đường tắt để tìm lười tránh mệt cầu được ăm áo no cơm; chẳng còn biết tham thiền học đạo là việc gì, sinh tử là gì, giòng gì, chẳng quản gì đạo sáng với chẳng sáng, chỉ làm sao cho rồi việc thì thôi; đối lại ăn cơm, mệt lo đi ngủ, không lo không nghĩ, ở trong phùng vô-sự lẫn sòng; cốt nói được vài câu « cao khoáng thanh nhàn, bà má tu hành, bất thông sự lý » làm sao cho bọn thí-chủ tin nghe, cúng-dưỡng được nhiều cho thế là đắc sách, có bao giờ nghĩ đến việc sinh tử là việc gấp đâu. Nhưng bọn ấy chẳng những chẳng

biết cầu đạo, cả đến lợi-lộc cũng chẳng biết cầu; nếu muốn cầu lợi lộc càng nên rõ đạo; đạo tức là gốc của lợi, hễ gốc lớn tức được lợi lớn, chỉ sợ đạo chẳng rõ, chẳng lo lợi chẳng được vậy. « Lo đạo chẳng lo nghèo », thánh-hiền xưa đã lấy câu ấy dạy cho những người như bọn chúng. Vì thánh-hiền tùy cơ đặt lời dạy, tùy cái lòng « tham đồ lợi lộc » của chúng mà dẫn dụ chúng học đạo. Sự thực, nếu đã đến chỗ rõ đạo, thì tự mình chẳng tham lợi, chỉ lấy đạo làm vui, chẳng lo cầu lợi mà lợi cũng tự đến vậy.

Thứ xem người thợ may kia, ngày không bỏ việc, đêm chẳng nghỉ công, chăm chú luôn luôn, dùng tất cả tính lực vào công việc ; còn lo áo may không xong, tiền công chẳng có, mà tiền công nào có được bao nhiêu đâu. Nếu họ chẳng chịu gắng công, cũng bằng nhác như mấy chú học-đạo của ta đây, chẳng những vợ con cha mẹ cả nhà mất bữa, cho đến một miếng của họ, cũng không biết lấy chi nuôi sống vậy.

Nay ví khiến các chú học-đạo của ta cũng đều có vợ con cha mẹ, và cơm áo của vợ con cha mẹ cũng đều tư-ngưỡng vào các chú, bao nhiêu lợi-dưỡng cũng đều do sự học đạo mới có, thì chắc các chú phải cầu cho đạo nghiệp chóng thành, lực học khổ công, cũng như bọn thợ may kia gục đầu dưới đèn, vội vàng chăm chú vậy. Nếu dùng công phu được tinh tấn như thế, chắc Chư-Phật Bồ-Tát sẽ đều chấp tay quỳ lạy dưới gió vậy. Vì lẽ, « nếu niệm-đạo cũng như niệm-tinh, thừa sức thành Phật », ta sẽ đổi làm một câu-đôi khác để khen tặng chẳng hết, còn phải than thở làm gì, còn có điều gì phải than thở » ?

Vương nghe ta hết bệnh, hằng khiến sứ vào giục ra Thuận-hóa, ý rất ân cần. Ta định đến mừng 8 tháng 10 sẽ lên đường, đi ra theo đường bộ. Bèn viết thư trước, khiến bọn Hậu-đường Khánh-Ngu và Tri-khách Thiên-Vũ lo sắp đặt sẵn chương-trình đi đứng.

BỨC THƯ :

Đau bụng nhức đầu vừa khỏi, lại bị lở miệng lở mồm. Nghĩ kỹ, chẳng qua vì Lão-Tăng bạc phước, thiếu sót còn nhiều; vì thế, một chỗ ở xây cất chưa xong, thợ thấy trông đợi, đại chúng tùy trượng, lộn xộn chưa yên, nọ nần kiếp trước còn chưa giã xong, nên kiếp này phải khó nhọc như thế.

Nhưng tật bệnh phiền não, chẳng phải thuốc thang có thể chữa lành, chỉ có sự hòa-thuận của kẻ theo-hầu là phương thuốc làm cho lão-tăng được yên ổn; chẳng lo không có nước lửa để sử dụng, chỉ lo không có món thuốc thỏa đáng ấy mà thôi vậy.

Gần nay, tinh thần khí sắc và sức khỏe đều chẳng như xưa. Căn có người biết đạo-lý, cùng ta đồng khí đồng tâm, thì chẳng đợi thuốc thang, bệnh cũng tự khỏi vậy. Huông nay trong ngoài mọi việc lớn bé thị phi, đều một tay già nầy chống chọi; có khi kẻ tả hữu khích khí rầy rà lẫn nhau, lão lại phải mất công mỗi miệng phân giải điều đình; cò-nhiên vì ta bạc phước, nhưng há chẳng phải lỗi của bọn đệ-tử theo ta hay sao. Nay nói chẳng được, ta quyết liều lội bùn dầm nước, miễn-cưỡng ra đi, để xem có ai phát tâm Bồ-tát, vì chùa chiến, vì đại-chúng, vì Lão-tăng, làm trọn bốn-phận vì mình hay chẳng. Nói đến đây, hễ đã là người chống giữ pháp-môn, nếu chẳng bỏ hết thân mệnh riêng mình, làm sao khỏi đánh trống rút lui cho sớm vậy.

Hiện nay, Quốc-vương lại sai Nội-quan cầm thư mời Lão-tăng ra Thuận hóa. Trong thư nói hiện nay tại chùa Thiên-mụ, phương-trượng, tăng-phòng, liêu-thất, trụ-khò đều sửa chữa mới lại, cung ứng sẵn sàng để chờ ta ra. Tâm lòng chí-thành cung dưỡng của Quốc-Vương thực rất hiếm có. Vì vậy ta chịu lời, định đến mừng 8 tháng sau, chớ gây đi ra một chuyện. Các người ở ngoài ấy nên sắp đặt trước mọi việc, chớ chờ đến lúc Lão-tăng đại-chúng đến nơi, mới vội vàng chạy nghiêng chạy ngửa. Ngoài ấy, nhất thiết việc đời vật vẩn, dầu việc quan hay việc dân, cũng chớ dự vào; thế mới tỏ ra sự đứng đắn của bọn tu-hành chúng ta, khẩn thiết căn dặn, căn dặn.

Ngày mừng một, Nội-giám vâng lệnh vào trước, bắt 300 quân làm phu-đài, sắm sẵn võng ngựa, ràng buộc hành lý. Gặp trời đang mưa dầm, ta làm một bức thư gửi cho Phò-Mã Hữu Doanh-Đồn.

BỨC THƯ

Nghe rằng nước Đại-Việt có Xu-Mật-Phò-Mã, Nguyễn Công, phẩm-chí hiển hào, một bậc người có thể so sánh với Hoắc-Phiêu-Nhiều đời nhà

Hán (6); vả lại sùng-tín Phật-giáo làm phen giầu che chở đạo ta; về điểm đó, lại chẳng phải Hoắc-Công có thể bì kịp. Ta biết tiếng quý Công, chẳng phải mới một ngày. Trong lúc quý-Công xuất trận, nhận chức xa ngoài nghìn dặm, mà tác lòng vẫn chẳng quên kẻ Đâu-Đà già bị đời bỏ rơi, ở tại Chùa Thiền-lâm Thuận-Hóa, khiến em đưa thư và các thứ quà quý, ôn tồn gửi tặng, như thể đủ thấy tâm lòng quý hóa biết bao. Đã được hậu tặng, thế mà ta lại từ khước một cách rất bất kính. Ý riêng của ta nghĩ rằng, chờ ngày được thừa tiếp Quý-Công sẽ bá lãnh ân huệ cũng chưa muộn gì. Chẳng ngờ từ ngày đến Quý-quốc, chưa có hân hạnh được giáp mặt Quý-Công để hầu chuyện, vậy đâu giám lạm lãnh ân huệ, chỉ muốn một lần biết mặt Hàn-Kinh-Châu, còn hơn được phong Vạn-Hộ-Hầu kia mà. Nhưng người ta biết nhau quý ở chỗ biết lòng nhau; chỉ biết nhau ngoài mặt, chưa chắc đã biết lòng nhau vậy. Quản-Trọng nói rằng: « Bào-Tử cho ta chẳng phải tham-lam ». Ý ông cho kẻ nào hay làm lợi cho ta tức là bạn tri-âm. Thế thì tâm thuộc lợi hay sao ? Dự-Nhượng nói rằng : « Trí-Bá lấy tư-cách quốc-sĩ đãi ta, ta cũng lấy tư-cách quốc-sĩ đến đáp lại ». Ý ông cho kẻ nào làm rạng danh ta, tức là bạn tri-âm. Thế thì tâm thuộc danh hay sao ? Nói một cách khác, không dôi chẳng chơi, không quen chẳng bạn, cả thiên-hạ nhao nhao, ai cũng nói anh nọ anh kia là bạn tương tri của ta; phải, tương-tri thực, nhưng đã chắc gì tri tâm đâu ? Nếu quả tương-tri và tri-tâm, như Không-Tử sanh sau đời Đường Ngu Hạ Thương, cách nhau hơn nghìn năm, chưa từng biết mặt Tam-Vương Ngũ-Đề, nhưng vẫn biết « đạo tâm duy-vi ». Như thầy Đại-trí sanh ở đời nhà Lương bên Trung-Quốc, cách Tây-Trúc Linh-thứ (8) rất xa, chẳng biết mặt Thích-Ca Văn-Phật bao giờ, nhưng vẫn thầy « nhất hội nghiệm-nhiên chưa tan », như thể thực khá gọi tri-tâm vậy. Lão Tăng cùng Phò-Mã đến nay chưa từng biết mặt nhau, nhưng vẫn biết lòng trọng đạo của Phò-Mã, biết lòng chưa biết mặt, ai bảo chẳng phải tương tri. Lòng trọng đạo của Phò-Mã, ở hương đảng, ở triều-đình, ở Thuận-Hóa, ở đâu người ta cũng ca ngợi. Quý-Công gửi quà tặng cho Lão-Tăng, thiên-hạ ai lại chẳng biết. Chỉ thẹn kẻ phương-ngoại Lão-Hủ này, chẳng có trí-thức gì đáng kể, sao lại mong được quá yêu như vậy.

6) Tức Hoắc-Khứ-Bệnh đời Hán-Vũ-đề, sáu lần đánh Hung-nô có công, được phong làm Phiêu-Diêu-Hiệu-úy.

7) Lời của Lý-Thái-Bạch.

8) Linh-Thứ là nơi Phật ở.

Nay có chuyết họa một bức, chuyết lục một bộ, xin kính dâng Thanh-giám, tuy lời thô nét vụng, cũng chút tỏ thành tâm của Lão-Tăng, xin Phò-Mã mĩm cười thu nhận, Lão-Tăng rất lấy làm vinh hạnh vô cùng.

Ngày ấy chưa kịp chầu hầu Tôn-Giá, vội vã cáo về, chẳng may lại bị trở gió, chưa hoàn sơn được, phải tạm lưu lại Hội-An. Nay Quốc-Vương sai nội-quan vào thôi thúc hai ba lần khiến ta ra Thuận-Hóa. Lão-Tăng đã sắp sửa phu ngựa, chờ ngày qua đèo, ước độ qua rằm tháng mười sẽ ra đền chùa Thiên-mụ; cơ duyên trời khiến, gặp gỡ có ngày, từ xưa tao phùng bạn tri-âm, chẳng phải việc dễ. Vài hàng tuyên bố, thông-cảm tinh-thần.

Ngày mồng 7, Nội-Giám bắt phu, muốn cho đài-đệ đi trước. Ta xem chừng trời biết chắc ngày mai có mưa lớn, sợ đi giữa đường, hành-lý sẽ bị ướt, chi bằng chờ mưa xong sẽ cùng đi cho tiện. Qua mồng 8, quả nhiên có mưa, đến ngày 11 mới tạnh. Sáng sớm ngày 12, mới khởi trình. Kỳ-lão hàng phò trương cõ xách giỏ, đánh thanh-la đưa chân. Kê đưa người rước, phu-ngựa giăng dài vài dặm. Mưa thu mới tạnh, cảnh vật giống mùa xuân. Núi biếc đồng xanh, kẻ cày người cấy, ruộng vườn luôn tiếp vài mươi dặm, trông ra núi Tam-Thai. Những người đưa chân bày biện cơm nước; dùng cơm trưa xong, từ giả lui về. Ta định quanh đường ra viếng hăm chùa Tam-Thai, nghỉ lại một đêm sẽ đi, nhưng Giám-quan nói không thể được. Đi đến được vài mươi dặm, trời chiều khói tỏa, trắng lên bìa rừng, dọc đường biển đi ra phía nam (?), nước trắng cát ngời. Vô số hình ảnh nón toại, sao xuyên trong sương lạnh. Trông ra mé biển một mạch xanh lơ, đàn ngựa xe từ xa tuôn đến, hiện thành một thứ cảnh sắc. Đền quán lên đền ăn cơm tối. Sáng bữa sau, đi chừng mười dặm, qua ngang một cái khe, vượt qua một đèo nhỏ, lại qua một khe nữa, thề là đền rừng Ngãi-Lãnh (Đèo Ai-vân); đi ngựa không được, đều đổi qua đi vồng. Dân ở dưới đèo rất khổ, quan-dịch đi đông, bắt-phu không đủ, người ta phải vào lòng bát từng nhà; nếu không có người, thì trong nhà có mâm nổi gùi, quan đều tịch thâu hết. Ngày ấy bắt ra được mấy người dân nghèo, gầy gò dơ xương. Người nào cũng bó tóc đứng kêu van rất thảm thiết. Ta trông thấy bùi ngùi, nói với quan, tha cho mọi người mừng rỡ, vái tạ lui ra. Quá trưa, lên đèo, đường đá gập ghềnh rất khó đi, hai bên đường toàn bụi rậm, dây leo chẳng chịt. Càng lên cao, phía trên, hai hàng cây cao vút chừng vài mươi

trượng, không có cành phụ cong queo. Mỗi cây đều bắt rễ trong rừng sâu, phải vượt lên cao để cướp hứng sương móc. Quay nhìn xuống biển, thấy thuyền cá nghìn buồm đứng chong. Vì đứng cao nhìn xuống, nên trông thấy hình như mọi thuyền đều đứng yên. Cũng như ngựa trông lên trời, chẳng thấy các hành tinh vận hành vậy. Trông lên đỉnh núi che khuất trông mây, chỉ thấy một dòng suối từ trên cao chảy xuống trắng toát như cây lụa. Chỗ đương đứng vừa lưng chừng nửa núi vậy. Phu đài đi thoăn-thoát, hình như chân không bén đất; quanh co trên đá rêu hang hốc, bỗng chốc đã đi tuột vào trong mây. Nhìn qua phía trái, trong rừng bỗng có tiếng lướt qua ào ào như gió đi cỏ rạp. Người ta bảo có con trấn đi, nhưng chẳng thấy hình dạng đâu cả. Hai bên đường phượng-phất có mùi thơm hoa ngải, nhưng không tìm thấy. Trái rừng lỏng nhong, hoa núi toét toe, trên hoa sinh hoa trong lá kết trái; chẳng phải nhìn tận mắt, chẳng sao tưởng-tượng cho hết được. Mây gian nhà cỏ, dòng suối chảy quanh. Người ở đó nấu nước trà bán cho quá-khách. Khói mù che kín, xa cách cõi người, trên đỉnh núi mây móc tỏa bay, ướt dầm khăn áo. Trông lên cảnh cây có từng bầy vượn trắng, to lớn như người, đuôi dài, nhảy chuyển cây nầy qua cây khác, rung cành tuôn nước xuống từng giọt như mưa. Dẫn dần xuống đèo, nghe có tiếng ào ào, trông ra eo núi thấy một vùng mênh mông, mọi người mừng reo lên : xuống đến rồi, kia đã thấy biển ! Đi quanh đền gần, mới biết rằng đó là những đám mây. Kề đó mặt trời lặn. Trăng lên, cây lá rợp bóng tối mờ, đá trơn, đom đóm đầy rừng. Gần xa xào xạc những tiếng lạ, nghe rùng rợn. Chỗ nào cũng thấy nhấp nhô như hình người đứng, thú ngồi, lây gậy gỏ nghe reng reng, té ra toàn là đá. Một quán nhà ba gian, vừa thấp đèn. Khách trong quán thấy đài vông đèn, đều bỏ chạy vào rừng tròn, vì sợ bắt làm phu. Một cây lớn làm cầu, ghép ba vài chắc chắn, bắc ngang trên dòng suối, nước chảy ồ ồ, tức là tiếng vừa nghe mà mọi người lầm tưởng là sóng vậy. Đứng trên cầu nhìn trăng, hang vắng tiếng vang, nghe rồn tóc gáy. Đi lẩn xuống dốc, có quan quân đón rước, bốn bề đèn đuốc sáng trưng. Khi vào đền quán trọ, đêm đã về khuya. Than ôi, non xanh nước tốt, động thâm suối trong, chỗ nào cũng có thể ở được. Không hiểu vì sao, không ai về đây làm nhà ở ? Vả lại trên một con đường hành khách thường qua lại, thế mà không ai sửa sang, thật đáng than tiếc biết chừng nào ! Xảy có các giới-tử, quảng-đại quần-chúng, vượt đèo đến đón, nghe ta nói như vậy,

bèn phát nguyện khuyến-mộ để sửa chữa đường đèo, nhưng cây ta diu dặt.
Ta bèn viết một bài khuyến quyền đắp đường đèo Ai-vân như sau.

Nơi trọng-yếu nầy, xưa xưng Ngãi-Lãnh.
Thông lối Tây-Nam Thuận-Hóa, ở miền Đông-Bắc Hội-An.
Ngày lại tháng qua, từng trải bao nhiêu năm tháng.
Suối reo cây rụng, ruối rong nghìn dặm phong sương.
Cửa Trần-Di, cầu Thiết-Lãng, mười phương giáp giới,
Nước Chiêm-Thành, xứ Chơn-Lạp, tám mặt thông thương.
Cớ sao hang núi tối tàn,
Vì nổi bể dâu biên đời.
Xéo xiên lối lổm, mây phun trực núi tuôn-tuôn.
Nghiêng ngửa dọc ngang, đá ngắt từng không vôi-vội,
Rêu phong cỏ loạn, khói biếc sương mờ.
Sãi học-đạo, sãi du-phương, thuận nẻo tu hành tiên bước.
Khách Trung-Hoa, khách Ngoại-quốc, trên đường buôn bán đi qua.
Bước bước gian nan, như giày giá mỏng.
Bồi bồi tân khổ, như ruối đường dề.
Hãy lấp hết hồ hang, cho chừ-từ bách-gia qua lại.
Nên chặt phăng gai gộc, để lục-phàm tứ-thánh (9) cùng lên.
Thầy bùn xúc bùn, cũng như giải tóc cho Nhiên-đăng giậm đạp,
Gặp đất ban đất, còn hơn quyền vàng cho Thái-tử mua vườn.
Tiền-bộ quả thực thiện-nhơn,
Độc-giác há rằng tiêu-quả.
Nay giới-từ quảng-đại, cây Lão-tăng một lời ;
Ai là khách bộ-hành, hãy gắng làm phương làm tiện.
Hồi những người tu thiện, mau lo tu trước tu sau.
Cứ theo đường ấy tiên lên,
Tránh khỏi nhường kia sa ngã ;
Chặt một gốc cây, lập một vũng nước, khoái thay đường sá tiêu dao.

9) Phật-gia gọi địa-ngục, Ngạ-quỷ, Súc-sinh, tu-la, nhơn và thiên là lục phàm.
Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát và Phật là tứ thánh.

Đắp vại thước đất, đóng vại thước cừ, vui vẽ công trình tiền triển.
 Dưới gót sao cho bằng phẳng,
 Trong lòng ắt phát chơn thành.
 Kẻ giúp của, người giúp công, đông tay vỗ nên bộp.
 Anh tầm gạch, tôi viên đá, muôn trượng đắp nên đường ;
 Cắt bước bình-an,
 Vang danh đồn đãi.

Sáng bữa sau, mây khói tời mù, suốt ngày đi trong mưa dầm nước lụt, Vương khiển Tả Hữu Công-Bộ, Cai-Bá-quan đem hồng thuyền chực sẵn tại cửa biển, lãnh một đội quân 500 người, tiếp đón ta giữa đường, qùy mà thưa rằng : « Vương khiển chúng tôi ra đón, chờ đã lâu ngày, vì trời mưa bùn lầy, không rước xa được, thực rất có lỗi. » Nói rồi dẫn đường đi trước. Đêm ấy nữa, là ba đêm nằm lữ-quán. Sáng ngày mai, canh năm lên thuyền. Nhớ lại lúc xuống thuyền vào Hội-An, Quốc-Vương và các quan tông tiền, Khuê-phong còn đó, dòng nước ngược xuôi, thấm thoát đã trải qua 5 tháng ! Nhân làm 18 bài thơ chép việc đi đường.

Bài thứ 1

*Tam-Thai kia trước mắt,
 Đèo động trải chơi qua,
 Chim trắng bay đâu mắt,
 Non xanh vẫn còn tro.
 Đường quan giục ngựa trạm ;
 Đồng nội tỏa khói mờ.
 Vầng vặc trăng một tâm,
 Đêm nay chiều người xưa.*

Bài thứ 2

*Nhao nhao nập lúa mới,
 Lo vãi giống mùa sau.
 Thu tiết còn hơi nắng,
 Áo manh nằm vông tao.
 Bóng chiều đợi gò cát,
 Thiều-phụ ngồi bỏ cau.*

Hành-lý một quân-sĩ

Việc quan biết làm sao

Bài thứ 3

Thăng-Châu ba tối mủ

Ven biển nửa hành trình

Mù-tít chim tung khói,

Trắng-phao sóng vỗ gành.

Hoa sương, áo thâm ướt,

Bóng nguyệt, gương tròn vành.

Đồng ruộng đầy toí nón,

Lăm xăm khách bộ hành.

Bài thứ 4

Mướt-mướt cỏ xanh biếc,

Đồng quê giữa tháng mười.

Chăn-trâu mừng sãi đến,

Thấy ngựa trẻ con cười.

Cờ xí bay tung gió,

Trông chiêm vang dậy trời,

Ngó ta đều vui vẻ,

Trôi nổi dẫu quê người.

Bài thứ 5

Đường bộ sang đường thủy,

Gió tây đầy nhẹ chèo,

Khói mây bay khỏi núi,

Đèn lửa sáng bên đèo.

Xứ lạ đau lòng khách,

Tiêng thu ngã bóng chiều.

Đêm nay trăng núi cũ,

Lầu đá rọi trong veo.

Bài thứ 6

Đường đá dầy chẳng chặt,

Quanh co biết mấy trùng.

Mây che ba mặt biển,
Núi lọt một hồi chuông.
Cõi tục nên xa lánh,
Người tiên khó tao phùng.
Chiều hôm mưa mới tạnh,
Ướt đỏ mây cảnh tùng.

Bài thứ 7

Bóng hoa ngời đáy suối,
Kê đá lấp rêu xanh.
Khe núi khói mờ tỏa,
Đường rừng chim liệng quanh.
Hư không trùm bí-mật,
Uồn lượn lên gấp ghềnh.
Bồng tai nghe sóng vỗ,
Hơi lạnh thấm bên mình.

Bài thứ 8

Lão-Tăng nên dậy sớm,
Huống gặp tiết thu dương.
Ruổi giọng nơi xứ lạ,
Trần-trọc suốt đêm trường.
Núi Ngãi gà cất tiếng,
Rừng tre ngựa buông cương.
Chòi tranh còn tối mịt,
Quân nhân đã rộn ràng.

Bài thứ 9

Qua ngang khe bốn bận,
Vượt đỉnh núi một vòng.
Hoa rụng nghe hơi ngãi,
Mây sâu chẳng thấy rồng.
Con trần bỏ uốn khúc,
Bầy chuột leo cây tòng.
Trên núi nhà ai ở,
Suốt ngày khói kín phong.

Bài thứ 10

Triều non vang tiếng sấm,
Cồn cát sóng tung bay.
Nước chảy về hướng bắc,
Bóng ô ngã non tây.
Mây biển phun mưa đèn,
Cây rừng mặc thu chảy.
Gập ghềnh qua đỉnh núi,
Bền đồ lại đòn đây.

Bài thứ 11

Thu sắc dần dần đổi,
Hoa rừng hương núi bay.
Voi đồng núp bụi rậm,
Dê núi ngủ ban ngày.
Đất khách toàn đường lạ.
Bên trời mái tóc thay.
Đương nay mới tháng chín,
Cảnh-vật đã xuân đầy.

Bài thứ 12

Núi ngoảnh đầu ngo lại,
Nước quanh ruộng mây lân.
Người đi, bóng cây khuất,
Ác lặn đầu chim gẩn.
Ngọn cỏ hơi sương ẩm,
Lều tranh khói nấu vẩn.
Đường đi beo vớ cộp,
Rừng rú phải phòng thân.

Bài thứ 13

Đầu núi cây dâm mát,
Cuối đèo ngọn suối trong.
Trái đồng ăn chẳng hết.
Hoa núi nhớ khôn cùng.

Vượn vít cây nhảy nhót,
Ác dơi bóng mông lung.
Cảnh này ai thương thức,
Viêm hải đây phải không ?

Bài thứ 14

Rừng sâu trăng chẳng sáng,
Đom-đóm bay khắp nơi.
Vượn hót nghe ai oán,
Thú ngồi kinh rụng rời.
Đá rêu trơn quá mỡ,
Phu cáng bước như chơi.
Đi đường ghi mọi việc,
Dưới đèn chép nên lời

Bài thứ 15

Thuận-Hóa thuyền lui bến,
Hội-An xe ruổi qua.
Trời chiều khuất rặng núi,
Vách đá tỏa bóng hà.
Khói biếc ngò liễu-thọ,
Mưa hồng nhớ đào hoa.
Chiêm bao về xứ sở,
Quán khách biệt đầu nhà.

Bài thứ 16

Trèo non lại vượt bể,
Xuống thấp rồi lên cao.
Chồn dúi ra ngồi ngó.
Ến bay biệt về đâu.
Quanh hang dòng suối chảy,
Đầy núi dây bìm leo.
Chiều tối lên gò đá,
Chiêm-Thành thôi đánh nhau.

Bài thứ 17

Trời thu mưa gió giục.
 Đi lại ngừng, lơ-làng.
 Cầu ván qua tây-bắc,
 Rừng tre thẳng xóm làng.
 Bên trời chèo một mái,
 Bờ đá nhà vài gian.
 Đỉnh núi đứng dòm xuống,
 Lũ chài giồng sao băng.

Bài thứ 18

Chia tay nơi nóng nực,
 Trở lại biệt ngày nào.
 Nước lụt tràn bờ cũ,
 Đường rêu loán núi cao.
 Sứ-thần vắng lệnh chúa,
 Thuyền lướt dưới mưa rào.
 Tự thẹn ơn không đáp,
 Chưa rãnh viết thư trao.

Xảy có Mộc-Loan Cư-Sĩ nghe Chúc-Vạn Thị-Giả nói chuyện . Thị-Giả luôn luôn có ý trọng mình khinh người, mỗi chút gì cũng xưng « Bọn Ta », nhưng khi hỏi lại chữ « Ta » nghĩa làm sao ? Thì mù mờ chẳng hiểu chi cả. Thê là hoàn toàn « Ta » chẳng biết « Ta ». Nhơn viết mấy hàng sau đây, để dạy bảo các gã theo-hầu : « Thường thường thê-gian hay xưng « ta đây », lấy cái « ta » giả làm « ta », thấy đều chẳng phải cái « ta » thực vậy. Ví như giàu sang lợi lộc, ta có thì vui, kẻ khác có thì ta không vui, ấy là lấy « tham » làm « ta » vậy. Nếu có một vật kia, ta tham, kẻ khác cũng tham, hai bên đồng tham cả, được thì mừng, mất thì đau xót, sanh lòng tranh cạnh. Ấy là lấy « sân » (giận), làm « ta » vậy. Do lòng giận cố tranh đoạt cho kỳ được, đến lúc đã được lợi rồi, lại luyến tiếc lo lắng, ôm giữ bo bo chẳng biết chán, cho đến khi già chết đến nơi, còn chẳng biết giác-ngộ, ấy là lấy « si » (ngốc dại), làm « ta » vậy ». Rõ ràng bỏ hết cái « Ta » thực, để cho « tham, sân, si », mạo danh làm ta, đặt ta vào chỗ nào, khiến ta chẳng biết làm tai hại cho cái thân thanh-tĩnh của ta. Rốt cuộc ta bị chúng che mờ,

chẳng những trọn đời ta bị lừa, mà kiếp kiếp đời đời, sẽ bị chúng sai khiến ; lại còn nhận cái thân bảy thước biết đi lại nằm ngồi, mừng vui thương giận, biết động biết tịnh, biết nghĩ ngợi âu lo, làm toàn thân của ta, há chẳng lắm lớn hay sao. Nhưng cuối cùng lấy cái gì làm « ta » ? Nếu biết nhưt thiết vật gì đứng trước mặt, trong đồng-tử con mắt của ta, đều nhưt thiết không phải « ta », thì vật nào lại chẳng theo ta mà có ? Ví như nhà cửa cỏ cây, chim muông sâu bọ, nguyên chẳng tự biết làm vật gì, hơn vì ta trông thấy rồi thành tên từng vật ; vậy thì nhà cửa cỏ cây chim muông sâu bọ đều là « ta » vậy. Châu-báu, vàng ngọc, khí-mãnh, áo quần, nguyên cũng chẳng tự biết là vật gì. Hơn vì ta trông thấy rồi chia thành từng loài, vậy thì châu-báu, vàng ngọc, khí-mãnh áo quần, cũng đều là « ta » vậy. Cha mẹ sinh ra ta, ấy là cái « ta », từ cha mẹ mà lại, ta sinh ra con cháu, ấy là cái « ta », do bởi con cháu mà đi. Thê-gian, nhưt thiết sự vật đạo-lý, đều vãng theo phép tắc người xưa để lại. Vậy thì người xưa tức là ta vậy. Thê-gian nhưt thiết sự vật đạo lý đều lưu truyền lại cho người sau noi theo. Vậy thì người sau cũng là ta vậy. Cho đến mặt trời mặt trăng, tinh tú non sông, chia ra mỗi thứ đều đứng riêng, hợp lại không thứ gì chẳng phải ta, mà cũng không thứ gì chẳng phải người vậy. Ta, người, muôn vật, xem đồng một thể như nhau, mới có thể không có ý riêng, không cồ chấp, không câu nệ cái « ta ». Bởi thế, bậc chơn-nhơn không có ngôi, từ vô thì đến nay, vẫn có cái lương-tri của « bản-ngã », chỉ hơn trong lòng còn nghĩ đến cái « ta », cồ-chấp cái « ta », mới sanh ra trăm thứ phiền não ; nếu hay giác-ngộ cái « ta », làm cho cái « ta » trở nên không hư, thì lòng dục vọng vô minh của ta, tự nhiên tĩnh tuyệt. Ta không cồ-chấp người với ta, tự nhiên chơn-tĩnh bậc lộ, các tính tham sân si không thể giả-trá ta, lợi-dụng ta, luôn luôn ta dùng chúng nó, chúng nó tức thị ta vậy. Ai hay chuyển vật, tức đồng « Như-Lai », nếu thông nghĩa ấy thì xưng « ta » cũng chẳng hại. Ta tự nhớ rằng :
 Biết ta ấy là nó, biết nó ấy là ta, nó ta đều chẳng biết, rõ ràng đèn là lửa »

Đêm 15, trời mưa ; ra đèn chùa Thiên-mụ, chùa nầy tức Vương-phủ ngày xưa, chung quanh có trồng nhiều cỏ-thụ, day mặt ra bờ sông. Trước chùa ngư-phủ, tiểu-phu, tấp nập sớm chiều qua lại. Trong chùa, cột, kèo, chạm trổ rất tinh xảo. Ta nhân làm 2 bài thơ.

Bài thứ 1

Cảnh Bụt từ xưa chúa Nguyễn xây,
 Cửa son điện ngọc phủ rêu đầy.
 Một đời tươi sáng còn cây cỏ,
 Muôn thuở mưa hoa kết điện đài.
 Sơn thủy ngoài hiên mây ngã bóng,
 Đi về trước ngõ cánh bướm bay.
 Trích-tiên chuyện cũ truyền Thiên-Mụ,
 Hồn mộng mơ màng trở lại đây.

Bài thứ 2

Từ ngày vương-khí dậy trung-lưu,
 Nghiệp bá gây nên bởi nghiệp tu.
 Năm tháng nhà Tần bia chẳng để,
 Xuân thu đời Hán dầu còn lưu.
 Sóng mồi cát chấn ba nghìn dặm,
 Mưa gió chuông reo trăm tám châu.
 Lửa bụt một lò thiêu hạt bá,
 Dưới trăng sưoi ẩm khá tiêu sầu.

Ngày hôm sau, Vương tiếp kiến mừng rỡ, ân cần cùng nhau thuật lại mỗi tình curu nhớ. Vương hỏi rằng : « Nghe nói Kinh-các, nơi thường-trú của Lão-Hòa-Thượng, xây cất chưa xong phải chăng ? » Ta đáp rằng : « Kinh-các do Thạch-Chê-đài, Chu-Vũ-Quân và các quan Bồ, Ấn tỉnh Việt đồng xây cất. Các vật-liệu đã đủ cả. Chỉ còn Đại-Hùng-Bửu-diện, nguyên quan tỉnh Việt-tây hứa cất. Gần đây, nghe nói người đã thặng bỏ đi nơi khác, nên còn thiếu đại-diện, chưa làm mà thôi ». Vương hỏi : « Sờ phí chừng bao nhiêu » ? Ta nói rằng : « Nếu làm trọn cả, phải tốn độ 7, 8 ngàn vàng (đồng ?), nhưng nay vật-liệu đã có chừng 3, 4 ngàn, chỉ thiếu 5 ngàn lượng nữa là xong việc. « Vương sốt sáng bảo rằng : « Lão-Hòa-Thượng qua đây, ta may được làm đệ-tử, nhưng tự thẹn chưa được làm gì để đền đáp công-đức. Nay lương tiền xây cất đại diện ta xin hoan hỷ đảm phụ.

Sang năm, lúc Lão-Hòa-Thượng trở về, xin cứ tùy ý xây cất, hao tốn bao nhiêu ta chẳng tiếc ». Nhơn thuật chuyện tại Trung-Hoa, chùa chiến đầy khắp thiên-hạ, nhưng không có ngôi nào do vua chúa ngoại-quốc xây cất ; chỉ có chùa Pháp-Tướng ở Chiết-Giang do Quốc-Vương Cao-Ly xây dựng từ đời nhà Tống, đến nay người ta vẫn còn ca tụng. Nay nếu Vương hoàn thành đại-diện chùa Trường-Thọ, sẽ cùng chùa Pháp-Tướng đều đề tiếng tốt nghìn thu vậy. Vương vui vẻ nhận lời. Xin Lão-Nhơn nói rõ lai-lịch chùa Trường-Thọ cho nghe, và nếu nơi thường-trú chưa làm xong, xin sẵn lòng khuyên mộ công-đức, hầu khiến sau này được biết rõ nguồn gốc Tổ-Đình vậy.

Đền đêm, từ giả lui về, làm một bài sớ dẫn nhơn-duyên cất lại chùa Trường-Thọ.

Tu-Đạt giải vàng dựng Phật-đường, công-đức còn hơn đào biển. (10)

Hiển-Vu cấm cỏ làm Quỳnh Điện (11), tài trí chẳng kém vá trời.

Mừng vãn nước để an thuyền,

Lại nương rừng để tọa định.

Mãnh-hổ ở trong núi hiểm, còn khá hóa làm đạo-trường,

Đạt-Ma đi qua phương đông, há chẳng xây thêm cự-nghiệp.

Đắp bồi Đại-pháp, xưa đã nhường kia,

Giúp mở chính-tông, nay sao chẳng vậy.

Nay chùa Trường-Thọ,

Sắc ban Tiên-triều.

Khu-vực ở phía tây Tam-Thành,

Đường lối thông toàn cõi Bách-Việt.

Trải sáu đời Hoàng-đề, làm gia-hương cho kẻ tu hành.

Tọa bốn vị Chú-trì, nơi viếng cảnh của khách đàn-việt.

Cơ duyên mới mở, Đường-Lô-Tổ tự tay trồng bồ-đề.

Hồn mộng cảm-thông, Minh-Ấn-Đài (12) dốc túi duyên bông lộc.

Vương ngự-sứ khắc bia để chữ (13), rực rỡ tinh lam.

10) Tức Cáp-cô-Độc, trưởng-giả giải vàng dâng Kỳ-thọ-viên.

11) Đền này chưa rõ.

12) Tuấn-án Trám-Chánh-Long xây cất Từ-Đỗ-Các và Diệu-Chánh-Đường tại Trường-Thọ-am.

13) Tại am Trường-thọ có Ngự-sứ bi-ký.

Hán Đại-sư quảy bát ngâm thờ, chỉ huy tâm yếu.
 Chùa hướng về Ngũ-Dương-Thạch,
 Cửa thông ra Bạch-Nga-Đàm.
 Mai trúc nghìn hàng, xuân đèn La-phù chia phi-túy.
 Ba-đào muôn khoảnh, thu về Dũ-Lãnh nổi thanh-luy.
 Sao dòi vật đổi, người trải qua vương bá mấy triều.
 Gió mát trăng trong, hương phượng phất điển viên trăm dặm
 Dưới mắt dâu gai gà chó, như đời Thái-Cổ hỗn nhiên.
 Ngồi xem mây khói hang gò, giống cảnh thâm sơn tịch mịch.
 Chưa chôn hết bụi xe dầu ngựa,
 Còn khá dung hùm nhảy voi giày.
 Tuy chơn thường chẳng phá hủy bao giờ,
 Nhưng việc thế đã đổi thay khác trước.
 Cảnh tình buồn bã,
 Chiêu-đế vắng tanh.
 Trên báu-tòa dơi đậu nhện giăng, trải bầy gió mưa lay động.
 Trong pháp tượng én chui chuột khoét, còn đâu áo mào huy hoàng.
 Lồi xóm mục-đồng, đua thả trâu bò chơi giỡn.
 Qua đường hành-khách, luống ngồi bệ đá thờ than.
 Đài mây từng vách đồ tường xiêu, xui lòng khách đứng cao luống những.
 Giếng trăm thước dòng khô nước cạn, khiến bóng người phản chiếu
 nơi đâu !
 Há Phật trời phò hộ không thiêng,
 Hay đạo vận hưng suy có số.
 Tự thẹn tu hành yếu sức,
 Chỉ lo việc đạo hết lòng.
 Gắng vâng lời các thân hào, và hiệu-triệu của hai mươi bốn ập.
 E mất lòng các kỳ lão, với thành tâm của các bậc công-khanh.
 Dám đầu châu-châu chống xe,
 Phải gắng ruổi lẳng đội núi.
 Ba năm giòng ruổi, còn thua Lâm-Tê trồng tùng.
 Chín tháng lóm khom, bắt chước Thọ-Xương chặt đá.
 Bầy dây vừa tầu,
 Muôn ngón buông theo,
 Tuy lều con chái hẹp đã làm xong,

Nhưng nhà lớn liễu dài chưa chỉnh bị.

Chánh-diện phôi-diện, tiền-hậu-tả-hữu-diện, đều phải sửa sang.

Thuyền-đường, trai-đường, Bửu-cảnh-Vân-thùy-đường, thầy đều làm mới.

Sẵn ôm chí ấy,

Kính cáo đồng tâm.

Như Tào-Khê, như Nam-nhạc, như Thanh-nguyên, khắp các Trung-Hoa Phật-Tổ-Đình, từ trước chẳng có vua nước ngoài xây cất.

Nào Hiền-Thánh, nào Bác-Son, nào Linh-Ẩn, chỉ có Chiết-Giang Pháp-Tướng-tự, ngày xưa mới có vua Cao-Ly dựng nên.

Mây độ chăm lo, chưa thấu hết sóng mỗi biển cả.

Một niềm cảm cách, may khá lên tột đỉnh non cao.

Qua sông cần phải dùng bè,

Lên bờ khá nên ngoảnh lại.

Cày bừa cần sẵn

Giống mạ chờ gieo.

Giáp mặt rình nhau,

Tri-âm may gặp.

Một tấm ngói một tấm gạch, cần lo mài cạnh cho trơn.

Một cái cột một cái kèo, ắt phải dùng gỗ cho tốt.

Chẳng bì Lộc-Uyển thuở trước,

Riêng có Thuyền-thiên rõ ràng.

Bảo-thỏ trang nghiêm

Phước-cơ tác dụng.

Chớ bảo thanh-tĩnh-thể nguyên vốn vô hình, cần chi che lợp.

Phải biết công-đức-chàng vốn xưa có chủ ắt phải tu trì.

Đại-Việt Nguyễn-Đạo-Giả, nguyện cúng năm ngàn vàng.

Việt-Đông Hán-Đầu-Đà, xin hoàn nhị bát nguyện.

Trước thêm hồng-ngọc, mặc ai người lại người qua

Dưới lò kim-hương, cười ngắm hoa tàn hoa nở.

Văn-đàn-sĩ đến Châu-Giang ngoạn cảnh.

Thái-sử-công chơi Hương-phổ để thơ

Cảnh bút vẽ vang,

Rừng thuyền rục rờ.

Xếp đặt một qui mô rộng lớn,

Đề làm nơi tu-viện mười phương.
 Chẳng vì lợi riêng,
 Đồng khai trí-tuệ.

Vương duyệt xem lá sớ, gật đầu, nói rằng : « Mùa xuân sau Lão-Hòa-Thượng về, thay ta xây cất điện đường chùa Trường-Thọ; tiểu-quốc may được phước âm, đều nhờ đức từ-bi che chở vậy ». Bèn định đến ngày 4 tháng 11, sẽ rước tùy-trượng 24 thầy để làm sầm-lễ Vạn-Phật, một kỳ 40 ngày.

Sau giờ ngọ, ta trở về chùa Thiên-mụ, Đông-triều-Hầu sai gia-nhơn đem cau, trái cây, vật thực đến biếu và nói rằng : « Chủ-nhơn nghe Đạo-giá đến nơi, theo lễ phải cung kính đón rước; ngặt vì đau hai tháng nay, nên chẳng đến làm lễ được. Xin đề lời chịu lỗi ».

Ta bèn viết hồi-thư hồi thăm.

Thư rằng :

Từ giả lên đường vội vàng chỉ đến núi Cú-Lũ, bị gió bắc thổi nghịch, thuyền không về được. Quốc-Vương nghe tin đón trở về Thuận-Hóa, bỗng chốc trong nháy mắt, đã qua 5 tháng trời!

Tiếp quý gia-nhơn đến thăm, mới hay Đại-sĩ có hơi khó ở, nhưng Ngũ-Uẩn (14) vốn không, bệnh từ đâu mà có ? Có lẽ vì lo dân lo nước mà ra chăng ? Xưa Duy-Ma vì muốn giúp chúng sanh không có bệnh mà tỏ ra bệnh, trước hết Ngài muốn cho mọi người biết tầm thân bào ảnh mộng ảo chẳng qua vì sợ, sinh ra tư-tưởng chán ghét sự thoát ly. Rồi sau nói cho biết pháp-thân công-đức đoạn tuyệt đau khổ, tự nhiên được vui. Ấy là Ngài muốn khởi phát lòng cầu-tiền của chúng sanh vậy. Đến khi chúng sanh lành bệnh, thì bệnh của Duy-Ma cũng tiêu trừ. Nay Đại-Sĩ lấy bệnh làm phương-thuốc — hay chữa bệnh cho chúng sanh. Khôn nổi, bệnh của chúng sanh thời nay, càng khó chữa hơn xưa. Nhưng cũng không về thể mà bỏ qua vậy. Suy nghĩ mãi, muốn khiến kẻ theo hầu đến thăm hỏi, nhưng

14) Phật-gia gọi Sắc, Thụ, Tưởng, Hành, Thức làm ngũ uẩn.

tuy có Mục-Liên (15) Thu-Tử cũng không thể đảm nhiệm sứ-mệnh đi thăm bệnh. Sở dĩ Lão-Tăng chưa khiên đi, vì nghi Đại-Sĩ hay lấy tâm hiệu Phật, ắt biết lòng Lão-Tăng vậy. Gần đây đạo-thể chắc đã bình phục, ấy là bệnh giúp cho người thành tựu, cái nghĩa ấy rất rộng và lớn. Nghiêu-Thuân bệnh ở chỗ « ra ơn giúp dân », một ngày chúng sanh còn khốn khổ, là một ngày muốn giúp. Không-tử bệnh ở chỗ « an kẻ già, thương yêu kẻ trẻ », một ngày chúng sanh còn bồi rối, là một ngày chẳng yên. Lão-Đam bệnh ở chỗ « thường vui yên tịnh », một ngày chúng sanh còn lo lắng, là một ngày không vui lòng. Thích-Ca bệnh ở chỗ « chỉ mê phá ám », một ngày chúng sanh tối tăm, là một ngày thương xót chẳng cùng. Bởi thế thánh-nhơn bệnh vì bỏ lợi mà sửa mình, phạm-phu bệnh vì đam mê mà tha-thứ mình. Bệnh vì danh dụng t ãn giả dối, bệnh vì lợi là làm việc xấu xa. Lỗ lỗ lã lã ở trong trời đất thế-gian nầy, nguồn gốc sâu xa. Nếu một nơi nào chẳng bệnh, thì nơi ấy chẳng thành thế-giới; một người nào chẳng bệnh, thì người ấy chẳng hợp thời nghi. Thiên hạ đều thế, thì Đại-Sĩ lấy một bệnh để chữa mọi bệnh là việc chẳng khó dừng vậy. Vì bệnh bởi tâm sinh, trong lúc một niệm chưa sinh thì tứ-đại (địa, thủy, hỏa, phong) cũng không có danh-tự vậy. Tâm với bệnh đều cảnh duyên giả hợp, có gì là thực đâu. Ấy biết « bất nhị pháp-môn » của Duy-Ma, mở mang cho đại-chúng rất nhiều, nay bệnh của Đại-Sĩ cũng lại như thế. Vài hàng thăm hỏi, mong có tin lành phúc đáp, ngõ hầu được yên tâm.

Nhị Quốc-Cậu Tông-Công ngày đương làm Cai-Bá, lúc ấy ta vừa đến Đại-Việt, đã cho đem lễ đền biếu. Nay được thắng chúc Tả-Thừa-Tướng, cả nước đều xưng tụng; ta bèn làm một bài khái gửi mừng.

Nay kính,

Trung-thư giúp trị, nêu họ tên đặt vững âu vàng
Thừa-tướng cứu thời, hòa âm dương sáng ngời đuốc ngọc.
Chờ xe hiển-sĩ, rước người luận đạo an bang.
Sửa chiều tướng-công, xem việc Thạch-Cử thiên-lộc (16).
Công-cô (17) chẳng khuyết,

15) Tức Mục-Kiên-Liên, đệ-tử thân-thông của đức Phật.

16) Phủ Thừa-tướng gọi là Thạch-Cử-Các hay Thiên Lộc-Các.

17) Tức Tam-công, Tam-cô.

Trùng-tê có người.

Kính vui, Thủ-Tướng các-hạ,

Chức giữ quyền hoành,

Ngôi cao văn võ.

Tiêng tăm không hổ, chỉ chẳng màng âm áo no cơm.

Mừng giận như thường, lòng chẳng muốn khoe công tụng đức.

Trên án sách học theo Không-Tử, nửa bộ giúp khai-sáng, nửa bộ giúp thái-bình (18),

Trong chiêm-bao noi dấu Phó-Nham, dùng người làm thuyền bè, dùng người làm mớ muối (19).

Tiêng khen trụ-quốc,

Chọn tự lòng vua.

Giữ lẽ công bằng, trị thiên hạ như chia đều phần thịt (20).

Ngừa lòng dục vọng, phòng miệng người như phòng nước vỡ bờ đê.

Đành chọn tướng chẳng đâu hơn Trung-Hoa, khuôn phép nhà Đường nhà Hán

Mà giúp vua phải theo đời thượng-cổ, phong độ vua Thuần vua Nghiêu.

Chủ-tê được người, mừng thầy long-nhan cả đẹp.

Cử hiền phá cách, khá khen công-phụ nhiều tài.

Trăm việc duy-tân,

Các quan đều phục.

Lão-Tăng : nước mây thân mọn,

Gió bụi tuổi già.

Dầu yêu nhờ lượng cao minh, chẳng quen đường lối khiêu-khê, khi vui xướng một họa ba, tự nhiên tiêu sái.

Danh tiếng đồn vang thủ-tướng, không chút mây may miễn-cưỡng, gặp việc lòng ngay miệng thẳng, quyết đoán ôn hòa.

Trên đá ba sinh, từng thuở dặt tay cùng bước.

18) Triệu-Phổ, tướng nhà Tống, thường nói : « ta sanh bình chỉ học một bộ Luận-ngữ, dùng nửa bộ giúp Thái-Tổ định thiên hạ, nửa bộ giúp Thái-Tông lập nghiệp Thái-Bình.

19) Vua Cao-Tông nhà Ân nằm chiêm bao thầy Phó-Duyệt, bèn rước về làm tướng và nói rằng : « Vì như qua sông, dùng người làm thuyền bè, vì như nêm canh, dùng người làm mớ muối ».

20) Trần-Bình thường nói : « Nếu tôi được làm tể-tướng, xử việc thiên-hạ công bình, cũng như ngày nay tôi chia đều phần thịt vậy ».

Đầu đường thập-tự, mừng nay hợp mặt gặp nhau.
 Nhơn nguyên-lực xưa, chồng vững can thành pháp-uuyên.
 Lầy tâm-quang ấy, tán làm mưa mốc bửu phùng.
 Cầu chúc,
 Tháng lại ngày qua, sớm tiền gương vàng nghìn thuở.
 Mở sau nỗi trước, lưu truyền sách vở muôn đời.
 Tôn xã vững yên,
 Vua tôi hợp đạo.
 Mừng vui dâng khải,
 Cung kính chấp tay.

Ngày nọ, Đẳng-Long-Hầu cho người cầm thư đến hỏi, « Thuyền đạo là giống gì ? Giác-ngộ là lý làm sao ? » Bèn viết thư phúc đáp.

Bức thư

Lai thư dạy rằng : « Thuyền đạo ta vốn rất ưa chuộng nhưng chưa biết đạo là việc gì ? Thuyền là giống gì, ngộ là lý làm sao ? Trước đây nghe nói đến cứu cánh, lòng rất lưu luyến, nhưng mỗi khi nghe nói đến chữ « Phật », trong lòng liền chẳng ưa, không hiểu vì sao ? Xin nhờ Lão-Hòa-Thượng cao minh, bảo rõ cho biết ».

Lão-tăng đọc xong thư, buột miệng than rằng : « Hay lắm thay ! Nếu chẳng phải người có phật tâm rõ rệt, ắt chẳng hỏi được như thế ». Nhưng chưa biết « chữ Phật » mà Cư-sĩ chẳng ưa ấy là phật nào ? Lầy chữ tăng mà nói, vốn có người đáng ngờ đáng ghét, kẻ lão-hủ nầy xin biểu đồng tình với ngài mà chẳng ưa vậy. Phật tức là bản-tâm đồng có ưa có ghét của chúng ta, tức là tâm lòng « nghe cứu cánh mà lưu luyến » của ngài nói trong thư vậy. Há tự mình lại chẳng ưa tự mình hay sao ? Vả lại học đạo vốn cầu vô sự, ngài chẳng nghe nói : « cần ở trên chỗ hữu sự đạt đến vô sự » hay sao ? Tham thuyền vốn chẳng nương tựa vào một vật nào, ngài chẳng nghe nói : « Bản-lai không có một vật nào » hay sao ? Nếu lầy sự vật cầu thuyền-đạo, tức chẳng phải thuyền-đạo vậy. Vì phỏng bảo, người sinh ở đời có công danh phú quý, có vợ chồng con cái, được thì mừng, mất thì lo, chết đi sống lại, đều là việc « sự » cả, sao bảo là vô sự ? Trong trời đất

núi cũng là vật, biển cũng là vật, mặt trăng mặt trời, các vì tinh tú đều là vật, lục phàm tứ thánh (21) cũng đều là vật, một ngàn bảy trăm nguyên-tắc công án, cái gì lại chẳng phải là vật. Người tham thiền phải tiêu quy từng sự từng vật, bảo chẳng nương cứ vào sự vật được sao. Nên biết rằng thuyền đạo quý tự mình tham cầu, tự mình giác-ngộ, chẳng phải do ở người khác, do ở sự vật vậy. Chẳng thầy Bàng-Công hỏi Mã-đại-Sư rằng : « Cái người chẳng làm bạn cùng vạn-pháp ấy, là người thế nào » ? Đại-sư nói rằng : « Bao giờ người uống một hơi hết cả nước Tây-Giang, ta sẽ nói với người ». Lời nói ấy, có phải câu trả lời chẳng ? Hay tỏ ra một cơ-vi mà nhiệm gì khác chẳng ? Hay chỉ thẳng cái người chẳng cùng vạn pháp làm bạn chẳng ? Hay có cái bí-mật chẳng truyền, ngụ ở trong ấy chẳng ? Thử đem ra suy gẫm từng lẽ, tìm cho đến cứu cánh; chẳng khá xuyên tạc một cách cưỡng ép, đem ý-thức riêng mà giải-nghĩa quây quáy lại chẳng nên nhứt thiết bỏ qua; nên làm sao trong bận rộn cũng cứu cánh như thế, nhàn hạ cũng cứu cánh như thế, dầu gặp chỗ nghịch cảnh bề-tắc chẳng thông, cũng cứu cánh như thế; mặc kệ chỗ sông gần chín, chỗ chín gần sông, lại chớ bàn đến « con người đi đến cứu cánh và câu chuyện cứu-cánh » ấy, là một là hai, là có là không, là phàm là thánh, là lý là tình, là phép đời là phép phạt; dụng tâm đến đó, rồi bỗng nhiên, trong trí mở mang rộng rãi, đại giác-ngộ và cười xòa lên.

Đền như nói một chữ « ngộ » (biết giác ngộ). Ví dụ : « như người kia có việc sinh tử tương quan với người khác, hẹn nhau đến một chỗ nào đó, thương lượng, mới có thể ổn thỏa được. Đương lúc mới mờ sáng, ngủ dậy rửa mặt chải đầu, lấy bút-tắt mang vào, trong lúc bồi rồi cấp bách, mang bút-tắt vào một chân rồi, còn một chiếc tắt nữa chưa thấy; bèn tìm khắp trong tủ trong rương, lục soát hết các gian buồng, dưới giường trên vách, không chỗ nào không tìm, tìm đâu cũng chẳng thấy; tức quá, ngồi lại suy nghĩ. Nghĩ mãi nghĩ hoài, moi óc nghĩ đến chỗ sâu sắc, vẫn nghĩ chẳng ra, bỗng cái đầu ngó xuống, thấy hai chiếc tắt mang vào một chân ! Bèn lột ra, mang qua chân khác và vô cùng khoan khoái. Mới biết chiếc tắt ngay ở chân mình, biết (ngộ) thì dễ dàng như thế. Cho nên người ta bảo rằng : « Giày sắt bước mòn tìm chẳng thấy, tìm ra chẳng phí chút công-phu. » Tuy căn-tính có kẻ bén, người lạt, giác-ngộ có kẻ sớm người chầy. Nhưng phải cần

21) Xem phụ-chú số 9.

thận, giữ lòng mình chớ cho sai lệch, chớ mới hơi thấy biết chút đỉnh, đã tự cho đúng phải mười phần; rồi chạy theo lầm lỗi sai đường, ba lần bảy lạc; thà như Cù-sĩ đèn nay chưa hiểu biết chi, còn hơn cái quang-cảnh « thừa ba thẹo bốn » vậy. Nếu cầu đèn cứu cánh, thì phải cứu cánh cho đèn đầu đèn đuôi, hầu khỏi lầm đường lạc lối. Ví bằng chẳng xua đuôi ngày thường nghe thấy, nửa phải nửa chẳng, để gia tâm tham cứu một cái chỗ đại định, thì chỉ thành một tấm gương lò mờ, mà tự mình cho là sáng lắm, có thể thấy được nước ao trong trời, không sóng không mồi, trăng sáng giữa trời, không mây không bụi. E trong kinh-tạng đức Như-Lai của ta không có cái pháp như thế. Nếu chẳng trừ bỏ hết cái khí-tập trước kia, cho rằng « đã thấy được thông suốt không có gì chẳng phải », thì cho người thực đèn địa-bộ ấy, cũng chỉ như ao nước tù, chẳng có rồng ở, tức còn mơ màng trong sinh tử luân hồi vậy. Cái bệnh tối kỵ của kẻ tham thuyền học đạo, ở cả trong cái chữ « minh » (sáng), nằm che trước mắt, rồi lầm nhận « bệnh » làm « thuốc » vậy. Nếu biết lấy việc bỏ-phận làm việc cần kíp, mặc kệ thuyền đạo sự-lý, lòng lưu luyến, ưa với chẳng ưa; chỉ chuyển mình một cái thì thuyền-đạo sự-lý, lòng lưu luyến, ưa ghét, tự nhiên trên mắt quén sạch một từng mây, chẳng bị sáng mờ chướng ngại. Chẳng thế thì một chữ « phật », ta cũng chẳng ưa nghe, Văn-môn nói được, Cù-sĩ nói chẳng được, phải chờ đến khi thấy rõ một chân mang hai chiếc bát-tát, lột ra mang lại, tự-do thẳng bước tiến lên, mới tin lời Lão-tăng nói chẳng sai vậy. Chẳng thế cũng ví như ngồi ở bên giỗ cơm mà cứ kêu đói bụng vậy. Xin chớ chấp mấy lời đường đột. Thông thả sẽ còn thư sau tiếp theo.

Lúc ta đang đau nằm tại Hội-An, Quả-Công hai ba lần xin cử Lưu-Thanh làm chức Oai-phủ, quản-lý hàng hóa ngoại-quốc. Ta vô tình nghe lầm, làm thư tiền cử, liền được Quốc-Vương phê chuẩn. Theo lệ cũ, Lưu-Thanh phải nạp bạc thuê một vạn lượng, hạn trong 10 ngày nạp đủ. Lưu cầm cái giấy có chữ Quốc-Vương phê, chạy khắp nơi cưỡng bức dân chúng để vay mượn. Đến lúc ta đến Thuận-Hóa, các khách buôn thuyền chủ đều quy oán, thuật chuyện Lưu-Thanh làm chuyện bắt chảnh, đều xác thực có chứng cứ. Ta nghĩ tiền hiền vì nước, vốn là việc hay; nhưng con người như thế nầy, sẽ làm việc hại dân, bóc lột kẻ buôn bán, tai hại vô cùng. Chính đương tính việc điều-tra cho biết các tệ-doan, thì y lại đến khẩn cầu ta giúp đỡ. Nhưng một lần lầm đã chẳng được, huống lại lầm lần thứ hai, vì vậy ta từ khước. Quả-Công rất lầy lăm buồn, bàn mưu với những người cận-